



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Flowerdrop (fanpop.com)**

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:**
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **SỰ HIỂU LÂM VÊ VÔ NGÃ CỦA PHẬT GIÁO** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 8
- ♦ **VU LAN VỚI NHÂN GIAN** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 9
- ♦ **BUÔNG** (thơ Thích Viên Thành), trang 10
- ♦ **NHÂN DUYÊN KHỜ RA CHÁNH KIẾN** (Quảng Tánh), trang 11
- ♦ **PHẬT PHÁP TRONG THỜI KINH TẾ THỊ TRƯỜNG** (Diệu Liên Lý Thu Linh dịch), trang 12
- ♦ **QUAY VỀ NƯƠNG TỰA / QUY NGƯỠNG** (thơ Tâm Không – Vĩnh Hữu / Tánh Thiện), trang 15
- ♦ **TÂM THƯ VẠN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÀM CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí) 17
- ♦ **CÒN ĐƯỜNG DUY NHẤT?** (Binh Anson), trang 18
- ♦ **KHÁI NIỆM CHỮA LÀNH TRONG ĐẠO PHẬT** (Diệu Huyền dịch), trang 20
- ♦ **5 BÀI THƠ – HERMAN HESSE** (Pháp Hoan dịch), trang 24
- ♦ **W.F. STEDE** (HT. Thích Trí Chơn), tr. 26
- ♦ **THƯỢNG PHẨM CAO ĐẲNG** (thơ Chúc Hiền), trang 27
- ♦ **ÁNH TRĂNG RẪM TRONG VĂN HÓA VÀ VĂN HỌC PHẬT GIÁO PHƯƠNG ĐÔNG** (Sakya Minh Quang), trang 28
- ♦ **MAI TÔI CHẾT** (thơ Đồng Thiện), trang 29
- ♦ **KẾT TẬP KINH ĐIỀN – Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- ♦ **CHỈ LÀ CHIẾC LÁ** (thơ Lưu Lăng Khách), trang 31
- ♦ **MÔI TRƯỜNG SỐNG – Lá thư đầu tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 32
- ♦ **LÒNG TỪ CẢM HÒA ĐƯỢC THIÊN HẠ – Câu chuyện dưới cờ** (Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi), trang 33
- ♦ **NỘI BUỒN SAI CHÍNH TÂM** (thơ Trần Thiên Thị), trang 34
- ♦ **SỨC SÁNG TẠO CỦA GIỚI PHẬT TỬ ĐẠI CHÚNG**, t.t. (Nguyễn Lang), trang 35
- ♦ **LỜI GÀN, Ý XA...** (thơ Huệ Trân), trang 38
- ♦ **THIỆN TẬP VỚI TRẺ EM** (Nguyễn Giác), trang 39
- ♦ **TẠI AI?** (Ns. Thích Nữ Như Thủy), tr. 41
- ♦ **THÔNG BẠCH SỐ 1 – KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 8** (HT. Thích Thông Hải), trang 42
- ♦ **PHẬT GIÁO VÀ CON ĐƯỜNG ĐẠO ĐỨC NHÂN BẢN** (Tâm Cảnh - Nguyễn Ngọc Cảnh), trang 47
- ♦ **CÀN TÂY, CÀ CHUA, MĂNG TÂY, ACTISÓ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 52
- ♦ **MỘT LÒNG VÌ ĐẠO** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 54
- ♦ **GIEO MỘT NIỀM TIN** (Tâm Không – Vĩnh Hữu), trang 55
- ♦ **KHAI PHÁ SỰ HOÀN MỸ NỘI TÂM** (Lâm Thanh Huyền – Minh Chi dịch), trang 56
- ♦ **ĐẬU HŨ CỤON RAU CÙ SÓT NƯỚC TƯỞNG** (hoidaubepaau.com), tr. 57
- ♦ **TRUYỆN NGÁN TRĂM LINH TÂM CHỮ** (Steven N.), trang 58
- ♦ **BÓNG TRÚC QUÉT SÂN TRẦN** (Nguyễn Duy Nhiên), trang 59
- ♦ **THÁNG MƯỜI THƯƠNG NHỚ NỬA HÒN TA** (thơ Du Tâm Lăng Tử), tr. 61
- ♦ **BÀI HỌC CỦA TƯỚNG LEE** (Mạnh Kim), trang 62
- ♦ **MỘT PHẦN TÂM THÀNH, MỘT PHẦN CẢM ỨNG** (Tiểu Lục Thân Phong), trang 63
- ♦ **CÒN CHẴNG CHỈ MỘT DẤU HẢI...** (Hạnh Chi), trang 64
- ♦ **STORY OF MENDAKA THE RICH MAN** (Daw Mya Tin), trang 65
- ♦ **ĐÊM TRĂNG MÙ SƯƠNG NGHE ĐÀN BUỒN TRÊN SÔNG HƯƠNG...** (thơ Bùi Ngọc Tuấn), trang 66
- ♦ **TIẾNG KHÓC MUỘN MÀNG** (Nguyễn Văn Sâm), trang 67
- ♦ **CÂY ĐÈN HÀNH KHÁT** (thơ Tâm Tấn), trang 71
- ♦ **CÂY ĐÈN KỶ LẠ** (Thích Minh Chiếu sưu tầm), trang 72
- ♦ **ĐỌC SÁCH "THIỆN TẬP TRONG ĐỜI THƯỜNG" CỦA NGUYÊN GIÁC** (Đào Văn Bình), trang 74
- ♦ **BỤI ĐƯỜNG – chương 2, t.t.** (Vĩnh Hào), trang 79



Báo Chánh Pháp số 71, tháng 10 năm 2017, do Chùa Quang Minh (Chicago, IL) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

THU XẾP CHO NGÀY MAI

Giông bão từ đại dương liên tục đánh vào bờ, gây lũ lụt, tàn phá nhà cửa, làm thiệt mạng cả mấy trăm người ở miền trung nam và đông nam Hoa-kỳ, rồi Ấn-độ và Việt-nam trong tháng qua. Tiếp theo là động đất, làm hàng trăm người ở Mê-tây-cơ tử vong, mất tích. Rồi lại bão, quét qua các đảo quốc phía biển đông nước Mỹ, lấy đi mạng sống mấy chục người. Rồi lại động đất đầu đó ở châu lục Á châu. Lại có dự đoán động đất mạnh tại California (the Big One) vào tháng 10 năm nay. Thiên tai liên tục thị uy, đe dọa đời sống nhân loại bằng sức mạnh vô bờ mà dù đã đạt đến những kỹ thuật tân tiến hiện đại, người ta vẫn chưa tìm ra cách nào để khống chế. Chỉ có tiên liệu, dự đoán mà thôi. Sự tiên liệu có thể làm giảm thiểu tổn thất từ một số người nơi một xứ sở nào đó, nhưng cũng không sao tránh được một số trường hợp cá biệt.

Hậu quả thiên tai được thống kê rất nhanh, rất rõ ràng bằng hình ảnh và số liệu cụ thể: bao nhiêu nhà cửa, mùa màng và của cải bị tiêu tán, bao nhiêu nhân mạng bị lấy đi hoặc mất tích chưa tìm ra. Nhưng nguyên nhân của thiên tai thì dù đã được các triết gia, thần học gia, đạo gia... giải thích từ vài thiên kỷ trước, cho đến thời cận đại và hiện đại thì các nhà khoa học về địa chất, địa lý, thiên văn, khí tượng, nhân chủng... cũng đã giải trình cặn kẽ từ các chứng liệu và dữ kiện khoa học, vẫn chưa đem lại giải đáp chung cuộc để có thể tiên liệu chính xác và dự phòng chu đáo. Ngay cả vấn đề "hâm nóng toàn cầu" (global warming), đã là một tiêu đề nhận thức môi trường phổ quát của thế giới, thì vẫn còn là điều bàn cãi, với những bất đồng từ các khoa học gia hàng đầu khác, thậm chí trở thành điều tin hay không tin của một vài nhà lãnh đạo chính trị nước lớn. Vậy rồi, dù ở những xứ văn minh nhất, người ta vẫn cứ phải đón nhận những thảm họa kinh hoàng của thiên tai... có khi trong bất ngờ, không thể chuẩn bị trước.

Thiên tai không thể tiên liệu, hoặc tiên liệu được với một xác suất rất thấp. Nhưng thiên tai là chuyện lớn, giải thích theo nghĩa đen là tai họa do Trời, do ý của thần linh (theo Phật giáo thì là nhân-quả, nhân duyên từ nhiều điều kiện thuận và nghịch chẳng chịt tác động lẫn nhau), rất khó lường và thường dẫn đến thái độ tuân phục, chấp nhận; còn chuyện nhỏ hơn như là chiến tranh với gươm đao thời xưa, súng đạn thời cận đại, và bom nguyên tử hiện nay—do con người bé nhỏ tạo nên, nhưng có thể gây tai họa khủng khiếp còn hơn thiên tai—thì sao, có thể tiên liệu và giải quyết ổn thỏa hay không, có

thể an phận xuôi tay, cúi đầu chấp nhận hay không?

Và bao nhiêu chuyện nhỏ hơn nữa trong đời sống hàng ngày thì thế nào, con người có thể dự trừ và sắp xếp tương lai theo ý mình hay không? – Được. Từ nghìn xưa đến nay, mọi người đã làm được. Từ dài hạn mấy mươi năm, đến ngắn hạn mười năm, năm năm, một năm, một tháng, một tuần, một ngày, và vài giờ, đều có thể hoạch định một điều gì đó để thực hiện cho tương lai. Kết quả có khi như ý, có khi không. Mà đa phần sự bất như ý đều từ cái chết. Cái chết có thể làm gián đoạn, hoặc xóa sạch những gì con người trừu liệu. Cái chết là chuyện lớn. Cái chết làm con người sợ hãi, dù chưa ai trải nghiệm khi đang sống—tức là sợ hãi điều mơ hồ ở tương lai, sợ hãi điều xảy ra cho người khác trong quá khứ. Cái chết chưa hề có mặt trong hiện tại, nhưng lại làm con người đánh mất đi hiện tại của mình bằng nỗi lo âu, khiếp sợ. Cho nên tôn giáo nào cũng đưa ra một viễn ảnh đầy hứa hẹn sau khi chết, như để an ủi, khích lệ con người sống vui, sống tích cực trong hiện tại.

Nhà Thiên cũng nêu chuyện sinh-tử làm "đại sự." Sống như thế nào, và chết như thế nào. Hành giả phải thường quán niệm về vô thường, khổ, vô ngã [1], thực hành giới-định-tuệ để vượt qua sợ hãi, sống an vui, chết tự tại. Những phương châm và khẩu quyết của thiền gia từ đời xa xưa, hướng dẫn cho những nỗ lực quyết liệt nhằm thoát ly sinh-tử, thì nay được làm mới lại bằng ngôn ngữ bình dị, phổ thông hơn, với sự thực hành dễ dãi, đơn giản hơn: hiện pháp pháp trú, đi-đứng-nằm-ngồi trong chánh niệm, an trú trong hiện tại, tinh thức trong từng hơi thở... Để rồi những hành giả dụng công hời hợt có thể tự tin, trêu giỡn với tử thần: tử thần là ai, ở đâu? ta chỉ biết thì hiện tại, còn người ở thì tương lai xa xôi, có chi ta phải sợ mi!

Nhưng nếu không quán triệt được một cách rốt ráo bản chất của vô thường, khổ, vô ngã; không đi vào thiền định sâu xa để phá vỡ vô minh, tham ái, thì việc lấy hiện tại che lấp quá khứ và tương lai, cũng chỉ là choàng lên tử thần chiếc áo hoa mịn màng đẹp đẽ. Tử thần vẫn sẽ gõ cửa đúng giờ hẹn, hoặc không hề hẹn trước. Khi ấy, thân xác đón đau khổ liệt, hơi thở dồn dập tán loạn, và tâm thần hốt hoảng, hãi sợ, tiếc nuối, sẽ che lấp đi chánh niệm. Vậy rồi, ai sẽ đi cùng ta đi vào đời sau? Ta sẽ mang theo được gì cho đời sống kế tiếp?

Tương lai mơ hồ, bất định thì cái chết cũng mơ hồ, bất định, không sao lường trước được. Nó không tùy thuộc hoàn toàn vào cơ thể mạnh khỏe

và tâm trí minh mẫn; cũng không hề thuộc vào những lều đài kiên cố, điện thờ nguy nga. Nó sẽ đến bất cứ lúc nào và sẽ lôi ta đi cùng với những hành nghiệp ta tạo tác trong đời sống. Nghiệp sẽ là bạn đồng hành duy nhất của ta trên con đường tương lai mờ mịt của đời sau.

(Sự) nghiệp mà chúng ta đã tạo tác trong đời sống là gì? – Từ thuở ấu thời đến lúc trưởng thành, từ trung niên đến khi già cỗi: vui chơi, học hành, sinh nhai, yêu đương, lập gia đình, nuôi dạy con cái; xấu tính thì đố kỵ ganh ghét người hơn mình, tự mãn khinh thường người thua mình, kỳ thị, thù hằn, cầu danh, háms lợi, bủn xỉn, giữ của, thụ hưởng vật chất, cố ý hại người vì lợi mình... Có khi được môi trường giáo dục tốt hơn thì chăm lo học hành, thi cử, thành đạt, rồi siêng năng làm việc sinh nhai, ích kỷ chỉ biết chăm lo cho bản thân và gia đình, không có tâm ganh ghét, tổn hại ai, mà cũng chẳng bao giờ quan tâm làm lợi ích cho ai.

(Sự) nghiệp như thế suốt một đời (chưa kể những nghiệp nhân tích lũy từ những đời trước) có đủ bản lĩnh, tự tin để bình thản, an vui, đối diện, trêu chọc cái chết hay không?

Cái chết là gì, ở đâu? – Chính là cái sắp tới, sẽ tới, bất kỳ lúc nào trong tương lai. Từ hiện tại hướng đến tương lai, là từ sinh bước đến cái sắp sinh. Cái sắp sinh là cái sẽ sinh, và sẽ diệt, sẽ chết. Cái sinh (hiện tại) sẽ diệt (vào quá khứ) để cái sắp sinh (tương lai) bước vào làm cái sinh hiện tại; rồi cái sinh hiện tại này lại diệt để cái sắp sinh khác tiến vào hiện sinh. Nhưng tương lai là cái chưa có, không thực có thì làm gì có diệt, có chết? – Vì hiện tại được nhìn nhận là thực có, nên tương lai sẽ thực có; tương lai nếu sẽ thực có trong hiện tại thì nó sẽ diệt vào quá khứ. Cũng vậy, nếu xác nhận sự thực-hữu của hiện tại tức cũng xác nhận sự thực-hữu của quá khứ. Cái này có thì cái kia có, cái này sinh thì cái kia sinh, cái này không thì cái kia không, cái này diệt thì cái kia diệt [2]. Chấp vào sự thực hữu của hiện tại cũng chính là chấp vào thực hữu của quá khứ và tương lai. Vượt khỏi ba thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai), tức là thấu-triệt lý vô thường, khổ, vô ngã, mới thực sự giải thoát, không còn sợ hãi sinh-tử.

Trở lại chuyện giông bão, động đất, lũ lụt... từ thiên tai; và hận thù, bạo lực, chiến tranh... từ con người.

Đã có lời cảnh báo và hướng dẫn cách phòng bị thức ăn, nước uống, đèn pin, tiền mặt, chăn mền cho mọi người trong gia đình trong vòng bảy ngày; và cũng đã có những quảng cáo xây lắp hầm trú ẩn để tránh bom nguyên tử. Có nghĩa là người ta đã biết nhìn thẳng vào cái chết (vô thường) và ách nạn (khổ), biết tiên liệu, sắp xếp việc bảo vệ thân mạng để đón chờ một tai họa lớn ập đến trong tương lai; còn phần tinh thần, mỗi người hãy tự lo liệu lấy.

Sau khi chuẩn bị đầy đủ đồ dùng khẩn cấp (family emergency kits), chúng ta có cần thu xếp một hành trang tinh thần để mang

theo không? Đừng nói suông như vẹt theo ngôn ngữ nhà Thiền là "*sống ngày nay biết ngày nay, còn xuân thu trước ai hay làm gì!*" [3]. Đừng tưởng thiền gia chỉ biết hiện tại, không cần biết quá khứ, tương lai. Thiền sư chân chính là người quán thông cả ba thời gian, mà không vướng mắc vào khoảnh khắc sinh-diệt nào. Những người hành thiền ngày nay đều biết thu xếp nơi ăn chốn ở, nơi đi nơi đến, thời khóa biểu tu tập, giảng dạy, họp chúng, ngày nghỉ giải lao, v.v... tức là không thể không tiên liệu, dự liệu tương lai.

Hành trang tinh thần cần mang theo là gì? – Là tội hay phước, là ác nghiệp hay thiện nghiệp, tùy chọn. Nhưng để trang bị cho đời sau tốt đẹp hơn, chuẩn bị tinh thần an tĩnh trước khi tai họa ập đến, tất nhiên phải nghĩ đến thiện nghiệp.

Không cần phải liệt kê những gì là thiện. Chỉ cần nhận thức rõ những gì chúng ta làm mà cảm thấy lòng an vui, hân hoan, phơi phới, nhẹ nhàng như mây... khi có thể giảm thiểu khổ đau cho người, mang lại ích lợi cho số đông, thì việc ấy đáng làm, nên làm.

Và nếu trong những ngày sắp tới, chẳng có tai họa thảm khốc nào xảy ra cả, thì hãy cứ như vậy: tránh xa những điều ác có thể làm hại mình, hại người; vui làm điều thiện, vì lợi ích cho mình, cho người; và hãy luôn giữ tâm thanh thản, an bình, không hận thù, kiêu căng, không tham lam, bủn xỉn [4].

Thiên tai hay nhân họa cũng khó lường; có thể sẽ không bao giờ xảy ra trong đời ta, nhưng vô thường là điều có thực, đang diễn ra trong từng phút giây đời sống. Không chờ đợi, không mong cầu, nó cũng sẽ đến, vào một lúc nào đó trong tương lai, xa hay gần. Chúng ta không thể ỷ lại, thờ ơ, thiếu cảnh giác khi đời sống bình an trôi qua từng ngày. Bởi vì, như tục ngữ Tây Tạng có nói: "*Ngày mai hay đời sau, chẳng biết cái nào sẽ đến trước.*"

- 1) Tam pháp ấn (vô thường, khổ, vô ngã) là 3 dấu ấn, 3 nguyên lý xác định tính cách chân thực của chánh pháp. Thiếu một trong ba nguyên lý này, một giáo lý hay một triết thuyết nào dù được cho là từ kinh Phật, cũng không thể được xác nhận như là chánh pháp.
- 2) "*Nhược thử hữu tắc bi hữu, nhược thử sinh tắc bi sinh, nhược thử vô tắc bi vô, nhược thử diệt tắc bi diệt.*" Kinh A-hàm.
- 3) "*Đản tri kim nhật nguyệt, thủy thức cự xuân thu,*" hai câu của Thiền sư Thiền Lão thời nhà Lý, Nguyễn Lang dịch.
- 4) "*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo.*"

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

MIỀN ĐIỆN: Các bộ trưởng thảo luận với các vị lãnh đạo tu sĩ Phật giáo về tình hình an ninh tại bang Rakhine

Các bộ trưởng của chính phủ Miền Điện đã hội kiến với các vị lãnh đạo tu sĩ Phật giáo để thảo luận về tình hình an ninh ngày càng xấu đi tại bang Rakhine, và về những nỗ lực nhằm bảo đảm sự an toàn của người dân tộc Rakhine sống ở đó.

Trong cuộc họp với 11 nhà sư hàng đầu đến từ thủ đô hành chánh Sittwe, Trung tướng Ye Aung, bộ trưởng các vấn đề biên giới, nói rằng chính phủ sẽ bảo đảm sự an toàn tại miền bắc của bang Rakhine sau khi diễn ra những vụ tấn công chết người vào các trạm biên phòng vào tháng 10-2016.

Vào ngày 13-8-2017, chư tăng và người dân tộc Rakhine tại 15 thị trấn ở Rakhine đã phản đối, kêu gọi chính phủ giải quyết tình hình an ninh và yêu cầu các cơ quan cứu trợ - mà họ cáo buộc là hỗ trợ các chiến binh Hồi giáo Rohingya - rời khỏi khu vực này.

(Mizzima - August 15, 2017)



Các bộ trưởng Miền Điện hội kiến với các vị lãnh đạo tu sĩ Phật giáo về tình hình an ninh tại bang Rakhine—Photo: Mizzima

NHẬT BẢN: Robot 'Phật giáo' Pepper

Trong một sáng kiến nhằm giúp các tang quyến tiết kiệm được tiền, công ty Nissei Eco có trụ sở tại tỉnh Kagawa đã lập trình robot 'Phật giáo' Pepper có thể niệm chú và đọc kinh Phật giáo - vốn là việc mà một nhà sư thường được thuê để thực hiện.

Được sáng tạo bởi Nhóm Soft Bank, robot Pepper mặc trang phục tăng sĩ truyền thống bằng vải, cao 1.2 m này cũng có thể hiển thị các thông điệp trên màn hình của mình.

Có khoảng 10,000 Pepper được sử dụng trên khắp thế giới, với mỗi robot có thể được lập trình theo nhiệm vụ cụ thể dù là kinh doanh hoặc giải trí (mặc dù người dùng phải ký một hợp đồng để hứa không sử dụng cho mục đích tình dục). Mỗi robot Pepper có giá khoảng 1,300 Bảng hoặc có thể được thuê với mức 250 Bảng một tháng.

(ibtimes.co.uk - August 17, 2017)



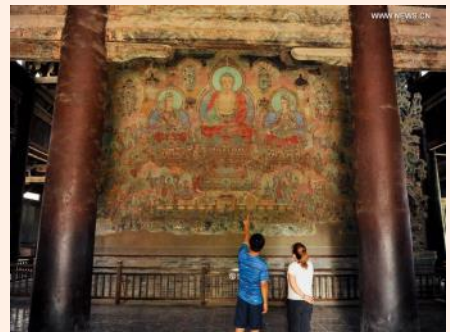
Robot 'Phật giáo' Pepper
Photos: Nissei Eco

TRUNG QUỐC: Phục chế các bức họa tại chùa Longxing, Hà Bắc

TIN ẢNH: Tại chùa Longxing ở huyện Chính Định, tỉnh Hà Bắc (Trung Quốc), các công việc phục chế và bảo tồn những bức bích họa Phật giáo của triều nhà Minh (1368-1644) có diện tích 400 m2 đang được thực hiện.



Nhóm chuyên gia đang phục chế một bức bích họa



Một thành viên của đội phục chế giới thiệu với du khách một bức họa cổ xưa



Bích họa Phật giáo được phục chế tại chùa Longxing



Một chuyên gia trong đội phục chế bích họa đang làm việc (NewsNow – August 17, 2017)
Photos: Chen Qibao

HOA KỲ: Hàng nghìn người dự lễ khánh thành Ao Quán tưởng tại chùa Munisotaram ở quận Dakota

Dakota, Minnesota – Ngày 12-8-2017, gần 7,000 người đã có mặt tại chùa Munisotaram, ngôi chùa Phật giáo Cam Bốt lớn nhất của Hoa Kỳ ở quận Dakota, để dự lễ khánh thành một ao quán tưởng mới. Ao có diện tích 200x175 feet, giữa ao có một tượng Phật cao 20 feet, được xây trong 2 năm với kinh phí khoảng \$530,000.

Người Mỹ gốc Cam Bốt từ khắp Hoa Kỳ, cùng với 140 nhà sư từ khắp nơi trên thế giới, đã đến với lễ khánh thành diễn ra trong 3 ngày này. Nhiều người trong số đó cảm tạ ngoài trời.

Sự kiện nói trên cũng đánh dấu 29 năm thành lập chùa. Ban đầu tọa lạc tại Eagan, chùa hiện nay nằm trên 40 mẫu đất tại Hampton.

(Star Tribune – August 18, 2017)



Chư tăng tại chùa Munisotaram (Dakota, Hoa Kỳ)
Photos: Erin Adler



MÃ LAI: Đại lễ Cúng dường Toàn quốc Thường niên lần thứ 27 do hội Phật giáo Mã Lai Yayasan Bella tổ chức

Những bài đạo ca và tụng niệm đã vang lên khắp Đại sảnh Khu 33 tại Trung tâm Mua sắm Prangin ở Penang trong Đại lễ Cúng dường Toàn quốc Thường niên lần thứ 27.

Khoảng 280 nhà sư từ khắp đất nước Mã Lai đã được cúng dường nhiều loại thực phẩm chay tại sự kiện do hội Phật giáo Mã Lai Yayasan Bella (YBBM) tổ chức này.

Datuk Tan Gin Soon, trưởng ban tổ chức buổi lễ, nói rằng điểm nổi bật của sự kiện nói trên là sự cúng dường thực phẩm đến Tăng đoàn và sự chuyển nhận công đức. Ông nói Đại lễ Cúng dường là lễ dâng thực phẩm lên các thành viên Tăng đoàn, những người thoát tục để hành đạo nhằm đem Phật-Pháp đến với các thế hệ tương lai. Thông qua sự kiện này, những người tham dự sẽ nhận được phước lành từ chư tăng.

Chủ tịch YBBM là Datuk Ang Choo Hong trong diễn văn khai mạc của mình đã khuyến khích nhiều Phật tử hơn tham gia vào những sự kiện như vậy.

(tipitaka.net – August 20, 2017)



Chư tăng tại Đại lễ Cúng dường Toàn quốc Thường niên lần thứ 27 ở Penang, Mã Lai—Photo: thestar.com.my

BANGLADESH: Xuất bản Tam Tạng Kinh (Tripitaka) bằng tiếng Bangla

Bản dịch tiếng Bangla của toàn bộ Tam Tạng Kinh (Tripitaka) đã được xuất bản. Đây là bộ kinh Phật giáo cổ

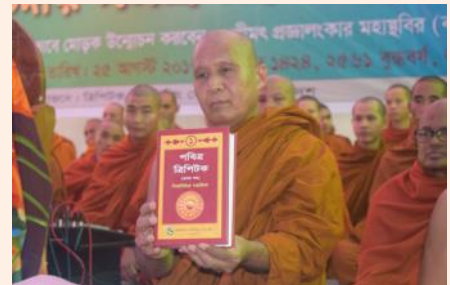
xưa nhất và là văn bản duy nhất được Phật giáo Nguyên Thủy thừa nhận là kinh điển.

Ngày 25-8-2017, tại một chương trình trong khuôn viên Tịnh xá Rajbana, Sư trưởng của tịnh xá là hòa thượng Pragyalanker Mohastahbir đã công bố bản dịch tiếng Bangla 25 tập mang tên "Pabitra Tipitaka" này.

Modhumangal Chakma, chủ tịch hội Xuất bản Tripitaka, cũng được vinh danh tại sự kiện vì những nỗ lực của ông trong việc xuất bản bản dịch đồ sộ nói trên.

Trong 5 năm, từ 2012 đến 2016, một nhóm gồm 27 nhà sư - do sư Indragupta Mohastahbir của Tịnh xá Rajbana làm trưởng nhóm - đã chuyển ngữ bộ kinh Phật khổng lồ này từ bản dịch nguyên thủy được viết bằng tiếng Pali, gồm 59 tập.

(Dhaka Tribune – August 26, 2017)



Sư trưởng của tịnh xá Rajbana công bố bản dịch tiếng Bangla 25 tập mang tên "Pabitra Tripitaka" —Photo: Dhaka Tribune

HOA KỲ: Chủng viện Liên hiệp Thần học tôn vinh Thiền sư Nhất Hạnh

Chủng viện Liên hiệp Thần học (UTS) tại thành phố New York đã thông báo rằng trong buổi lễ của hội nghị tôn giáo hàng năm vào ngày 6-9, Thiền sư Thích Nhất Hạnh sẽ được trao Huân chương Liên hiệp, giải thưởng cao quý nhất của chủng viện.

"Thầy" Nhất Hạnh sẽ nhận huân chương này vì những bài viết và bài giảng phong phú của ông, vốn đã kết nối tâm linh Đông phương và Tây phương. Sư cô Chân Đức, người đại diện từ Làng Mai -

cộng đồng tu viện do Thầy Nhất Hạnh thành lập gần Bordeaux, Pháp - sẽ đến New York để nhận huân chương thay mặt ông.

Là một thiền sư Phật giáo, tác giả, thầy dạy Đạo Pháp, nhà hoạt động hòa bình và học giả nổi tiếng thế giới, Thầy Nhất Hạnh đã đặt ra thuật ngữ Phật giáo dẫn thân và đã viết rất nhiều ấn phẩm về chánh niệm và hòa bình. Ông là một trong những người tiên phong của Phật giáo ở Tây phương và đã thành lập nhiều tu viện và trung tâm trên khắp thế giới.

(Buddhistdoor Global - August 25, 2017)



Thiền sư Thích Nhất Hạnh
Photo: plumvillage.org

ẤN ĐỘ: Các ni cô Kung Fu dạy phụ nữ cách chiến đấu chống lại những kẻ tấn công tình dục

Leh, Ấn Độ - Một nhóm nữ tu Phật giáo đang dạy cho hàng chục phụ nữ trẻ cách tự bảo vệ mình bằng những kỹ thuật Kung Fu đặc biệt để chống lại bọn tấn công và sẵn mỗi tình dục.

Các ni cô đai đen Kung Fu phái Drukpa này đang gánh vác một trong những mối đe dọa lớn nhất mà phụ nữ và các cô gái tại Ấn Độ phải đối mặt ngày nay: Hiếp dâm.

Gần 100 phụ nữ tuổi từ 13 đến 28 đã theo một lịch trình khắt khe trong suốt khóa học vào tháng 8 này.

Nó bao gồm các kỹ thuật về xử lý khi bị tấn công từ phía sau, các đòn như gỡ thoát và đánh, và các cuộc thảo luận về cách phản ứng trong các tình huống có thể xảy ra tấn công tình dục.

Theo truyền thống, chư ni chỉ lo việc nấu ăn và dọn dẹp chứ không được phép luyện võ thuật. Nhưng điều này đã thay đổi cách đây gần một thập kỷ ,

khi Đức Pháp vương Gyalwang Drukpa khuyến khích các ni cô học Kung Fu.

(Mirror - August 25, 2017)



Các ni cô Kung Fu dạy võ thuật tự vệ cho phụ nữ tại Ấn Độ—Photos: Mirror

MIỀN ĐIỆN: Các lễ hội Phật giáo diễn ra trong những tháng tới tại Miền Điện

Miền Điện đang chuẩn bị cho sự kết thúc Mùa Chay Phật giáo, với một số lễ hội sẽ được tổ chức trong những tháng tới:

Lễ hội Chùa Manuha (Bagan - từ ngày 4 đến 6-9-2017), là lễ hội 3-ngày tại khu Myinkabar của Bagan. Cứ dân tảng du khách bánh gạo và dưa muối mùa đông, một truyền thống bắt nguồn từ thời Vua Manuha vào đầu thế kỷ 11. Chư tăng tập trung tại lễ hội để nhận thực phẩm cúng dường trong những bình bát lớn xung quanh chùa.

Lễ hội Chùa Phaung Daw

Oo (Hồ Inle - từ 21-9 đến 8-10-2017): Lễ hội ngoạn mục trên hồ Inle này có các thuyền với 50-60 người chèo bằng chân kéo theo một sà lan ngang qua các vùng nước của hồ. Trên sà lan có 4 tượng Phật được mang đi từ làng này đến làng khác để Phật tử địa phương có thể chiêm bái và cúng dường các pho tượng.

Thadingyut - lễ hội ánh sáng (Diễn ra trên toàn quốc - từ 4 đến 6-10-2017): Sự kết thúc Mùa Chay Phật giáo là thời gian để bày tỏ lòng tôn kính cha mẹ, thầy giáo và người cao tuổi. Vào ngày trăng tròn của tháng 10 (thường nằm giữa tháng 10) các ngôi nhà và chùa chiền đều được thắp sáng bằng nến.

(traveldailynews.asia - August 25, 2017)

ẤN ĐỘ: Phát hiện di tích Phật giáo trên đỉnh đồi tại quận Guntur của bang Andhra Pradesh

Guntur, Andhra Pradesh - Một di tích Phật giáo mới đã được phát hiện tại ngôi làng nhỏ Putlagudem ở khu Atchampet vào ngày 27-8-2017. Một nhóm nghiên cứu bao gồm Siva Nagi Reddy, nhà khảo cổ học và là Giám đốc Trung tâm Văn hóa Vijayawada & Amaravati, cùng với Subhakar Medasani, thư ký của Tỉnh xá Vijayawada, và đội viên là Gavardhan, đã tìm thấy di tích Phật giáo cổ đại này trong khi họ đang thăm dò các ngôi làng tại khu Atchampet như một phần của chiến dịch Bảo tồn Di sản cho Hậu thế.

Trên đỉnh ngọn đồi có tên Bhairava Gutta, nhóm nghiên cứu đã phát hiện những cột trụ của một Silamandapa bị gãy vỡ ở trước một ngôi đền Venkateswara đổ nát.

Theo Siva Nagi Reddy, khu di tích Phật giáo ở Putlagudem có niên đại từ thế kỷ thứ 1 sau Công nguyên. Do tọa lạc trên đỉnh đồi, di tích này thuộc giáo phái Seliya của Tăng già Phật giáo.

(New Indian Express - August 28, 2017)



*Di tích Phật giáo tại Guntur (Ấn Độ)
Photo: New Indian Express*

ẤN ĐỘ: Kiến trúc hang động Phật giáo Bedse tại huyện Pune

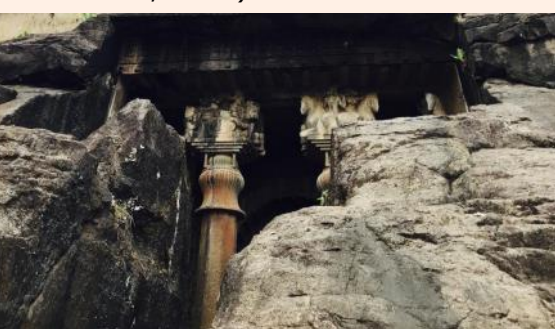
Huyện Pune (bang Maharashtra) có nhiều hang động và Bedse là một trong những hang động nổi tiếng nhất trong số đó.

Các hang tại làng Bedse được xem là một giai đoạn quan trọng trong sự phát triển của kiến trúc hang động Phật giáo tại Ấn Độ. Các hang này có một tụng niệm đường với một bảo tháp và một hang cư trú.

Theo Tổng công ty Phát triển Du lịch Maharashtra, các hang Phật giáo Bedse từng được khai quật vào thế kỷ thứ 1 trước Công nguyên. Có 2 hang hoàn chỉnh và 2 hang chưa hoàn chỉnh tại đây.

Hang động Bedse ở độ cao đáng kể, và để lên đến nơi, người ta phải leo lên khoảng 400 bậc cấp dẫn đến các hang này.

(tipitaka.net - September 3, 2017)



*Hang động Phật giáo Bedse tại huyện Pune (Ấn Độ)
Photo: Hindustan Times*

INDONESIA: Hội đồng Phật giáo Indonesia kêu gọi đoàn kết khi căng thẳng tôn giáo gia tăng tại bang Rakhine của Miền Điện

Jakarta, Indonesia - Vào ngày 3-9-2017 tại Chùa Dharma Bhakti ở Jakarta, các cộng đồng Phật giáo đã tổ chức một sự kiện để bày tỏ sự đoàn kết với người Rohingya Hồi giáo.

Nhiều nhà lãnh đạo của các tổ chức liên tôn giáo đã tham gia sự kiện này.

Các vị lãnh đạo Hội đồng Phật giáo Indonesia đang kêu gọi sự đoàn kết, nhắc lại đường lối quen thuộc rằng chủ nghĩa khủng bố không có tôn giáo, và kêu gọi người Indonesia chống lại sự khiêu khích vốn có thể gây nguy hiểm cho hòa hợp tôn giáo trong nước - như những lời lên án về bạo lực đối với người Hồi giáo Rohingya tại bang Rakhine của Miền Điện.

Những người đứng đầu Hội đồng Phật giáo Indonesia cũng kêu gọi chính phủ Miền Điện bảo vệ, cứu trợ và bảo đảm nhân quyền của tất cả người Hồi giáo Rohingya tại bang Rakhine.

(Jakarta Globe - September 4, 2017)

THÁI LAN: Nữ tu sĩ Phật giáo tìm được sự công nhận ngày càng tăng

Thái Lan chưa bao giờ chính thức công nhận sự truyền giới đầy đủ của phụ nữ, và chư ni thường không được hưởng sự chấp nhận xã hội như chư tăng.

Tuy nhiên, các cộng đồng nữ tu sĩ bị từ chối đã tồn tại và đang phát triển trên khắp Thái Lan. Hiện có hơn 100 tỉ kheo ni được xác định, và sự quan tâm và ủng hộ quốc tế cũng đã giúp thúc đẩy phong trào trong những năm gần đây, với các tổ chức như là Mạng Tỳ kheo ni truyền thống Nguyên thủy Á châu và Hiệp hội Nữ Phật tử Quốc tế Sakyadhita - vốn làm tăng thêm sự đồng thuận. Tại Thái Lan, Tu viện Songdhammakalyani

ở thành phố trung tâm Nakhon Pathom của tỉnh Nakhon Pathom đã trở thành một trung tâm quốc tế đào tạo nữ tu sĩ Phật giáo.

Ni sư Dhammananda, tu viện trưởng, là nữ tu sĩ được truyền giới đầy đủ đầu tiên của Thái Lan.

(Buddhistdoor Global - September 4, 2017)



*Ni sư Dhammananda, nữ tu sĩ được truyền giới đầy đủ đầu tiên của Thái Lan
Photo: huffingtonpost.com*



*Cúng dường chư ni tại làng Talad Mai (Thái Lan)
Photo: Denis Gray*



SỰ HIỂU LẦM VỀ VÔ NGÃ CỦA PHẬT GIÁO

HT. Thích Thắng Hoan

(tiếp theo kỳ trước)

Giải Thích:

1, Đảnh Thánh: Đảnh là chỉ cho đỉnh đầu của con người, Thánh là chỉ cho Phật; câu này có nghĩa là con người sau khi xả bỏ thân mạng kiếp này, Thần Thức của họ xuất ra trên cửa đảnh đầu là báo hiệu người đó kiếp sau sẽ thành Phật (Thánh).

2, Nhãn sanh Thiên: Nhãn là con mắt, Thiên là cõi Trời; câu này có nghĩa là con người sau khi xả bỏ thân mạng kiếp này, Thần Thức của họ xuất ra cửa đôi mắt là báo hiệu người đó kiếp sau sẽ sanh lên các cõi Trời.

3, Nhân Tâm: Nhân là con người, Tâm là quả tim; câu này có nghĩa là con người sau khi xả bỏ thân mạng kiếp này, Thần Thức của họ xuất ra cửa quả tim nơi ngực là báo hiệu người đó kiếp sau sẽ sanh trở lại làm người.

4, Ngạ Quỷ Phúc: Phúc là bụng, tức là chỉ cho huyết Thần Khuyết (lỗ rốn); câu này có nghĩa là con người sau khi xả bỏ thân mạng, Thần Thức của họ xuất ra cửa huyết Thần Khuyết là báo hiệu người đó kiếp sau sẽ sanh vào cõi Ngạ Quỷ.

5, Bằng Sanh: là chỉ cho súc sanh, Tất là đầu gối, Cá là cái, Ly là lìa khỏi; Tất Cá Ly, nghĩa là lìa khỏi đầu gối; câu này có nghĩa là con người sau khi xả bỏ thân mạng kiếp này, Thần Thức của họ xuất ra nơi hai đầu gối là báo hiệu người đó kiếp sau sẽ sanh vào cõi Súc Sanh.

6.- Địa Ngục Cước Tâm Xuất: Cước là gót chân, Cước Tâm Xuất nghĩa là ra khỏi nơi lòng bàn chân; câu này có nghĩa là con người sau khi xả bỏ thân mạng kiếp này, Thần Thức của họ xuất ra nơi hai đầu gối là báo hiệu người đó kiếp sau sẽ sanh vào chốn Địa Ngục.

Để làm sáng tỏ vấn đề sáu câu kệ nói trên, chúng ta thử quán chiếu hành động của một con người để khảo sát. Thí dụ anh A trong



kiếp này suốt cuộc đời làm nghề sát sanh để sống, mỗi lần anh giết một con bò là anh gây một nhân hận thù nghiệp sát với con bò và trong lúc giết hình bóng con bò đã được anh chụp lấy vào tâm của anh, đồng thời hình bóng của anh cũng được con bò chụp lấy vào tâm của nó. Anh giết bao nhiêu con bò chính là đã gây bao nhiêu nhân hận thù nghiệp sát và chụp lấy bấy nhiêu hình bóng con bò vào tâm của anh. Anh chẳng những giết bò mà còn giết cả heo và cả chó, v.v... nghĩa là anh gây không biết bao nhiêu nhân hận thù nghiệp sát, chẳng những với bầy bò mà còn với bầy heo, với bầy chó, v.v... và anh cũng

chụp lấy không biết bao nhiêu hình bóng của chúng vào tâm của anh, đó là những nguyên nhân nghiệp tướng để kiếp sau anh chun vào trả quả. Trước hết anh sau khi xả bỏ thân mạng của kiếp này, trong tuần lễ đầu tiên chuyển tiếp, thế giới súc sanh bắt đầu mở cửa nếu như thần thức xuất ra từ hai đầu gối nơi thân xác của anh và ngay trong lúc đó các nghiệp lực hận thù của các súc sanh như bò, heo, chó, v.v... mà anh gây nhân lúc còn sanh tiền, thì đua nhau lôi kéo đòi nợ. Lúc bấy giờ Thần Thức Tự Ngã con người của anh bị biến tướng, có khi biến thành hình tướng con bò này, có khi biến thành hình tướng con bò kia, có khi biến thành hình tướng con heo này, hình tướng con heo kia, hình tướng con chó này, hình tướng con chó kia, v.v... để tìm duyên đầu thai trả quả. Bảy tuần lễ trong Trung Giới mà Thần Thức Tự Ngã của anh sở dĩ phải trải qua bảy lần biến tướng đều do các nghiệp sát của các thú vật tranh giành đòi nợ, thường gọi là bảy Toà An xét tội, Tuần thứ bảy (ngày thứ 49) là thời gian giới hạn của Trung Giới, cũng gọi thời gian Toà An cuối cùng định tội (định Nghiệp) để chấp nhận nghiệp nào thắng cuộc, thí dụ như nghiệp bò thắng cuộc thì ngay lúc đó Thần Thức Tự Ngã của anh A thay đổi hình

tướng liền chun vào nghiệp tướng con bò trắng để trở thành Tự Ngã của hình tướng bò con kiếp sau, còn các nghiệp khác của anh phải chờ đợi kiếp sau hoặc nhiều kiếp sau nữa. Cách thức thay đổi hình tướng Tự Ngã con người để đi vào các cõi như Thiên, Nhân, A Tu La, Địa Ngục và Ngạ Quỷ sau khi xả bỏ thân mạng cũng đều giống nhau như cách thức thay đổi hình tướng Tự Ngã để đi vào cõi súc sanh, nghĩa là cũng phải trải qua thời gian bảy Tuần lễ (49 ngày) cứu xét tội phước để định nghiệp. Ngoại trừ ba trường hợp sau đây Thần Thức Tự Ngã con người trực tiếp đi đầu thai thẳng vào sáu cõi nói trên mà không qua trung gian bảy tuần lễ (49 ngày) định nghiệp:

1,- Người nào đó lúc sanh tiền suốt đời chuyên tu duy nhất là đạo giải thoát làm nhân tố trên hết, ngoài ra không gây tạo nhiều nghiệp thiện ác nào khác của thế gian, Thần Thức Tự Ngã của họ sau khi xả bỏ thân mạng liền xuất ra trên cửa đỉnh đầu là báo hiệu kiếp sau của họ đi thẳng vào cõi Niết Bàn hay Tây Phương Cực Lạc mà không qua trung gian bảy tuần lễ xét định tội phước. Mặc dù được vãng sanh thành Phật, nhưng Tự Ngã con người của họ cũng phải thay đổi hình tướng thế gian để trở thành hình tướng Chân Ngã Pháp Thân của chư Phật. Hình tướng Chân Ngã Pháp Thân của chư Phật hoàn toàn không giống hình tướng Tự Ngã của con người. Hiện tượng này được thấy trong câu chuyện của ngài Mục Kiền Liên mà ai đã đọc qua cũng đều biết. Ngài Mục Kiền Liên là một vị trong mười đệ tử lớn của đức Phật Thích Ca; ngài có thần thông bậc nhất, một hôm ngài bay đến cõi Phật Thế Tự Tại Vương và ghé vào đó để nghe Phật thuyết pháp; các vị Bồ Tát của Phật Thế Tự Tại Vương đều gọi ngài là con Đại Trùng (con trùng to lớn). Qua câu chuyện trên cho biết Tự Ngã con người của ngài Mục Kiền Liên so với hình tướng Pháp Thân của đức Phật Thế Tự Tại Vương và đại chúng của Phật hoàn toàn không giống nhau. Chúng ta muốn sanh về cõi Phật này để an trụ tu tập thì nhất định phải thay đổi hình tướng Tự Ngã con người của chính mình mới hoà nhập được đại chúng trong cõi đó.

2,- Lúc sanh tiền người nào đó suốt cuộc đời chuyên gây tạo duy nhất một thứ nghiệp cực ác như tội ngũ nghịch thập ác, ngoài ra không gây tạo nhiều nghiệp thiện ác nào khác của thế gian, Thần Thức của họ sau khi xả bỏ thân mạng liền xuất ra nơi cửa hai lòng bàn chân là báo hiệu kiếp sau đi thẳng vào Địa Ngục mà không qua trung gian bảy tuần lễ xét định tội phước, nhưng họ cũng phải thay đổi Tự

VU LAN VỀ VỚI NHƠN GIAN

*Lá vàng nhè nhẹ lượng ngoài sân,
Báo hiệu Vu Lan sắp đến gần,
Con thảo chung lo gìn hiếu sự,
Hiền tôn nghĩ đến giữ tứ ân.*

*Con dân hiếu hạnh vui đại lễ,
Phật tử hiền ngoan chuyện phước phân.
Tháng Bảy ngày Rằm đều nhất hướng,
Nguyện cầu tiên tổ sớm siêu thăng.*



thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

(Đình Dậu Trọng thu – Aug. 20, 2017)

Ngã hình tướng con người thế gian để trở thành Tự Ngã hình tướng chúng sanh của cõi đó.

3,- Phương thức tái sanh của Tây Tạng là phương thức do Ý Thức của con người chỉ định chỗ tái sanh và Thần Thức của họ sau khi xả bỏ thân mạng liền đi thẳng đến chỗ quy định tái sanh cũng là cõi người, không qua trung gian bảy tuần lễ xét định tội phước và cũng không biến đổi Tự Ngã con người.

Có kẻ bảo rằng con người sau khi xả bỏ thân mạng kiếp này, Thần Thức của họ chỉ đi đầu thai thẳng không qua trung gian bảy tuần lễ để định nghiệp và cũng không thay đổi Tự Ngã. Nếu quả đúng như thế thì luật nhân quả và luân hồi không còn giá trị nữa, nghĩa là họ cứ gây nghiệp sát hại sanh mạng chúng sanh mà không sợ nhân quả và cứ làm tội ác mà không sợ luân hồi, nguyên vì nhân quả và luân hồi không bao giờ ảnh hưởng đến hành động của họ. Quan niệm này vô cùng sai lầm đối với luật nhân quả luân hồi của Phật Giáo.

V.- TÓM LẠI:

Tổng hợp những điều đã trình bày qua ở trên cho ta nhận thức, học thuyết vô ngã của Phật Giáo chủ trương đầu tiên là một phán quyết thật tại của đức Phật Thích Ca nhằm đánh giá cụ thể sanh mạng con người cũng như sanh mạng các hữu tình khác, tất cả đều mang tánh chất giả hợp của ngũ uẩn. Từ học thuyết vô ngã đó dùng làm nền tảng căn bản, các trào lưu tư tưởng Phật Giáo sau này cùng nhau thi đua phát triển, khai thác tận nguồn nguyên lý vạn pháp để rồi đi đến kết luận "Ngã Pháp Câu Không Luận" của Đại Thừa. Phải biết rằng Học thuyết Vô Ngã của Phật Giáo đứng trên lập

trường nhân tướng của vạn pháp để phán quyết mà không phải đứng trên quả tướng của vạn pháp để luận giải. Xét cho cùng thuyết vô ngã so với thuyết nhân quả luân hồi không bao giờ mâu thuẫn với nhau trong lãnh vực chuyển hoá duyên sanh nơi ba cõi mà còn biện minh cụ thể cho thuyết nhân quả luân hồi qua sự quyết định của nghiệp báo.

Có thể nói tất cả Tâm Thức dù cho dưới bất cứ hình thức nào, như sanh vào Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Nhơn, Thiên, A Tu La luôn luôn vẫn ở trạng thái năng lượng tuyệt đối không có bản ngã cố định nhất là Kiến Phần Thức A Lại Da thứ tám. Kiến Phần Thức này sở dĩ được mang danh Tự Ngã chính là do Kiến Phần Thức Mạt Na thứ bảy dán lên nhãn hiệu danh xưng qua nghiệp tướng của mỗi loại chúng sanh, vì thế nghiệp tướng luôn luôn thay đổi hình tướng theo nghiệp quả thì Tự Ngã cũng thay đổi theo nhu cầu của nghiệp nhân.

Tự Ngã dù cho có biến tướng để sanh vào thế giới nào cũng vẫn là ở tư thế vô ký (trung tính) trước mọi hoàn cảnh thuận nghịch, thiện ác mà chính nó không có vấn đề ký ức tốt xấu hay cảm thọ khổ lạc. Chỉ có Ý Thức thứ sáu sanh sau để muợn mới có vấn đề ký ức tốt xấu và cảm thọ quả báo khổ vui theo nhân quả nghiệp báo mà thôi. Đây là những bằng chứng cụ thể được lý giải tận tường để biện chứng thuyết Vô Ngã của Phật Giáo xin tặng các đọc giả bốn phương làm món quà gieo duyên trao tặng:

Viết xong ngày 11 tháng 11 năm 2015
Tác Giả Thích Thắng Hoan

NHỮNG SÁCH THAM KHẢO

- *- Vô Ngã và Luân Hồi của giáo sư Hoàng Tuấn Oai, Việt dịch Thích Hạnh Bình.
- *- Chết An Lạc, Tái Sanh Hoan Hỷ của Đại sư Tulku Thondrup Rinpoche, Việt dịch: HT. Thích Như Điển và TT. Thích Nguyên Tạng.
- *- Liễu Sanh Thoát Tử của dịch giả Hoà Thượng Thích Quang Phú.
- *- Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ của Hoà Thượng Thích Thanh Kiểm.
- *- Kinh A Hàm
- *- Phật Học Phổ Thông Khoá II của Hoà Thượng Thích Thiện Hoa.
- *- Bát Nhã Tâm Kinh Qua Cái Nhìn Của Duy Thức tác giả Thích Thắng Hoan.
- *- Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển I tác giả Thích Thắng Hoan.
- *- Kinh Địa Tạng
- *- Lịch Sử Triết Học Ấn Độ của Hoà Thượng Thích Mãn Giác
- *- Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ tác giả Wille Durant, dịch giả Nguyễn Hiến Lê.



BUÔNG

*Quảng gánh lo đi chớ cố trì
Còng lưng cuộc cố mãi ưu bi
Thạch Sùng (1) tiếc của do tham chấp
Bàng Uẩn (2) ngộ thời thì của đi
Bill Gates (3) tiền tài đem phụng sự
Steven Paul (4) gần chết mới tư duy
Nghỉ ngơi cho đi và buông xả
Thanh thân nhẹ nhàng thiền nào ly.*

Adelaide, Nam Úc, 11/9/2017. Tưởng niệm những nạn nhân trong đợt khủng bố ở Mỹ, nghĩ đến vô thường mà cảm tác. Mong mọi người sớm giác ngộ, mà hy hiến, buông xả và sống đầy ý nghĩa để yêu thương.

THÍCH VIÊN THÀNH

Ghi chú:

- (1) **Thạch Sùng:** là quan nhà Tây Tấn trong lịch sử Trung Quốc, nổi tiếng là nhân vật xa hoa giàu có đương thời. Do khoe và đua của với Vương Khải, vì thiếu “mê kho” thua, phải giao tài sản hết cho Vương Khải, tiếc của, nên Thạch Sùng chết uất ức, khí uất không tan hóa thành con vật thuộc lớp bò sát gọi là thạch sùng, cứ tặc lười như tiếc của.
- (2) **Bàng Long Uẩn:** Giàu có nhưng hướng tu thiền, khi ngộ được đạo, cả gia đình đồng tu, biết được tài sản là những thứ trói buộc không cho ta giải thoát, nên đã đem đồ hết xuống sông, không muốn cho ai phải gánh chịu những khổ đau ấy nữa.
- (3) **Bill Gates:** Doanh nhân, tỷ phú giàu nhất thế giới, nhưng đã dành 2/3 tài sản cho công tác TTXH, chủ yếu dành cho chăm sóc sức khỏe toàn xã hội cũng như đầu tư vào giáo dục.
- (4) **Steven Paul "Steve" Jobs:** là doanh nhân và nhà sáng chế người Mỹ. Ông là đồng sáng lập viên, chủ tịch, và cựu tổng giám đốc điều hành của hãng Apple, là một trong những người có ảnh hưởng lớn nhất ở ngành công nghiệp vi tính. Cuối đời khi nằm trên giường bệnh, Ông đã ý thức được sự Vô thường và khổ đau của cuộc đời, nên có “Những Lời Trần Trối Cuối Cùng” làm chấn động thế giới. <http://aroma.vn/loi-tran-troi-cua-steve-jobs-va-chiec-giuong-dat-nhat-the-gioi/>

NHÂN DUYÊN KHỞI RA CHÁNH KIẾN

Quảng Tánh

Người tu học Phật đều biết rằng, Bát Chánh đạo là nền tảng quan trọng của toàn bộ giáo pháp Thế Tôn. Trong đó, Chánh kiến tức nhận thức và quan điểm đúng Chánh pháp là chỉ phần quan yếu, có vị trí đứng đầu (Chánh kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh định). Nhận thức và quan điểm đúng Chánh Pháp sẽ quyết định sự nghiệp tu hành luôn đúng với lời Phật dạy, không bị thiên lệch, thăng trầm giải thoát Niết-bàn.

Thời Thế Tôn còn tại thế, vẫn có một số ít Tỳ-kheo nhận thức sai Chánh Pháp. May thay, các vị này được Thế Tôn nghiêm trách và chấn chỉnh kịp thời. Ngày nay, chúng ta tu học trong thời đại cách Phật lâu xa, Thánh tăng ngày càng ít, trong khi hầu hết là phạm và tạp tăng, cùng với sự nhận thức và diễn giải kinh pháp theo tư kiến chủ quan ngày càng gia tăng khiến cho người sơ học gần như lạc lối trong rừng giáo pháp, mỗi người nói một phách nên chẳng biết theo ai, khó phân định đúng-sai, tà-chánh. Hơn lúc nào hết, người tu Phật hiện nay cần bám sát những lời dạy của Thế Tôn được bảo tồn trong Kinh tạng để thiết lập và nêu cao Chánh kiến.

Chánh kiến tuy có nhiều tầng ý nghĩa, sâu cạn khác nhau nhưng căn bản vẫn là: Tin hiểu Nhân quả - Nghiệp báo; Tin sâu Bốn Thánh đế; Thấy rõ thực tính Duyên khởi - Vô thường - Vô ngã của vạn pháp; xác quyết Giới-Định-Tuệ là cốt tủy của mọi pháp hành nhân danh Đức Phật. Nên những nhận thức, quan điểm, phương pháp tu tập và hành đạo mà xa lìa những đặc điểm then chốt này sẽ lập tức rơi vào tà kiến, phi Chánh Pháp.

Vấn đề đặt ra là mỗi người nên thiết lập Chánh kiến cho mình bằng cách nào? Văn-Tư-Tu là con đường làm cho tâm thông trí sáng. Nhân Giới sanh Định, nhân Định phát Tuệ hay tức Giới, tức Định, tức Tuệ cũng khiến vô minh diệt, minh sanh. Từ thức tri, tiến lên thắng tri và thành tựu liễu tri. Trong pháp thoại dưới đây, Thế Tôn đề xuất hai pháp "nhận lời dạy dỗ và suy nghĩ về Chỉ, Quán trong lòng" chính là "hai nhân, hai duyên khởi ra Chánh kiến."

"Một thời Phật ở nước Xá-vê, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai nhân, hai duyên khởi ra Chánh kiến. Thế nào là hai? Nhận lời dạy dỗ và suy nghĩ về Chỉ, Quán trong lòng. Như thế, Tỳ-kheo đối hai nhân, hai duyên khởi ra Chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm."

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm 15. Hữu vô, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.198)

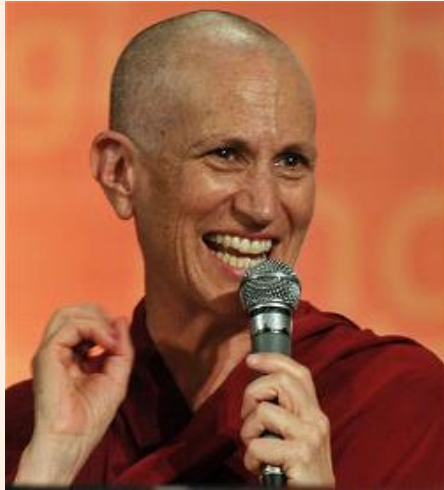
Theo Thế Tôn, muốn thành tựu Chánh kiến trước hết phải "nhận lời dạy dỗ" cho tứ chúng. Giảng dạy cho người đi sau, cho Phật tử và cho tất cả mọi người biết Chánh Pháp. Thật là sai lầm khi không ít Tăng Ni chúng ta ngày nay có xu hướng phó thác việc giảng dạy này cho các vị giáo thọ, giảng sư. Mà đúng ra, mỗi vị Tăng Ni và Phật tử đều phải là giáo thọ, giảng sư. Chư Tăng Ni hiện nay tụng niệm nhiều nhưng ít khi thuyết pháp, giảng dạy trong các khóa lễ. Có thể chư vị biết mà không dạy nhưng cũng có thể không biết nhiều để dạy hay không nhận ra tầm quan trọng của việc giảng dạy giáo pháp. Nên Thế Tôn thật thâm thúy khi đưa ra nhân duyên "nhận lời dạy dỗ" này. Muốn dạy người thì trước hết tự thân mình phải học tập, nghiên tầm giáo pháp. Một khi đã có hiểu biết giáo pháp sâu sắc thì thiết lập được Chánh kiến. Nên giảng kinh, thuyết pháp, dạy người mà thực chất chính là xây dựng Chánh kiến cho mình.

Kể đến, muốn thành tựu Chánh kiến phải "suy nghĩ về Chỉ, Quán." Tu tập thiền Định và thiền Tuệ, cách gọi khác của Chỉ Quán chính là cơ sở hình thành Chánh kiến. Nói rõ hơn là phải tu tập, thực hành giáo pháp thì Chánh kiến mới phát sinh. Tâm có định thì trí mới sáng, trí sáng tỏ rồi thì liền hết tà kiến, lầm mê.

Như vậy, theo lời dạy của Thế Tôn, mỗi người con Phật dù là xuất gia hay tại gia cần phải đầy đủ pháp Học và pháp Hành thì mới có thể thành tựu Chánh kiến. Phật giáo chúng ta tự hào có Tam tạng Kinh-Luật-Luận đồ sộ, minh triết bậc nhất, nhưng thực tế thì không phải ai tự nhận theo Phật cũng có Chánh kiến. Vấn đề là, liệu chúng ta có "nhận lời dạy dỗ và suy nghĩ về Chỉ, Quán" hay không?

PHẬT PHÁP TRONG THỜI KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

THUBTEN CHODRON
Diệu Liên Lý Thu Linh chuyển ngữ



(Thubten Chodron là một Tỳ-kheo ni, đệ tử Đức Đạt-lai Lạt-ma, xuất gia từ năm 1977. Ni sư là cố vấn tâm linh của tổ chức Pháp Lữ (Dharma Friendship Foundation) và là người đồng thiết lập nên tu viện Sravasti).

Tư duy tiêu dùng, dù với tư cách là đệ tử hay bậc thầy tâm linh, đều khiến ta khó đạt được lòng ngưỡng mộ tâm linh sâu xa nhất. Trong Phật giáo, sự khác biệt giữa các hành động tâm linh và thế tục căn bản dựa vào các động cơ thúc đẩy...

Khi đã hướng về tâm linh, ta thường nghĩ rằng mình đã bỏ những tính xấu của thế tục lại đằng sau. Nhưng cách suy nghĩ theo thói quen không biến mất; chúng vẫn đi theo ta, phủ trùm con đường tiến đến sự tu tập tâm linh của chúng ta. Vì tất cả chúng ta đều đã được huấn luyện thành những người tiêu dùng có trình độ – mua sản phẩm tốt nhất với giá rẻ nhất – giờ là người đệ tử hay người thầy trong Phật pháp, chúng ta cũng mang theo tinh thần mua bán, trao đổi đó vào ngay trong sự thực tập tâm linh của mình.

Trên phương diện của người học Phật thì thói quen tiêu thụ đó thể hiện như thế nào? Trước tiên, chúng ta lựa chọn sản phẩm tốt nhất – Tăng đoàn hoàn hảo nhất, vị

thầy thực chứng nhất, phương pháp thực hành hữu hiệu nhất. Chúng ta đi từ chỗ này đến chỗ kia, tìm kiếm món hàng tâm linh tốt nhất để “mua.” Chúng ta đòi hỏi những lời dạy cao minh nhất, vì thế mà bỏ qua những lời dạy, phương cách thực hành căn bản. Tự coi mình là những đệ tử hoàn toàn xứng đáng, chúng ta không thấy có nhiều nhu cầu dành cho những sự thực hành căn bản như là gìn giữ giới luật đạo đức và kiểm chế bản năng của mình; thay vào đó, chúng ta nhảy vào những con đường mà ta nghĩ là tiến bộ, cao siêu nhất.

Là người tiêu dùng, chúng ta muốn được giúp vui. Chúng ta sẽ tham dự các khóa tu ở những trung tâm có các vị thầy vui vẻ. Nhưng khi phải nghe những lời dạy lặp đi lặp lại, chúng ta trở nên chán nản và lại chạy đi tìm những gì thích thú hơn... Chúng ta không nhận ra rằng các vị thầy của mình cũng vẫn thực hiện những nghi lễ căn bản, tuân theo những lời dạy căn bản được truyền lại bởi các vị thầy tâm linh của họ. Chúng ta không thấy rằng sự lặp lại có thể chính là những điều chúng ta cần, hay việc tìm hiểu tại sao chúng ta thấy nhàm chán, cũng có thể mang đến cho ta những hiểu biết mới.

Văn hóa tiêu thụ đặt nền tảng trên sự thỏa mãn ngay lập tức. Chúng ta bảo rằng mình muốn có mối liên hệ chặt chẽ với một vị thầy tâm linh nào đó, nhưng khi sự hướng dẫn của vị thầy này đòi hỏi nhiều nỗ lực, cố về chất vẫn tham vọng của chúng ta, hay đụng chạm đến cái ngã của chúng ta nhiều quá, ta sẽ không muốn tiếp tục thọ giáo với vị ấy nữa. Lúc bắt đầu tu tập, chúng ta tỏ ra là những người theo đuổi con đường tâm linh một cách thành thật, quyết đạt được giác ngộ. Nhưng sau khi sự tu tập đã giúp ta giải quyết được những vấn đề hiện tại: Sự đổ vỡ tình cảm của một cuộc ly dị, nỗi đau khổ đánh mất người thương yêu, hay những thăng trầm trong đời – thì lòng hướng về tâm linh của ta phai mờ, và một lần nữa, chúng ta đi tìm hạnh phúc trong việc sở hữu vật chất, trong những mối liên hệ tình cảm, trong kỹ thuật hay trong nghề nghiệp.

Thời xa xưa, người muốn cầu đạo phải trải qua rất nhiều thử thách, khó nhọc mới gặp được các vị thầy. Người Tây Tạng phải vượt qua dãy núi Hy-mã-lạp sơn cao chát ngất để được gặp các vị cao tăng đầy trí tuệ ở Ấn Độ; người Trung Hoa thì phải vượt qua sa mạc Tak-la Makan và dãy núi Karakoram để đến các tu viện và thỉnh các kinh sách từ Ấn Độ về. Còn chúng ta, do thói quen của người tiêu dùng, chúng ta đòi hỏi kết quả mà bỏ ra rất ít công sức. Chúng ta nghĩ, "Tại sao tôi phải đi dự các buổi giảng pháp? Các thầy phải đến với chúng ta chứ! Chúng ta có công ăn việc làm, gia đình, một đời sống bận rộn." Chúng ta không có thì giờ đi từ thành phố này qua thành phố khác, nói gì đến việc phải đến một địa phương khác. Chúng ta quên rằng chính sự nỗ lực của người hành giả, đã đưa người ấy đến với Pháp, nên chúng ta than phiền rằng việc tu tập làm ảnh hưởng đến sự lựa chọn của ta.

Ngoài ra, việc lãnh hội giáo pháp hay thực hành tâm linh đòi hỏi thời gian, là cái ta không có. Chúng ta yêu cầu các thầy "hiện đại hóa" giáo trình và các phương pháp thực hành – làm ngắn lại hay đơn giản hóa chúng – để chúng có thể phù hợp một cách thuận lợi với cuộc sống của ta. Giống như những người tiêu dùng trong thế giới của cung và cầu, chúng ta sẽ đi nơi khác nếu những điều chúng ta đòi hỏi không được đáp ứng.

Tâm lý của người tiêu dùng khiến chúng ta trở nên quá chú trọng đến bản thân, và sự thực hành tâm linh của ta đặt trọng tâm vào 'cái tôi,' những thứ tôi cần, sự lựa chọn của tôi, những gì thích hợp cho tôi. Chúng ta nghĩ, "Ta sẽ được lợi lộc gì? Các phương pháp này có lợi ích gì cho tôi không?" Do đó các trung tâm thiền, chùa, hay tu viện trở thành những nơi chúng ta đến để nhận, không phải để cho. Nếu chúng ta nghĩ rằng một sinh hoạt nào đó không có ích lợi cho ta, thì ta không có thì giờ hay tiền bạc để hỗ trợ nó. Tôi thường viếng thăm một ngôi chùa Á châu. Nơi cha mẹ cũng như những người không phải là phụ huynh cũng làm việc trong nhà bếp ở một trại hè học Phật dành cho các em nhỏ. Tại sao? Bởi vì họ thích được làm một thành viên của cộng đồng. Họ quan tâm về cọng cái họ và tương lai của xã hội. Họ muốn hỗ trợ những sinh hoạt đem lại lợi ích cho người khác. Sự cúng dường, đóng góp là một phần của sự thực hành tâm linh của họ và họ thích làm điều đó.

Trong xã hội tiêu thụ, chúng ta cảm thấy địa vị xã hội của mình được nâng cao từ việc sử dụng một loại sản phẩm có tiếng nào đó. Tương tự, việc thân cận với một vị thầy danh tiếng nào đó sẽ nâng cao địa vị tâm linh của người học trò. Được người thầy đó ở nhà chúng ta, đi xe chúng ta, chúc phúc cho những đồ vật trong nhà, hay ký tặng một tấm ảnh nào đó sẽ làm tăng thêm giá trị của chúng ta. Một trong những cách tốt nhất để thân cận với một vị thầy là trở thành một người cúng



dường rộng rãi, bắt buộc các vị thầy phải gặp gỡ chúng ta để tỏ lòng biết ơn của họ. Chúng ta không muốn cho một cách âm thầm và bỏ qua một cơ hội được tán thán công đức.

Chúng ta cũng đánh bóng địa vị của mình bằng cách sở hữu những món đồ tâm linh có giá trị. Chúng ta mua các bức tượng quý hiếm, những bức tranh đặc biệt về các nhân vật trong tôn giáo, những bức hình của quý thầy, mà chúng ta sẽ trưng trên bàn thờ lộng lẫy trong nhà. Khi các bạn đồng tu đến viếng, ta muốn họ ngợi khen những món đồ đó, nhưng khi thân quyến đến viếng, chúng ta che giấu chúng đi để tránh sự tò mò.

Ngoài ra, chúng ta cũng tích lũy các sự kiện tâm linh. Chúng ta có thể kể ra một loạt những nơi chúng ta đã đến dự các khóa tu thiền hay lễ xuất gia. Chúng ta trở thành các thiền sinh kỳ cựu tại các trung tâm tu thiền, đảm trách việc đánh giá các thiền sinh mới đến. Chúng ta khoe khoang về việc đã dự những buổi thuyết pháp quan trọng của những vị thầy nổi tiếng. Và chúng ta tự hãnh diện rằng mình là những người tu hành chân chính.

Tâm lý tiêu thụ cũng ảnh hưởng đến quý thầy... Trong một nền kinh tế tiêu thụ, sự thành công được đánh giá bằng những con số. Do đó nhiều vị thầy tâm linh mong rằng số người tham dự các khóa tu ngày càng đông, sự cúng dường được tăng trưởng, sách của họ bán được nhanh, được mời đi thuyết giảng ở nơi này, nơi nọ. Dựa vào tiêu chuẩn nào quý thầy cô quyết định sẽ đi thuyết giảng ở nơi nào? Số tiền cúng dường có là một yếu tố? Có phải chỉ là sự trùng hợp mà nhiều vị chỉ xuất hiện ở các cộng đồng ở giới thượng lưu? Có bao nhiêu vị thầy đã đến những quốc gia đang phát triển hay đến những vùng nghèo khổ trong chính xứ sở của họ, nơi sự cúng dường có thể rất ít.

Tài chánh rất cần cho công tác hoằng pháp. Làm thế nào các vị tu sĩ có thể nhận được sự hỗ trợ liên tục để sống với chánh



mạng? Chúng ta có tâm bốc, gợi ý hay ép buộc một cách khéo léo để người ta sẽ cúng dường cho ta hay cơ sở của chúng ta? Chúng ta có dành cho các vị đại thí chủ những sự tiếp đón mà chúng ta sẽ không dành cho những vị có thể là chân thật hơn, nhưng không được giàu có như thế?

Tư duy tiêu dùng, dù với tư cách là người đệ tử hay người thầy tâm linh, điều khiến cho ta khó đạt được lòng ngưỡng mộ tâm linh sâu xa nhất. Trong Phật giáo, sự khác biệt giữa các hành động tâm linh và thế tục căn bản dựa vào các động cơ thúc đẩy. Động cơ thúc đẩy chỉ là để tìm hạnh phúc ngay trong cuộc đời này được coi là thế tục, vì chúng đặt trọng tâm vào hạnh phúc nhất thời nay trong hiện tại; trong khi các ước nguyện hướng đến một sự tái sinh tốt ở tương lai, đến sự giải thoát, và giác ngộ được coi là tâm linh vì chúng hướng đến những mục đích dài hạn, đem lại lợi lộc cho bản thân và tha nhân.

Khi diễn tả một tâm chí muốn tìm kiếm hạnh phúc ngay trong hiện tại, Đức Phật đã liệt kê tám sự quan tâm thế tục (bát trước). Tám sự quan tâm này có thể chia làm bốn đôi.

1. Bám víu vào việc có tiền sở hữu vật chất; không vừa lòng khi không có chúng (Được và Mất)

2. Bám víu vào sự khen tặng, chấp vào những lời làm tăng ngã mạn của chúng ta; không hài lòng khi bị chỉ trích (Khen và Chê).

3. Bám víu vào hình ảnh hay một danh tiếng tốt; không vừa lòng khi chúng bị ô uế, như danh (Vinh và Nhục).

4. Bám víu vào những thú vui, những đối tượng giác quan đem lại khoái lạc – sắc, thanh, hương, vị và xúc; không vừa lòng khi gặp phải những đối tượng giác quan không vừa

ý (Sướng và Khổ).

Riêng cá nhân tôi, khi quan sát các trạng thái tâm của mình, đa phần chúng đều bao gồm tám thứ này, vì thế để có được tâm nguyện trong sạch, thuần Phật pháp thì rất khó.

Xu hướng tiêu thụ về tâm linh rõ ràng rơi vào tám điều quan tâm thế tục này, và chúng thường được nguỵ trang bằng những sự nguỵ biện khôn ngoan, nhưng chúng vẫn nỗ lực và trói buộc chúng ta vào hạnh phúc của chỉ kiếp sống này và cản trở tâm nguyện cao thượng của chúng ta, để không có sự thực hành tâm linh chân thực nào có thể thực sự xảy ra.

Chúng ta cần phải ý thức là tâm linh tiêu dùng vận hành như thế nào nơi bản thân, trong cộng đồng tu tập cũng như trong các tu viện. Chúng ta cần phải xây dựng lại lòng ngưỡng mộ đối với nếp sống đơn giản, khiêm cung, chân thành, từ bi bác ái của người tu hành chân chính. Chúng ta phải chọn lựa những vị thầy có các đức tính này, vun trồng những đức tính này nơi bản thân và hướng dẫn các đệ tử của người phát triển những đức tính đó. Chúng ta cần nhớ rằng mục đích của các tu viện tâm linh không phải chỉ là để tôn tạo các tu viện, mà là để truyền bá giáo lý và thực hành các truyền thống tâm linh. Chúng ta chỉ cần các kiến trúc, xây dựng vừa phải, không nên quá đà. Điều quan trọng là để duy trì sinh khí của các truyền thống tâm linh, để chúng không trở thành những vỏ ốc trống rỗng.

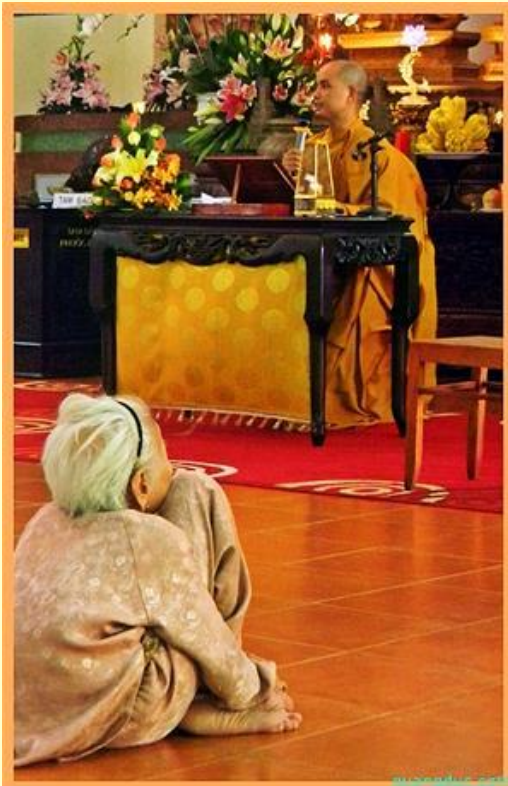
Diệu Liên Lý Thu Linh

(Lược dịch *Shopping The Dharma*, Tricycle)

QUAY VỀ NƯƠNG TỰA

*Lưng còng, tóc bạc, da nhăn
Chín mươi tuổi vẫn bước chân quay về
Xuân xanh quên thốt nguyện thề
Chường duyên nghịch cảnh ê chề buồn đau
Nghiep còn dây nặng trước sau
Một đêm thức tỉnh ưu sầu tan trôi
Tìm lên đại điện bà ngôi
Trống chuông Bát Nhã ba hồi thiêng liêng
Quay về giây phút lắng yên
Tựa nương Tam Bảo thánh hiền từ bi
Một lòng một dạ quy y
Tội xưa sám hối, tâm nay an bình
Góc riêng trút trái tự tình
Lời chân bực bạch, tâm thành gửi dâng
Nam mô Phật
Nam mô Pháp
Nam mô Tăng
Trời quang mây tạnh, bước chân nhẹ nhàng
Hôm nay nương Ánh Đạo Vàng
Ngày mai đời đã sang trang, mỉm cười.*

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU



QUY NGƯỠNG

Đọc bài thơ Quay Về Nương Tựa của Tâm Không Vĩnh Hữu viết về cụ bà 90 tuổi Quy Y Tam Bảo. Con vô cùng xúc động. Hôm nay, con xin viết thêm bài Quy Ngưỡng kính chia sẻ cùng đại chúng khắp năm châu.

*Một mình một bóng dáng mảnh mai
Hình ảnh cụ bà tóc bạc bay
Quy Y Tam Bảo thâm lặng lẽ
Gối mỗi lưng còng bước trở quay .*

*Gánh nặng cuộc đời với cháu con
Giờ đây trách nhiệm hết lo toan
Hương về Thầy Tổ thêm thâm tín
Kính Phật trọng Tăng phước mãn tròn .*

*Bộc bạch âm thầm cung kính lễ
Ấn nấn sám hối tội từ tâm
Nhờ ơn Phật Pháp nay tỉnh ngộ
Quay về nương tựa với Pháp Thân .*

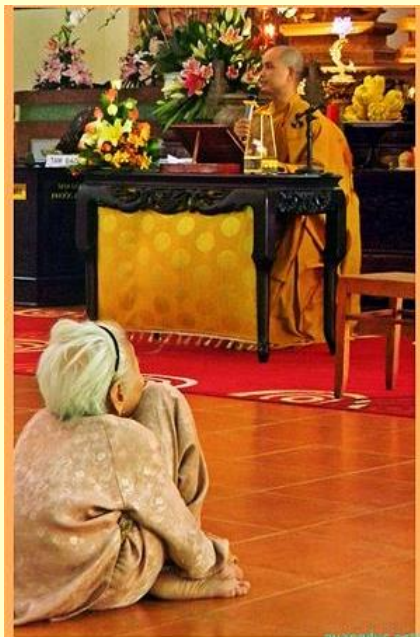
*Gió mát hương trầm toả ánh trăng
Cụ bà ngôi giữa chốn thiền lâm
Quy ngưỡng tín tâm ngôi Tam Bảo
Mãi mãi đời sau chẳng thể làm.*

Viết trong giờ giải lao tại Dallas Love Field
8-9-2017

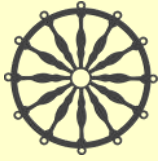
TÁNH THIỆN



Ảnh: Trong buổi lễ Quy Y trưa Rằm Tháng Bảy Vu Lan tại chùa Long Sơn (Nha Trang), cụ bà tuổi đã 90 không cần ai dìu dắt, đã tự mình đến tham dự, gây xúc động cho mọi người..



Photos: quangduc.com



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST
4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bổn phận của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nổi dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tự tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phần nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trần trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lời, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tác đất \$200 (để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế).

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gửi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyến thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gửi về:
 Hòa Thượng Thích Nguyên Trí
 Bát Nhã Buddhist Temple
 4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703
 Phone: 1(714)548-4148 Tel:(714)571-0473
 Bank Account #: 325063638819
 Routing #: 026009593
 BANK OF AMERICA



CON ĐƯỜNG DUY NHẤT?

Bình Anson



Trong đoạn đầu của bài kinh Niệm Xứ (*Satipatthana Sutta*, Trung Bộ 10, Trường Bộ 22), chúng tathường đọc là:

Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm xứ (Hòa thượng Minh Châu dịch).

Hay:

Đây là con đường duy nhất để thanh lọc tâm chúng sanh, chấm dứt lo âu phiền muộn, uất ức than khóc, diệt khổ thân và khổ tâm, đạt Thánh Đạo và chứng ngộ Niết Bàn. Đó là Tứ Niệm Xứ (Tỳ khưu Khánh Hỷ dịch).

Đây là bài kinh quan trọng, thường được xem là bài kinh cẩm nang cho nhiều hành giả thực hành pháp thiền Minh Quán (*Vipassana Bhavana*). Các vị thiền sinh đó thường cho rằng pháp hành của mình là "con đường duy nhất" hay "con đường độc nhất" — nghĩa là không có con đường nào khác — để chứng ngộ Niết Bàn. Hiểu như thế, từ chữ "*ekayano-maggo*", có đúng theo tinh thần bài kinh không?

Mặc dù có nhiều dịch giả dùng cụm từ



"con đường duy nhất / độc nhất" (the only way, the sole way) để dịch chữ "*ekayano-maggo*," nhưng cũng có những dịch giả khác không đồng ý như thế.

Giáo sư M. Walshe, dịch giả bản Anh ngữ Trường Bộ (*The Long Discourses of the Buddha*), dịch chữ *ekayano-maggo* là "this one way" (đây là một con đường) trong bài Đại Kinh Niệm Xứ (Trường Bộ 22).

Trong bản dịch đầu tiên của bài kinh Niệm Xứ (Trung Bộ 10), Tỳ khưu Nanamoli dịch là "a path that goes one way only" (con đường chỉ đi theo một hướng). Tuy nhiên, trong bản hiệu đính, Tỳ khưu Bodhi sửa lại là "the direct path" (con đường trực tiếp, hay con đường thẳng). Các dịch giả này đều cho rằng nếu dịch là "the only way, the sole way" (con đường duy nhất) thì nó có hàm ý là độc nhất, loại trừ các con đường khác, và như thế là không hoàn toàn chính xác (xem "The Middle Length Discourses of the Buddha").

Theo Tỳ khưu Bodhi, Chú giải Trung Bộ bình luận rằng chữ "*ekayano-maggo*" có thể hiểu như là con đường đơn thuần, không có ngã rẽ; như là con đường mà hành giả phải tiến bước một mình, không bạn bè; và như là con đường đưa đến một mục tiêu, Niết Bàn. Ngài chọn dịch "the direct path" (con đường trực tiếp) với hàm ý để phân biệt *Satipatthana* với pháp tu tiến qua các tầng thiền-na (*jhanas*) hoặc qua tứ vô lượng tâm (tứ phạm trú, *brahmaviharas*). Mặc dù pháp tu tiến này có thể đưa đến Niết Bàn nhưng chúng cũng có thể rẽ qua ngõ khác, trong khi *Satipatthana* là đưa thẳng đến mục đích tối hậu.

Trong quyển "Satipatthana – The Direct Path to Realization" (Buddhist Publication Society, Sri Lanka, 2003), Tỳ khưu Analayo cũng có quan niệm tương tự, và dịch chữ "*ekayano-maggo*" là "the direct path" (con đường trực tiếp). Ngài giải thích chữ *ekayano-maggo* gồm có những từ *eka* (một), *ayana* (đi) và *maggo* (đường), dịch sát nghĩa là "một con đường đi". Truyền thống chú giải thường đề cập đến 5 ý nghĩa của chữ này:

- 1) Con đường trực tiếp hay con đường thẳng, là vì nó đưa thẳng đến mục tiêu;
- 2) Con đường phải đi một mình;
- 3) Con đường vạch ra bởi "Một Đấng" (ám chỉ Đức Phật);
- 4) Con đường duy nhất trong Đạo Phật; và

5) Con đường đưa đến một mục tiêu (đó là Niết Bàn).

Đa số các dịch giả đều chọn cách dịch thứ tư nêu trên, nhưng Tỳ khưu Analayo chọn cách dịch thứ nhất.

Ngài cho rằng muốn tìm hiểu rõ ràng ý nghĩa của một thuật ngữ Pāli, chúng ta cũng cần xem thuật ngữ đó được dùng trong các bài kinh khác như thế nào, để đối chiếu. Trong Đại kinh Sư tử hống (*Maha-sihanada Sutta*, Trung Bộ 12), chữ *ekayano* dùng để chỉ con đường mà một người đi theo sẽ đi thẳng xuống hồ, mang ý nghĩa là “thẳng tiến, trực tiếp”, không phải là “độc nhất, duy nhất”. Trái lại, trong bài kinh Tam Minh (*Tevijja Sutta*, Trường Bộ 13), khi hai người Bà-la-môn tranh cãi về con đường nào là “con đường duy nhất” để đưa đến sự hòa nhập với Phạm thiên thì lại không thấy dùng chữ “*ekayano*”. Rõ ràng hơn hết là trong câu kệ 274 của kinh Pháp Cú, ý nghĩa “con đường duy nhất” – là Bát Chánh Đạo – đã được nói đến, nhưng chữ “*ekayano*” lại không thấy xuất hiện. Vì thế, Tỳ khưu Analayo cho rằng cách dịch thứ tư của chữ “*ekayano*” (con đường duy nhất) là không thích hợp.

Ngoài ra, Giáo sư R. Gethin (“A Buddhist Path to Awakening: A Study of the Bodhi-Pakkhiya Dhamma”, Oxford, 2001) có cùng quan điểm dịch chữ “*ekayano-maggo*” là con đường thẳng tiến (the direct path) trong bài kinh Niệm Xứ, vì ông cho rằng: “cần bản những gì muốn nói ở đoạn này trong bài kinh là bốn pháp quán niệm (*satipatthana*) biểu trưng cho một con đường trực tiếp và thẳng tiến đến mục đích tối hậu”. Tỳ khưu Thanissaro cũng dùng chữ “the direct path” trong bản dịch Đại Kinh Niệm Xứ (Trường Bộ 22, xem <http://www.accesstosight.org>) từ bản Pāli-Thái.

Xin ghi nhận ở đây là trong bộ A-hàm thuộc Hán tạng, hai bài kinh tương đương với kinh Satipatthana Sutta là kinh Niệm Xứ (kinh 98, Trung A-hàm) và kinh Nhất Nhập Đạo (Tăng Nhất A-hàm, XII). Trong bài kinh Niệm Xứ của bộ Trung A-hàm, đoạn kinh tương ứng là:

“Có một con đường tịnh hóa chúng sanh, vượt qua lo sợ, diệt trừ khổ não, chấm dứt kêu khóc, chứng đắc Chánh pháp. Đó là Bốn niệm xứ” (Thượng tọa Tuệ Sỹ dịch).

“Một con đường” là dịch từ chữ “nhất đạo”, hoàn toàn không có ý nghĩa “duy nhất, độc nhất”, loại trừ các con đường khác.

Đặc biệt hơn nữa, trong kinh Nhất Nhập Đạo thuộc Tăng Nhất A-hàm, bốn niệm xứ chỉ là một lối vào đạo, và “đạo” ở đây là Bát Chánh Đạo:

“Có một lối vào đạo làm trong sạch hạnh của chúng sanh, trừ bỏ sầu lo, không có các não, được đại trítuệ, thành tựu chứng quả Niết-bàn. Đó là nên diệt Ngũ cái, tư duy Tứ ý chỉ (Tứ niệm xứ). Thế nào là một lối vào? Nghĩa



là chuyên nhất tâm. Đó là một lối vào. Thế nào là đạo? Nghĩa là con đường tám phẩm của Hiền Thánh: Chánh kiến, Chánh chí (tư duy), Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh phương tiện (tinh tấn), Chánh ngữ, Chánh niệm, Chánh định” (Hòa thượng Thanh Từ và Hòa thượng Thiện Siêu dịch).

Trong bài kinh trên, không thấy đoạn nào nói rằng tứ niệm xứ là “con đường duy nhất”.

4. Satipatthana là Niệm Xứ hay Lập Niệm?

Nhân đề cập đến bài kinh Satipatthana Sutta nêu trên, chúng ta thử tìm hiểu thêm: *Satipatthana* được dịch như thế nào? Chúng ta thường thấy dịch là *Niệm Xứ* hay *Nền Tảng Của Niệm* (Foundation of Mindfulness). Ngay cả bài kinh tương đương trong Trung A-hàm (Hán tạng) cũng có tên là Kinh Niệm Xứ.

Có lẽ lối dịch này là dựa theo quan niệm xem chữ *Satipatthana* như là kết hợp của chữ *Sati* (Niệm) và *Patthana* (Xứ, Nền Tảng). Nhưng cũng có nhiều dịch giả — như các ngài Tỳ khưu Bodhi, Tỳ khưu Analayo — không đồng quan điểm, mà cho rằng nên dịch là *Sự Thiết Lập Niệm* (Establishment of Mindfulness). Quý ngài xem *Satipatthana* như là kết hợp của chữ *Sati* và *Upatthana* (thiết lập), và như thế, tựa đề sẽ là *Kinh Lập Niệm* và *Đại Kinh Lập Niệm*. Tỳ khưu Soma trong quyển *Con Đường Chánh Niệm* (The Way of Mindfulness), dịch là *Bài Giảng Về Sự Khơi Dậy Niệm*, hay *Bài Giảng Về Thẩm Thấu Niệm* (the Discourse on the Arousing of Mindfulness, the Discourse on Penetrating Mindfulness).

Tuy nhiên, Tỳ khưu Thanissaro, mặc dù nghiêng theo lối dịch dựa theo sự kết hợp *Sati* và *Patthana*, công nhận rằng cả hai lối dịch đều chính xác, đều phản ảnh ý nghĩa của bài kinh.

(Buddha Sasana – A Buddhist Page by **Binh Anson**)

KHÁI NIỆM CHỮA LÀNH TRONG ĐẠO PHẬT

Bài của **MANJARI PEIRIS**, *The Nation*

Diệu Huyền dịch

Đức Phật khuyến khích các đệ tử của ngài nên trông nom săn sóc cho các người bệnh. Đức Thế Tôn đã nói một câu bất hủ: "Trông nom săn sóc người bệnh là trông nom săn sóc ta", khi ngài khám phá thấy một vị tăng đau nặng với bệnh kiết lỵ đang bị bỏ rơi, nằm liệt giường trong lớp áo hôi thối dơ bẩn. Thấy vậy, với sự giúp sức của Tôn giả Ananda Thera, Đức Phật đã dùng nước ấm rửa ráy và lau chùi vị tăng bệnh này. Ngài nói rằng, tăng đoàn phải có bổn phận và trách nhiệm săn sóc các người bệnh.

Có rất nhiều trường hợp Đức Phật đã săn sóc những người bị bệnh trầm trọng, làm gương cho các đệ tử noi theo. Có một lần, khi thấy một vị tăng bị lở loét, khắp người đầy mủ, Đức Phật đã đun nước sôi và tự tay rửa ráy sạch sẽ cho vị này, rồi giặt áo phơi khô cho vị ấy nữa. Sau đó, vị này được nghe Đức Phật giảng pháp, đã chứng ngay quả A-La-Hán và rời viên tịch.

Đức Phật tán dương những đức tính thực sự cần có nơi một người chăm sóc cho người bệnh – khả năng biết cho thuốc, hiểu rõ những gì làm cho người bệnh thoải mái và những gì làm cho người bệnh khó chịu, và giữ không làm cho người bệnh khó chịu. Người chăm sóc cũng phải có từ tâm, có lòng tử tế và không ghê sợ những thứ như nước miếng, đờm rãi, nước tiểu, phân hay những mụt lở. Người chăm sóc cũng phải biết khuyến khích người bệnh qua cách ứng xử thích hợp với người đang nằm bệnh.

Lòng từ tâm

Khi một người đang bị bệnh trầm trọng, ngoài việc cho ăn uống và thuốc men đúng hợp, điều quan trọng cũng là phải chăm sóc về tinh thần. Lòng từ tâm của bác sĩ và y tá đối với bệnh nhân cũng quan trọng như một phương thuốc hữu hiệu để giúp người bệnh mau lành. Như vậy, những lời nói và hành

động từ tâm thực rất hữu hiệu trong việc đem đến niềm hi vọng và sự thoải mái cho một người bệnh yếu đuối bất lực. Từ và Bi là những cảm tính cao thượng tuyệt đỉnh trong Tứ Vô Lượng Tâm (brahamavihara).

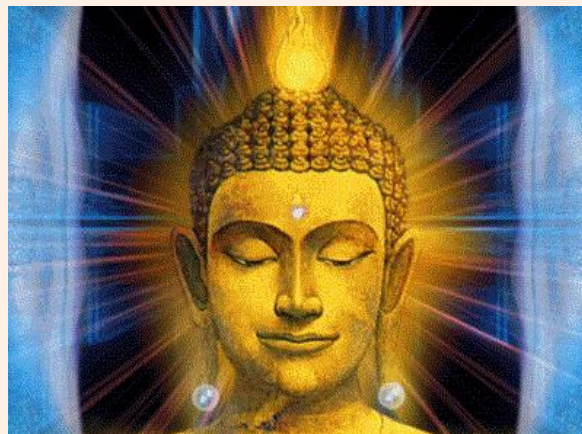
Thời gian bị bệnh là khi người ta phải đối mặt với những sự thực của đời sống và đương nhiên là sự sợ hãi cái chết còn lớn hơn khi đang mạnh khỏe. Hướng sự chú tâm của người bệnh về Pháp Phật là liều thuốc tốt nhất để làm dịu đi sự sợ hãi và người chăm sóc cần phải giúp người bệnh hướng về một điểm tựa tâm linh. Đức Phật mô tả có ba loại người bệnh trong kinh Tăng Nhất A Hàm (Anguttara Nikaya) – những người không hồi phục được dù họ có nhận

được sự chăm sóc và thuốc men đầy đủ hay không; những người hồi phục được không liên quan đến việc họ có nhận được sự chăm sóc và thuốc men đầy đủ hay không, và những người chỉ có thể hồi phục nếu họ được sự chăm sóc và thuốc men thích hợp. Tuy nhiên, trong thời gian người bệnh vẫn còn sống, người chăm sóc cũng phải làm tất cả những gì có thể làm được với sự điều dưỡng và thuốc men đúng hợp nhất để giúp họ hồi phục.

Trong những kinh khác Đức Phật cũng giảng rằng bệnh là điều không thể tránh trong cuộc đời. Có những trường hợp tuyệt vọng người ta muốn làm bất cứ cái gì để có thể hồi phục lại sức khỏe. Tuy rằng điều đó không sai, nhưng những cố gắng nỗ lực đó phải không đi ngược lại lương tâm của con người. Dù nỗ lực cố gắng đến đâu, cái chết vẫn có thể đến, khi đó người ta cần phải chấp nhận trong một tinh thần tự chế, xem đó như là nghiệp quả phải chịu.

Sự thẳng tiến tâm linh

Đức Phật đã dành cho người bệnh một tình thương bao la và sự bi mẫn thông cảm. Trong kinh Pháp Cú có nói rằng sức khỏe là cái



lợi tốt nhất của con người (Aarogya Parama Labha - phẩm 204: Không bệnh, lợi tối thượng) và Đức Phật đã đặt ra vài giới luật nhỏ để dung hợp với nhu cầu của các vị tăng bệnh. Chính Đức Phật khi bị bệnh cũng đã dùng đến rất nhiều ý chí và sự tự chế. Lần cuối cùng khi bị bệnh nặng, ngài đã dùng cảm đi bộ từ Pava đến Kusinara với Tôn giả Ananda Thera, phải nghỉ chân nhiều lần dọc đường. Người đã phát triển tâm linh phải có năng lực giữ tinh thần cao và mạnh mẽ tương ứng với mức độ thăng tiến tâm linh của mình.

Đọc tụng những yếu tố của tâm giác ngộ (Bojihanga - Bồ Đề Phần) rất ích lợi trong việc chữa lành thân bệnh. Khi Tôn giả Ma Ha Ca Diếp và Mục Kiền Liên bị bệnh, Đức Phật đã đọc lại các yếu tố tâm giác ngộ Bồ Đề Phần và họ đã hồi phục sức khỏe trở lại. Trong kinh Bojihanga Samyutta (Tương Ưng Bộ Kinh, phẩm Bồ Đề Phần) có nói rằng, khi Đức Phật bị bệnh, ngài đã yêu cầu Cunda đọc lại những yếu tố tâm giác ngộ và rồi Đức Phật đã hồi phục lại sức khỏe.

Khi sư Girimananda bị bệnh, Đức Phật đã chỉ thị cho Tôn giả Ananda Thera rằng nếu ông giảng thuyết lại Mười Pháp Quán Tưởng (Dasa sanna - kinh Girimananda) thì vị sư này sẽ khỏi bệnh. Mười Pháp Quán Tưởng là: tưởng ngũ uẩn vô thường, tưởng các căn vô ngã, tưởng thân bất tịnh, tưởng sự khổ nơi thân, tưởng dứt bỏ tham dục, tưởng dứt trừ tính dục, tưởng Niết Bàn tịch tịnh, tưởng thoát ly duyên trần, tưởng hành vi vô thường, tưởng niệm thường hơi thở. Tôn giả Ananda Thera học lại bài pháp này của Đức Phật rồi lập lại cho Girimananda nghe, và vị này cũng đã khỏi được bệnh.

Đức Phật dạy rằng, một vị tăng không được làm mất năng lực và ý chí muốn đạt đến sự thăng tiến tâm linh, ngay cả khi vị ấy bị bệnh chẳng nữa. Khi lâm bệnh tinh thần có thể xuống một chút, nhưng trước khi điều đó xảy ra, phải lo công phu tu tập hết sức để tự mình thăng tiến tâm linh. Trong tiến trình hồi phục cũng không được bất cẩn, bởi vì nếu xảy ra sự thối chuyển sẽ làm giảm cơ hội đạt sự thăng tiến tâm linh.

Niềm hỷ lạc

Khi được nhắc nhở những phẩm chất tâm linh đã đạt được, điều đó sẽ giúp tạo ra niềm hỷ lạc trong tâm. Niềm hỷ lạc ấy có thể đưa đến sự chuyển hóa các chất hóa học trong thân một cách tích cực và tốt lành. Trong câu chuyện Papanacasudani có một vị tăng đã bị rắn cắn khi vị này đang chăm chú nghe Pháp. Tuy nhiên, ông ta để mặc không lo chăm sóc vết thương của mình mà vẫn tiếp tục lắng nghe, trong khi chất độc rắn càng lúc càng lan ra và cơn đau càng lúc càng dữ dội hơn. Ông bèn quán tưởng đến những giới hạnh thanh tịnh của mình ngay từ lúc được truyền thọ lên bậc cao hơn. Một niềm hỷ lạc bao la dâng lên trong ông ngay lúc

ấy. Sự chuyển hóa tâm lý đã tác động như một chất thuốc chống độc và ông đã được chữa lành ngay lập tức.

Theo như thế ta thấy những yếu tố làm tăng cường sức khỏe được khởi động trong thân khi những chất kích thích tố làm hồi phục sức khỏe được tiết ra, kết quả của sự tập trung chú ý vào phẩm chất tâm linh của mình trong thời điểm lâm bệnh nặng. Kinh tạng Pali đã diễn giải rất nhiều về điều này khi khuyên nhủ những người bị bệnh nan y sắp chết. Nói chuyện về cái chết với người bị bệnh nan y sắp chết không nên được coi là một đề tài khó chịu. Đúng ra là, sự thật về cái chết phải được chấp nhận để giúp bệnh nhân đối phó với tình trạng của mình trong sự tự tin và an bình.

Một lần nọ, Mahanama thuộc giòng họ Thích Ca đã hỏi Đức Phật làm sao một trí giả cư sĩ phải khuyên nhủ thế nào với một trí giả cư sĩ khác đang bị bệnh nan y sắp chết. Trong kinh Sopapattisamyutta (Tương Ưng Bộ Kinh, phẩm Tu Đà Hoàn) Đức Phật đã cho một bài thuyết giảng về vấn đề này. Đầu tiên, người cư sĩ đang lâm bệnh phải được nhắc nhở bốn điều gia hộ: niềm tin nơi Phật, đấng Như Lai toàn tri toàn giác; nơi Pháp, chân lý vượt thời gian hiển hiện trong mọi lúc mọi nơi; nơi Tăng, những người tu tập trong chánh pháp và giới luật để đạt tới tứ thánh quả (Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán); và cuối cùng là niềm tin nơi chính mình, nơi phẩm hạnh đạt được từ những nỗ lực tu tập từ trước đến nay. Một người có công phu tu tập như thế sẽ không hãi sợ trước cái chết và không bị rơi vào những cảnh giới xấu ác.

Niềm hoan lạc thiêng liêng

Trong khi an ủi người bị bệnh với bốn điều gia hộ, người cư sĩ phải hỏi người bệnh xem ông ta có còn lưu luyến gì song thân hay không. Nếu vẫn còn, phải chỉ ra cho ông ta hay rằng dù có lưu luyến hay không cái chết cũng vẫn đến - vì vậy, tốt hơn là buông bỏ sự lưu luyến ấy đi. Tương tự như thế, ông ta cũng phải được hỏi xem có còn lưu luyến những người thân khác và những lạc thú của các căn hay không. Ông ta phải được nhắc nhở rằng, những lạc thú thiêng liêng của cõi trời là vượt xa hơn tất cả những lạc thú trần gian của con người. Ông phải được tái sinh và cõi trời Phạm Thiên. Nếu con người quyết tâm hướng đến sự chấm dứt luân hồi sinh tử, Đức Phật nói sẽ không có gì khác biệt giữa ngài và vị tăng đã được giải thoát.

Một câu chuyện hay được kể lại trong tạng kinh Pali Citta Samyutta (Tương Ưng Bộ Kinh, phẩm Citta) về cái chết của một vị cư sĩ có mức độ phát triển tâm linh cao. Citta, người chủ nhà, đã đạt được thánh quả A Na Hàm (không còn tái sinh trở lại cõi thế). Khi ông ta bị bệnh nặng, một nhóm thiên nhân đã mời ông tập trung tinh thần để trở thành một vị Chuyển Luân Thánh Vương. Tuy nhiên, ông từ

chối lời mời này, cho rằng đó cũng chỉ là vô thường. Trong lúc lâm chung trên giường bệnh, giữa những người thân đang tụ tập chung quanh, ông lập lại sự quan trọng của việc nuôi dưỡng niềm tin nơi Phật, Pháp, Tăng, và sự quan trọng của bố thí. Sau đó, ông đã êm ả qua đời.

Một viên chức thu thuế vô lương tâm thuộc hàng Bà la Môn tên là Dhananjani đã lợi dụng bóc lột cả nhà vua lẫn dân chúng. Có một lần Tôn giả Xá Lợi Phất, một bậc A La Hán, đã gặp ông ta và thuyết cho ông ta nghe về những quả xấu của một đời làm việc bất chính. Khi ông ta bị bệnh trầm trọng, Tôn giả Xá Lợi Phất được thỉnh mời đến giường bệnh của ông. Dhananjani nói rằng ông đang bị một cơn đau đầu mãnh liệt không chịu nổi. Tôn giả Xá Lợi Phất đã hướng dẫn sự chú tâm của ông từ cõi giới xấu lên cõi giới cao hơn của vùng trời Phạm Thiên. Rồi bậc A La Hán giảng cho ông nghe con đường tu tập đưa đến sự tái sinh lên cõi trời Phạm Thiên, qua sự phát triển hoàn toàn Tứ Vô Lượng Tâm – trải rộng tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả đến khắp các nơi trên chthon trần gian.

Đến cuối bài thuyết giảng, Dhananjani nhờ Tôn Giả Xá Lợi Phất gởi lời kính lễ đến Đức Phật. Chẳng mấy chốc sau, Dhananjani đã từ trần và được sinh lên cõi trời Phạm Thiên. Bài kinh này cho ta thấy một con người đã sống một đời ích kỷ vô lương vẫn có thể được hướng dẫn để tái sinh trong cõi giới tốt đẹp hơn. Nhưng cũng khó tin được rằng tất cả những người làm việc xấu đều có thể được hướng dẫn để tái sinh trong cõi giới tốt đẹp hơn. Có lẽ Dhananjani cũng đã làm được nhiều điều lành hơn là những điều xấu, nên cần cần thay đổi để ông ta có thể hướng được đến sự tái sinh tốt đẹp hơn, qua sự hộ trì của một vị A La Hán trong giây phút lâm chung.

Một tâm thức được tu dưỡng

Một trong những đặc điểm quan trọng của bài pháp mà A La Hán Xá Lợi Phất đã thuyết giảng là ông đã bắt đầu từ cõi giới thấp nhất để thăng hoa lên tới cõi giới trời Phạm Thiên. Có lẽ ông đã bắt đầu từ cõi giới địa ngục, vì Dhananjani đã sa vào cõi giới đó. Chắc hẳn là ngài Xá Lợi Phất đã giúp Dhananjani nhớ lại những việc thiện đã làm trong quá khứ để hướng sự chú tâm của ông vào một bài pháp liên hệ đã được giảng cho ông một ít ngày trước khi lâm bệnh. Dhananjani đã được lợi ích trong phút chót bằng sự trợ lực gởi lên những tiềm năng tâm

linh ẩn dấu trong ông.

Truyện này cũng hơi tương tự như câu chuyện của chàng trai Mattakundali đã phát khởi được rất nhiều niềm tin và sự hoan lạc khi được Đức Phật quang lâm nơi giường bệnh trong lúc lâm chung, và sau đó đã được sanh vào cõi trời. Trong Tương Ưng Bộ Kinh, phẩm Tu Đà Hoàn (Sotapattisamyutta) đã nói đến sự sợ hãi và bồn chồn lo lắng cùng cực của một người không có niềm tin nơi tính cao thượng của Phật Pháp Tăng và sống một đời vô đạo đức đang phải đối diện với lưỡi hái của Tử



Thần. Nhưng một người có niềm tin sâu sắc nơi tính cao thượng của Tam Bảo và đã sống một đời trong sạch, khi đối diện với cái chết sẽ không sợ hãi. Chính cái lương tâm về tội lỗi đã tạo ra những dằn vặt đau khổ trước cái chết. Trong giây phút hệ trọng này, nếu ở trong một tâm thức sợ hãi và lo lắng, sự tái sinh sẽ được diễn ra ở một cõi giới tương ứng.

Đức Phật nói rằng, một người đã tu dưỡng được nhiều đức hạnh và sống một đời chính trực không cần phải sợ hãi gì cả. Đức Thế Tôn nói: "Nếu một hũ bơ lỏng vỡ ra sau khi rơi xuống nước, những mảnh sành sẽ chìm xuống đáy sông, nhưng bơ sẽ nổi lên mặt nước. Cũng vậy, thân vật chất của chúng ta sẽ tan rã, nhưng tâm được tu dưỡng sẽ bay bổng lên như bơ vậy."

Trong Kinh Trung Hàm, phẩm Phân Biệt Ý Hành (Sankharuppati) (1), Trung Bộ Kinh, phẩm 57 Hạnh Con Chó (Kukkuravatika) (2) và Trường A Hàm, kinh Tam Minh (Tevijja Sutta) (3) đã giải thích rằng sự tái sinh thường tùy thuộc vào những niệm tưởng đã tích lũy qua cả một đời. Nếu người ta hay nghĩ và tưởng đến những tính cách thích hợp của một con vật, như trong kinh Hạnh Con Chó, người ấy có thể sẽ tái sinh làm con vật mang nhiều tính cách ấy. Những người đã tu dưỡng được những tình cảm tối thượng như lòng từ bi rộng lớn vô phân biệt, người ấy sẽ có nhiều cơ may được tái sinh vào cõi trời Phạm Thiên.

Vì thế, sự chuẩn bị cho cái chết đúng ra phải được làm trong khi còn sống. Có niềm tin vững chắc nơi Phật Pháp Tăng và tu dưỡng những thói quen đạo đức thật sự là tiền đề để đạt đến một sự tái sinh trong cõi giới cao hơn. Tuy rằng một người thiếu đạo đức sẽ khó thể vào được một cõi giới cao hơn trong giây phút bước vào cửa tử, phong tục của đạo Phật là thỉnh một vị sư đến bên giường bệnh trong lúc lâm chung, hi vọng rằng sự đọc tụng những bài



kinh gia hộ sẽ giúp cho bệnh nhân khởi được niềm tin và thăng tiến những niệm tưởng của họ lên một cõi giới tâm linh cao hơn.

Sự hướng dẫn tâm linh

Một câu hỏi có thể đặt ra là sự hướng dẫn tâm linh không biết sẽ có hiệu quả gì đối với một người bệnh đang bị hôn mê. Bác sĩ và những người ngoài nhìn vào có thể kết luận rằng bệnh nhân không biết gì hết bởi vì người ấy không có phản ứng gì với môi trường chung quanh. Năm giác quan có thể đã bị hủy hoại một phần hay đã hoàn toàn tê liệt, nhưng không ai có thể biết chắc được rằng khả năng tinh thần của người ấy có còn hoạt động hay không. Rất có thể khả năng tinh thần của người ấy lại đang hoạt động nhiều nhất ở thời điểm quan trọng này. Đây là lúc tinh thần người ấy đang có sự dằng co mãnh liệt của ước vọng được sống, với những khuynh hướng lâu dài muốn chống đối lại cái chết. Ước vọng được sống càng thêm mạnh mẽ nhất khi sự sợ hãi cái chết càng tăng cao. Nếu người nào có sự tăng trưởng tâm linh vững chắc, người ấy sẽ có thể đối diện cái chết trước mắt với một tâm an định, vui vẻ và mãn nguyện. Sự tái sinh của một người tương ứng với khả năng tâm linh của người ấy, và điều đó gọi là Nghiệp.

Khi chúng ta đi thăm viếng một người bệnh nan y sắp chết, thái độ thông thương của chúng ta là tỏ ra buồn rầu, nhưng theo đạo Phật không nên có những tư tưởng tiêu cực trong lúc ấy. Nếu chúng ta tỏ ra được lòng từ ái, bi mẫn đối với người bệnh, người ấy sẽ được lợi ích rất nhiều, vì đó có thể là giây phút hệ trọng khi tâm thức cận tử của người bệnh đang hoạt động. Có thể là tâm thức của người

bệnh lúc ấy đang rất bén nhạy và tiếp nhận những làn sóng tư tưởng tâm linh của người chung quanh. Nếu những làn sóng tiêu cực được khởi lên do sự buồn rầu than khóc, người sắp chết sẽ bị ảnh hưởng ngược không tốt. Nhưng nếu những tư tưởng của tình thương và lòng bi mẫn tỏa ra, những tư tưởng ấy có thể trở thành lớp thuốc thoa vi tế làm dịu cho tinh thần, giải tỏa những sầu khổ, lo lắng ở trong giây phút qua đời.

*Dịch từ bài "Concept of healing in Buddhism" –
Manjari Peiris
Diệu Huyền
7/2017*

Chú Thích:

1) Trung Hàm 168 – Kinh Phân Biệt Ý Hành:

Trong phần này Đức Phật giảng về sự tái sinh do ý hành. Ý hành sanh là sự thọ sanh do hành nghiệp của ý, là sự tái sinh của các hành, không có tái sinh của chúng sanh, của con người. Đây nói đến trường hợp các vị tỳ kheo đã tu tập tới mức chứng được Tứ Sơ Thiền đến Tứ Thiền, hưởng sự hỷ lạc do lý dục sanh mà trụ tâm hành định – và từ chỗ hành định ấy mà sinh vào các cõi trời tương ứng.

2) Trung Bộ 57 – Kinh Hạnh Con Chó:

Khi Đức Phật đến thành của dân chúng tộc Koliya có hai người tu khổ hạnh đến đánh lễ rồi hỏi Phật về vận mạng của họ. Một người tu theo hạnh con chó, một người tu theo hạnh con bò. Tu theo hạnh con chó là dùng cách tu khổ hạnh để sống như một con chó, ngồi như con chó, ăn thức ăn quặng xuống đất như con chó, hành động xử sự như con chó. Người tu theo hạnh con bò cũng vậy, dù cách tu khổ hạnh để hành trì như một con bò. Đức Phật nói rằng: "người tu dùng cách khổ hạnh biến mình thành một con chó, hay con bò rồi mơ tưởng sẽ được sanh vào cõi trời là tà kiến – ngược lại, với tướng và tâm thú huân tập lâu dài như vậy, khi mạng chung sẽ sanh trong cõi thú, nếu không cũng sa vào địa ngục."

3) Trường A Hàm 26 - Kinh Tam Minh:

Một thời Đức Phật ở nước Câu Tát La, du hành đến một thôn Bà La Môn ở Câu Tát La. Có hai người tu theo thầy Bà La Môn khác nhau tranh cãi nhau, cho là pháp tu của mình mới chân chánh và dẫn đến Phạm Thiên, còn người kia là sai. Rồi họ đến thỉnh ý của Đức Phật. Đức Phật hỏi: "Các thầy Bà La Môn tự nhận là thông tam minh nhưng có ai đã thấy Phạm Thiên chưa?"

Họ trả lời: "Chưa"

Đức Phật nói: "Chưa thấy Phạm Thiên mà chỉ đường đến Phạm Thiên là hư dối, không thật. Dù có nói kinh điển, tinh thông thuật xem tướng nói cát hung, rành tế tự nghi lễ, nhưng tâm còn dính mắc tham dục, còn sân hận uế trước, còn ràng buộc với tài sản quyến thuộc thì không đồng hành với Phạm Thiên, không sanh vào cõi Phạm Thiên được. Còn Tỳ kheo hành từ tâm, sống thanh tịnh không dính mắc ràng buộc, không sân hận, tự tại an lạc thì đồng hành với Phạm Thiên, khi thân hoại mạng chung, trong khoảnh khắc như mũi tên bắn đi, sẽ sanh lên cõi trời Phạm Thiên."

(Ngọc Bảo)

5 BÀI THƠ – HERMANN HESSE

PHÁP HOAN

(dịch từ nguyên tác tiếng Đức)



Hermann Hesse (2/7/1877 – 9/8/1962) là nhà văn, nhà thơ và họa sĩ người Đức, một trong những nhà văn hiện đại viết bằng tiếng Đức được đọc nhiều nhất trên thế giới. Nổi tiếng với những tác phẩm Tuổi trẻ băn khoăn (Demian), Câu chuyện dòng sông (Siddhartha), Sói đồng hoang (Steppenwolf) và Trò chơi hạt thủy tinh (Das Glasperlenspiel). Ông được trao giải thưởng Goethe và giải Nobel văn học năm 1946. Những tác phẩm của ông đã được dịch sang tiếng Việt với nhiều bản dịch khác nhau, được tái bản nhiều lần.

ĐÔI KHI



*Đôi khi, tiếng kêu của một con chim đêm
Hay cơn gió xào xạc trong những tán lá cây
Tiếng chó sủa ở trang trại nơi hoang vắng
Tôi cân lắng tai nghe, thật lâu, trong im lặng*

*Linh hồn tôi quay trở về,
Chốn xưa kia, trước nghìn năm quên lãng
Một con gió và một cánh chim trời
Từng như tôi và những người huynh đệ*

*Linh hồn tôi hóa thành một thân cây,
Một con thú và một làn mây trắng
Không quen biết linh hồn quay trở lại
Trao cho tôi câu hỏi. Nhưng tôi phải trả lời thế nào?*

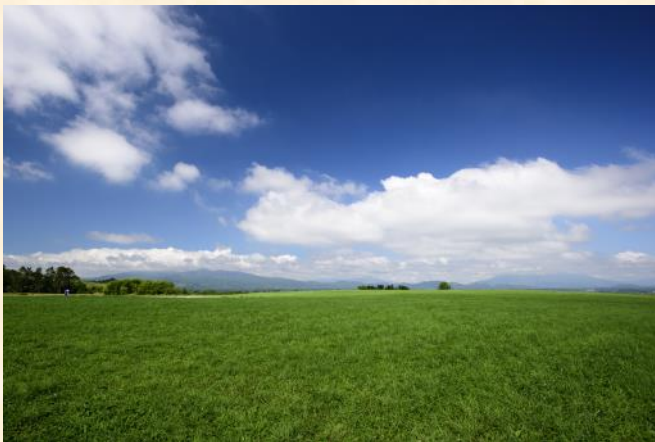
NGÀY THÁNG MỚI NẶNG NỀ LÀM SAO!

*Ngày tháng mới nặng nề làm sao!
Không một ánh lửa cho tôi sưởi ấm
Không còn mặt trời cười tôi nồng ấm
Tất cả trở nên thật trống rỗng
Tất cả thật lạnh lẽo và nhân tâm
Ngay cả những vì sao yếu đuối sáng trong
Cũng nhìn tôi mỗi mệ
Kể từ khi tôi học được trong tim
Rằng tình có thể chết*



TÌNH CA

*Anh là con hươu còn em là nai,
Con chim là em anh cội cây già,
Mặt trời là em còn anh tuyết trắng,
Em là buổi ngày còn anh giấc mộng.
Đêm, trong mơ miệng anh hé mở
Một con chim vàng từ đó bay ra,
Tiếng hót trong cao, cánh chim rục rờ,
Hát em nghe bài hát của tình yêu,
Hát em nghe bài hát trái tim anh bé nhỏ.*



QUA CÁNH ĐỒNG

*Trên bầu trời mây trắng vội vàng trôi
Giữa đồng hoang lạnh căm cơn gió thổi
Bóng hình ai lang thang trong chiều tối
Đưa con thất lạc của mẹ tôi*

*Đây đường dài xao xác lá thu rơi
Trên cành cao chim gọi bầy da diết
Và đâu đó sau những rặng núi tuyết
Là quê nhà xa lắm của tôi*

ĐÊM TRÊN BIỂN KHƠI

*Đêm, khi biển cả vỗ về tôi
Những vì sao nhạt nhòa trên trời đêm chiếu sáng
Và đàn trái trên những con sóng lớn,
Tôi buông mình tự do
Khỏi mọi hành động và tình cảm buồn lo
Tôi đứng yên và nhẹ nhàng hít thở
Một mình, cô độc, vỗ về bởi biển cả
Lạnh lẽo, im lìm với nghìn tia sáng lang thang.*

*Và tôi cần nghĩ về những người anh em
Ánh mắt tôi chìm sâu vào mắt họ,
Và thầm hỏi từng người, từng người rành rờ
“Bạn có còn là của tôi?
Nỗi đau tôi có là của bạn, và cả cái chết?
Bạn có cảm nhận tình yêu tôi ngày trước, cả nỗi buồn đau
Chỉ là hơi thở, chỉ là tiếng vọng xa xôi?”*

*Và biển đêm dịu dàng nhìn, thật lâu, trong im lặng
Rôi dạt dào cười đáp: không.
Và không lời chào hỏi và câu trả lời nào đến từ bốn phía mênh mông.*



NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

W. F. STEDE (1882-1958)

William Friderich Stede, người Anh gốc Đức, sinh ngày 9 tháng 6 năm 1882 tại Đức. Ông lập gia đình năm 1912 và có duy nhất một người con gái, bà D.A.L. Maskell. Lúc nhỏ, Stede theo học tại các trường đại học Göttingen (Tây Đức) và Leipzig (Đông Đức). Ông tốt nghiệp đại học Leipzig về các môn tiếng Phạn (Sanskrit), Pali và ngôn ngữ học.

Từ năm 1908 đến 1911, ông làm giảng viên tiếng Phạn (Sanskrit) và Gô Tích (Gothic) tại đại học Liverpool (thành lập năm 1881), miền tây bắc nước Anh. Năm 1913, Stede đậu bằng tiến sĩ (Ph.D.) với luận án tiếng Đức mang tựa đề "Die Gespenstergeschichten des Peta-Vatthu" (*Ngạ Quỷ theo quan niệm Phật Giáo*) được ấn hành năm 1914.

Trong thời đệ nhất thế chiến (1914-1918), Stede bị quản thúc tại Anh Quốc và nhờ sự can thiệp của Dr. Rhys Davids (1843-1922), năm 1915 ông được trả tự do để hợp tác với Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Pali (*The Pali Text Society*) và cùng với Rhys Davids bắt đầu soạn cuốn tự điển Pali-Anh. Stede dọn đến ở gần nhà giáo sư Rhys Davids tại Chipstead để mỗi chiều thứ ba ông đến gặp thảo luận với giáo sư về tài liệu soạn cuốn tự điển nói trên.

Mặc dù Rhys Davids lớn hơn Stede 39 tuổi nhưng họ đã kết bạn thân với nhau không phải chỉ vì cả hai đều có chung cùng lý tưởng là ham thích nghiên cứu cổ ngữ Pali mà tình bạn đó còn được xây dựng trên tình thương, lòng từ bi của Phật Giáo.

Sau khi Rhys Davids qua đời năm 1922, để bày tỏ lòng kính mến, tri ân Rhys Davids, Stede đã viết: "*Không ai biết rõ tình cảm giữa tôi và Rhys Davids, ngoại trừ tôi với giáo sư. Điều làm tôi khó quên giáo sư là khi tôi ngồi cạnh bên để trình bày cho giáo sư rõ các khó khăn trong việc nghiên cứu của tôi. Hay những lần tôi nhìn vào cặp mắt sáng ngời của giáo sư trong khi giáo sư cầm lấy tay tôi. Triu mến, dịu dàng, yêu thương, nói tắt trong một chữ 'từ bi',*

đó là đức tánh nổi bật của giáo sư. Tôi muốn giữ mãi hình ảnh của Rhys Davids trong tâm hồn và luôn luôn tưởng nhớ đến giáo sư như một thiện hữu trí thức của tôi."

Công Tác Giáo Dục Tại Anh Quốc

Năm 1915, W. F. Stede khởi sự cùng với học giả Rhys Davids chung soạn cuốn tự điển Pali-Anh (*Pali-English Dictionary*) và hoàn tất công trình này 10 năm sau vào năm 1925. Tiếp đến ông bắt đầu hợp tác lâu dài với trường Nghiên Cứu về Đông Phương và Phi Châu tại Luân Đôn (*London School of Oriental and African Studies*). Năm 1926, Stede được mời làm phụ giảng sư môn Pali; năm 1928 làm giảng viên về Sanskrit và Pali; năm 1933 nhận làm giảng viên cao cấp đến năm 1945, Stede trở thành giáo sư chính thức về cổ ngữ Sanskrit và Pali tại trường nói trên. Mặc dù sức khỏe yếu kém, Stede tiếp tục giữ chức vụ này, không bỏ lớp dạy ngày nào cho đến khi ông về hưu năm 1949.

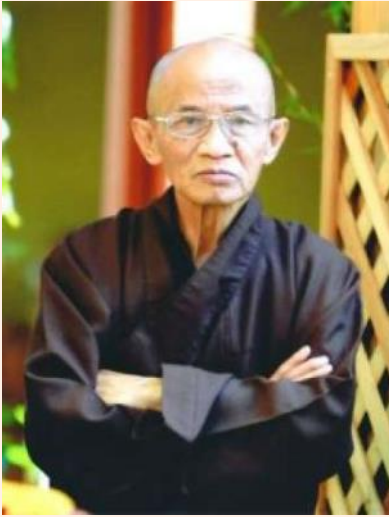
Stede cũng làm giám khảo về môn Pali cho đại học Luân Đôn (London University) vào những năm từ 1925 đến 1958; môn Pali và văn minh Phật Giáo cho các kỳ thi tuyển chọn công chức ngành Dân Chính (Civil Service) từ năm 1930 đến 1939; và Pali cho đại học Tích Lan (University of Ceylon) vào những năm 1944 đến 1958.

Những Đóng Góp Của W. F. Stede Cho Nền Phật Học Tây Phương

Ngoài việc giảng dạy, làm giám khảo các kỳ thi môn Pali, viết nhiều bài nghiên cứu giá trị đăng tải trên các tạp chí Phật Giáo bằng Anh ngữ, và soạn cuốn tự điển Pali-Anh; Stede còn góp phần giúp Hội Pali Text Society tại Luân Đôn trong việc phiên âm tiếng Pali theo mẫu tự La Tinh (Romanized Pali) các bộ kinh dưới đây:

1918: *Cullaniddesa*, thuộc tập Niddesa (*Nghĩa Thích*) hay những bài chú giải trong Tiểu Bộ Kinh (*Khuddaka Nikaya*) thuộc Kinh Tạng.

1927: *Thera-therigāthā Padas*, kệ nói về



H.T. THÍCH TRÍ CHƠN
(1933—2011)

(*Buddhaghosa*) nhà đại luận sư ra đời tại miền bắc Ấn Độ vào thế kỷ thứ 5 sau tây lịch.

1932: Tập III, *Sumangalavilasini*, tái bản năm 1971; tập chú giải của ngài Phật Minh về Trường Bộ Kinh.

1956: Tập *Kankhàvitarani* (chung soạn với con gái ông, bà D. A. L.Maskell), tái bản năm 1981. Đây là tập chú giải cuốn Giới Bốn (*Pati-mokkhas*) trong Luật Tạng (*Vinaya Pitaka*) của ngài Phật Minh (*Buddhaghosa*). Tập này được ấn hành vài tháng sau khi bà Maskell qua đời vào năm 1956.

Sự ra đi quá sớm của Maskell đã làm cho Stede vô cùng buồn khổ, và hai năm sau, ông cũng theo gót con gái mình từ trần vào ngày 5 tháng 7 năm 1958 (hưởng thọ 76 tuổi), để lại nhiều tiếc thương cho các thân hữu, học giả Pali nổi tiếng và Phật tử Tây Phương khắp nơi trên thế giới.

Để bày tỏ lòng tri ân và ngưỡng mộ đối với học giả W.F. Stede, tạp chí nghiên cứu về Pali của Hội Pali Text Society bấy giờ đã viết: "Dr. Stede là một đạo hữu đồng nghiệp và giáo sư được mọi người kính trọng và mến yêu khi họ có dịp tiếp xúc với ông ta; con người có tâm hồn vị tha và tánh tình chánh trực với kiến thức rộng rãi về ngôn ngữ cũng như quảng bác, sâu sắc, hiểu biết nhiều vấn đề liên quan đến triết học Phật Giáo".

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÁU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)

chư Tăng và các Ni Sư trong Tiểu Bộ Kinh.

1931: Tập II, *Suman-galavilāsini*, tái bản năm 1971. Đây là tập chú giải về Trường Bộ Kinh (*Digha Nī-kaya*) của ngài Phật Minh

THƯỢNG PHẨM CAO ĐẲNG

(Thành Kính Tưởng Niệm Giác Linh Hòa Thượng thượng Minh hạ Tuyền)

Chùa Việt Nam Nhật Quốc

Bậc thiền tăng một thời

Ung dung và tự tại

Luôn mỉm nụ thiên tươi

Tám mươi năm trụ thế

Sáu mươi hạ lạc tăng

Trải qua bao thế cuộc

Đất khách trồng hương sen

Không ngại gian lao khó

Sớm tối tu chuyên cần

Tháng năm dài phụng sự

Đạo Pháp trường mầm xanh

Đạo Pháp cần Ôn đến

Chúng sanh cần Ôn đi

Dù tuổi cao sức yếu

Đâu có quản ngại gì

Suối từ bi tuôn chảy

Ánh giác ngộ soi đường

Quê người xây phạm vũ

Bao Phật tử về nương

Tương chừng bóng đại thọ

Che mát đất Phù Tang

Nào ngờ đâu sanh tử

Vội đến thật bàng hoàng

Tin buồn Ôn viên tịch

Cõi lòng con ngậm ngùi

Tiếc thương bóng đại thọ

Lệ nhòa trên mắt moi

Hoa Ưu đàm dầu rụng

Nhưng mãi còn ngát hương

Sử vàng luôn ghi dấu

Hạnh nguyện chiếu vô cùng

Thành tâm con khấn nguyện

Chư Phật khắp mười phương

Phóng hào quang tiếp dẫn

Thượng phẩm Ôn cao đẳng

Ta Bà Ôn tái hiện

Nụ thiên luôn sáng trong

Việt Nam già lam địa

Trăng sáng rạng gương lòng...!

thơ

CHỨC HIỀN

ÁNH TRĂNG RẼM TRONG VĂN HÓA VÀ VĂN HỌC PHẬT GIÁO PHƯƠNG ĐÔNG

Sakya Minh Quang

Con người đã chính thức đặt chân lên mặt trăng ở cuối thập niên sáu mươi thế kỷ trước. Những hiểu biết về mặt trăng ngày càng trở nên đầy đủ theo đà tiến bộ của khoa học vũ trụ. Tuy nhiên, dù khoa học vũ trụ có tiến bộ thế nào, kiến thức về mặt trăng cổ tăng thêm bao nhiêu, ánh trăng rằm rõ ràng những mát dịu vẫn lung linh huyền bí, là nguồn cảm hứng cho biết bao thi sĩ và văn nhân sáng tác để góp phần nuôi dưỡng đời sống văn hóa và tinh thần của biết bao nhiêu người trên hành tinh này. Kho tàng văn học phương Đông liên quan đến ánh trăng từ xưa đến nay vốn đã vô cùng đồ sộ, đã đang và sẽ không ngừng phát triển, có lẽ mãi cho đến ngày nhân loại vẫn còn hiện hữu trên trái đất này. Ví dụ, Tô Đông Pha (1037-1101), một trong tám vị đại văn hào đời Đường Tống (Đường Tống bát đại gia), đã dùng hình ảnh ánh trăng tròn khuyết để nói lên quy luật vô thường của kiếp nhân sinh:

*Trăng khi tròn khi khuyết
Người vui buồn hợp tan
Việc này xưa đã vậy
Chỉ mong ai bình an!
Ngàn dặm chung trăng vàng!*

(Nguyệt hữu âm tình doanh khuyết/Nhân hữu bi hoan ly hợp/Thử sự cổ nan toàn/Đàn nguyện nhân trường cửu/Thiên lý cộng thiên quyền.)

Trong dòng chảy văn học phương Đông, văn học Phật giáo với hơn hai ngàn năm trăm năm lịch sử đã đóng góp to lớn vào gia tài văn học của nhân loại. Trong đó, hình ảnh ánh trăng rằm đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống văn hóa và tôn giáo của người Phật tử, cũng như việc truyền tải tinh thần từ bi và tư tưởng triết học thâm thúy của Phật giáo đến với quần chúng bình dân.

Trước hết, ánh trăng rằm đã gắn bó đến đời sống tâm linh của các Phật tử qua các ngày sóc vọng (ba mươi và mười lăm âm lịch) hằng tháng. Vào những ngày này các Phật tử thường ăn chay, làm phước và về chùa tụng kinh, nghe pháp hoặc thọ Bát Quan Trai. Ngay cả những người không phải là Phật tử, hình ảnh mái chùa cong lợp ngói đỏ, tiếng chuông ngân nga hôm sớm giữa làng quê thanh bình, và lễ hội rộn rã trong những ngày rằm lớn đã ăn sâu

vào đời sống văn hóa và tâm linh của người dân Việt:

*Quê tôi có gió bốn mùa
Có trăng giữa tháng, có chùa quanh năm
Chuông hôm, gió sớm, trăng rằm
Chỉ thanh đạm thế, âm thầm thế thôi.*

...
*Mai này tôi bỏ quê tôi
Bỏ trăng, bỏ gió, chao ôi! bỏ chùa.*

(Quê Tôi - Nguyễn Bính)

Ngoài ra, trong văn học Phật giáo, ánh trăng rằm sáng rõ ràng nhưng mát dịu được dùng để dụ cho vẻ mặt sáng ngời trí tuệ, trang nghiêm thanh tịnh, nhưng cũng vô cùng từ bi phúc hậu của các vị Thánh giả. Ví dụ, để mô tả A-nan, người đệ tử có khuôn mặt đẹp và trí nhớ siêu phàm của đức Phật, một bài kệ Phật giáo ghi rằng:

*Mặt sáng như trăng rằm
Mắt đẹp tựa sen xanh
Phật Pháp như nước biển
Chảy vào A-nan tâm.*

(Diện như tịnh mãn nguyệt/Nhãn như nhược thanh liên hoa/Phật Pháp đại hải thủy/Lưu nhập A-nan tâm).

Hay trong Kinh Tạp A-hàm biệt dịch, cũng có đoạn dùng ánh trăng rằm để mô tả thân tướng đoan nghiêm của đức Phật, khiến chúng sinh hoan hỷ chiêm ngưỡng và phát khởi thiện tâm:

Ví như ánh trăng rằm





Hết mây, sạch tối tăm
Soi sáng khắp thế gian
Ai cũng hoan hỷ ngắm;
Đức Thích-ca Thế Tôn
Bậc đạo sư vô thượng
Tướng đoan nghiêm thù thắng
Uy đức khắp mười phương.

(Du như thanh mãn nguyệt/Vô vân xứ không trung/Quang minh chiếu thế giới? Nhất thiết giai nhạo kiến/Thích-ca Mâu-ni tôn/Thế gian đại đạo sư? Đoan nghiêm thù thắng đặc/Danh văn tất sung mãn. Kinh Tạp A-hàm Biệt Dịch).

Có lẽ Nguyễn Du (1766-1820), nhà đại văn hào Việt Nam mà cũng là một nhà học Phật, chịu ảnh hưởng hình ảnh văn học này, nên cũng dùng ánh trăng tròn để mô tả khuôn mặt đẹp đầy đặn phúc hậu của Thúy Vân, em gái nhân vật chính Thúy Kiều:

*Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tuyết nhuộm màu da.*

Lại nữa, vầng trăng không chỉ dùng để dụ cho vẻ đẹp sáng ngời trí tuệ mà dịu dàng tử bi, mà còn dùng để mô tả tâm tử bi bình đẳng và trí tuệ không vướng mắc trong sự nghiệp cứu độ chúng sinh của chư Phật và Bồ-tát. Kinh Hoa Nghiêm nói:

*Bồ-tát: vàng trắng mát
Dạo giữa trời chân không
Sáng soi khắp ba cõi
Tâm tịnh: bóng trắng lồng.*

(Bồ-tát thanh lương nguyệt/Du ư tất cánh không/Thùy quang chiếu tam giới/tâm pháp vô bất hiện.)

Bồ-tát đi vào đời cứu độ chúng sinh mà không thấy có chúng sinh được độ, như vầng trăng dạo đi giữa tầng không, ung dung, tự tại, đem ánh sáng cho đời mà chưa từng nghĩ mình

MAI TÔI CHẾT

*Tôi đã sống trọn rồi tôi phải chết
Mai tôi đi xin chớ có sầu bi
Và tuyệt đối đừng lệ rơi khóc lóc
Đời vốn khó đừng gây thêm mệt nhọc
Có thương nhau xin đọc một bài thơ
Hãy ngồi xuống lặng yên nghe hơi thở
Một niệm này thôi “một cõi đi- về”
Tôi vẫn là tôi sống mãi tâm bồ đề*

*Vốn vĩnh cửu chưa bao giờ đánh mất
Khi tôi chết là phút giây thật nhất
Thiện-ác, buồn vui tất thảy phơi bày
Mãi rong ruổi rồi hoá đám mây bay
Phút vĩnh biệt vẫy tay chào tất cả
Ta nằm đó mà nghe lòng thư thả
Hồn dâng cao hoà điệu với trăng sao
Vũ trụ lung linh hoa đăng huyền ảo
Chợt thấy trần gian vọng sóng âm xao...*

thơ ĐỒNG THIÊN

làm gì cho đời. Đó chính là “tất cánh không” hay “chân không”, cảnh giới của người đã đạt được tuệ giác bát-nhã vô sở đắc. Anh trăng sáng ngời nhưng mát dịu đem lại cảm giác an toàn và mát mẻ cho người đi đêm như thế nào, thì tâm tử bi và trí tuệ của chư Phật và Bồ-tát cũng đem lại sự tin cậy và an tâm cho chúng sinh trong đêm trường vô minh như thế đó. Ví như nước trong trăng hiện, nơi nào chúng sinh tưởng Phật là nơi đó có Phật; khi nào tâm chúng sinh thanh tịnh là lúc đó Phật hiện tiền.

Tóm lại, trăng rằm gắn liền với lễ hội Phật giáo, với tướng hảo trang nghiêm, trí tuệ sáng ngời và tâm tử bi bình đẳng của chư Phật và Bồ-tát. Trong khuôn khổ có hạn, bài viết này không thể nói hết được hình ảnh ánh trăng trong kho tàng văn học Phật giáo vốn vô cùng đồ sộ với ba tạng kinh điển truyền thống, chưa nói đến các chú giải và sáng tác không ngừng qua từng thế hệ. Tuy nhiên, bút giả tin rằng đôi điều trình bày ở trên đủ để người đọc cảm nhận được hình ảnh ánh trăng rằm đóng vai trò quan trọng như thế nào trong đời sống văn hóa và tâm linh của người Phật tử Việt Nam nói riêng và các nơi trên thế giới nói chung.



KIỆT TẬP KINH ĐIỂN

(Phật Pháp Thứ Năm — tài liệu tu học của GDPTVN)

Ngay sau khi đức Phật nhập Niết Bàn không có một lời dạy nào của Ngài được ghi chép lại bằng câu văn có trong sách vở, các đệ tử của Ngài đã nghĩ ngay đến việc lưu truyền lại Giáo Pháp của Thế Tôn bằng cách kiết tập lại những điều giáo huấn của Ngài.

Khi đức Phật tại thế, Ngài chỉ dùng khẩu thuyết, các đệ tử chỉ nghe rồi tụng đọc lại cho nhớ nên việc kiết tập các lần đầu cũng chỉ là tụng đọc mà thôi, mãi đến 200 năm sau khi đức Phật nhập Niết Bàn mới viết thành văn tự.

I. LỊCH SỬ KIỆT TẬP GIÁO LÝ ĐỨC PHẬT:

A. lúc Phật còn tại thế:

Lúc Phật còn tại thế, ngoài việc thuyết pháp cho đại chúng Ngài còn nói pháp cho đủ mọi hạng người: từ vua chúa, hoàng tử, bà la môn đến người trí thức, thương gia, bình dân cho đến cả những người cùng khổ, hành khất Ngài tùy theo trình độ căn cơ của mỗi người mà giáo hoá. Cùng một vấn đề nhưng tùy từng đối tượng Ngài trình bày rộng hẹp sâu cạn khác nhau. Những lời dạy này gọi là "Kinh" và những điều luật hướng dẫn cho tăng

già thực hiện để tu tập gọi là "Luật." Tất cả gọi chung là Giáo Pháp. Giáo Pháp này hằng ngày được các đệ tử tụng đọc ghi nhớ chứ không ghi lại bằng sách vở.

B. Các thời kỳ kiết tập kinh điển:

1/ Thời kỳ kiết tập thứ nhất: bốn tháng sau khi đức Phật nhập Niết Bàn các đệ tử của Ngài họp hội nghị tại thành Vương Xá để kiết tập lại Giáo Lý của Ngài.

Kỳ kiết tập này do Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp chủ tọa gồm 500 đại đệ tử. Ngài A Nan (Ananda) tụng đọc những lời thuyết giáo Phật đã giảng dạy (Kinh); Ngài Ưu Ba Ly (Upali) tụng đọc các giới luật (Luật). Hội nghị có thảo luận nhưng không sửa đổi thêm bớt. Như vậy kỳ kiết tập kinh điển này chỉ có Kinh và Luật.

2/ Thời kỳ kiết tập thứ 2: kỳ kiết tập này được tổ chức 100 năm sau khi đức Phật nhập Niết Bàn. Do Trưởng lão Yasa triệu tập (165 tuổi) gồm 12 ngàn tăng sĩ, họp tại Vaisaly. Trong hội nghị này có nhiều ý kiến, đề nghị sửa đổi một vài điểm về giới luật cho hợp với hoàn cảnh xã hội, văn hóa kinh tế của xã hội Án Độ cách thời kỳ Phật tại thế 100 năm. Nhưng số Tăng sĩ bảo thủ thì cho rằng: không có gì cần thay đổi. Sau đó nhóm đề nghị sửa đổi rời hội nghị, về họp tại Vajji dưới sự chủ tọa của Vajjiputta chấp thuận sửa đổi một vài điều về Luật, còn Kinh không thay đổi, lập nên Đại Chúng Bộ (Wahasaghicca). Số tăng sĩ còn lại họp dưới quyền chủ tọa của Revala, quyết định không sửa đổi bất cứ một điều Luật nào. Ta có thể tạm gọi bộ phái này là Nguyên thủy. Như vậy kỳ kiết tập kinh điển lần thứ 2 chỉ có



thay đổi một ít Giới Luật đối với Đại Chúng Bộ mà thôi chứ không thay đổi về Kinh.

Một trăm năm sau thời kỳ kiết tập kinh điển lần thứ 2 thì trong Đại Chúng Bộ, vì không thống nhất một số quan điểm nên lại phân chia thành 8 bộ phái nữa, với 4 lần phân chia (Nhất Thuyết Bộ, Thuyết Xuất Bộ, Kê Dân Bộ, Đa Văn Bộ, Thuyết Giả Bộ, Chế Đa Bộ, Tây Sơn Bộ, Bắc Sơn Bộ) vị chi là 9 bộ.

Phái Nguyên thủy trong thời gian đầu, thống nhất rất lâu nhưng về sau cũng chia ra 10 bộ phái nữa (Thuyết Nhất Thế Hữu Bộ, Độc Tử Bộ, Pháp Thượng Bộ, Hiển Vi Bộ, Chánh Thượng Bộ, Mật Lâm Sơn Bộ, Hóa Địa Bộ, Pháp Tạng Bộ, Ấn Quang Bộ, Kinh Lượng Bộ) vị chi là 11 bộ, tổng cộng hai phái có tất cả 20 bộ.

3/ Kiết tập kinh điển lần thứ 3: Kiết tập kinh điển lần thứ 3 được tổ chức 200 năm sau đức Phật nhập Niết Bàn (274 TTL) do Vua A Dục triệu tập, gồm 100 vị Đại trưởng lão họp tại Pataniputra (tức là Bihar và Patra ngày nay) và do Moggaliuputtatissa chủ tọa, sau chín tháng làm việc đã kiết tập cuốn Kāthavatthu (một cuốn của bộ luận A - Tỳ - Đàm). Như vậy sau lần kiết tập kinh điển này mới có đủ KINH, LUẬT, LUẬN. Hội nghị này không những có nhiều ý kiến dị biệt về Luật mà còn cả về Kinh của rất nhiều hệ phái khác nhau nhưng kết quả đã gạn lọc được các quan điểm sai lầm dị giáo, dung hòa được những quan điểm dị biệt và nhất trí một bộ giáo lý gọi là Thượng Tọa Bộ (Theravada). Ngoài ra hội nghị còn chấn chỉnh Tăng giới, đào thải những vị Tăng phạm giới, sống không hòa hợp.

Sau hội nghị kiết tập này, Thượng tọa Mahinda con trai của vua A Dục đã đem ba tạng kinh (Kinh, Luật, Luận) cùng với sở giải đã kiết tập sang Tích Lan (hiện nay còn lưu trữ, không thất thoát?).

4/ Kỳ kiết tập kinh điển lần thứ 4: Tổ chức 600 năm sau khi đức Phật nhập Niết



CHỈ LÀ CHIẾC LÁ

*Chỉ là chiếc lá thu rơi
Sao nghe như thể một đời rụng sa
Chỉ là chiếc lá bay qua
Lòng hoang mang ngỡ như đà trăm năm
Chỉ là tiếng lá âm thầm
Chừng nghe kinh nguyện lâm râm cuối ngày
Chỉ là tiếng lá xa cây
Sao âm liêu thoát vọng đầy không gian
Chỉ là chiếc lá khô vàng
Dường nghe gió lộng thổi than khóc cười
Hay là hôn lá đang tươi
Ngoài vòng sinh tử giúp người khai tâm.*

thơ LƯU LÃNG KHÁCH

Bàn (thế kỷ I TL) do vua Ca-Ni-Sắc-Ca (Kaniska), một vị vua có tinh thần hộ pháp lớn lao như vua A Dục ; triệu tập gồm 500 vị Bồ Tát, 500 vị tỷ kheo, 500 vị cư sĩ họp tại thành Ca Thấp Di La dưới quyền chủ tọa của 2 Ngài Hiếp Tôn Giả và Thế Hữu.

II. BẮC TÔNG VÀ NAM TÔNG:

Trong các thời kỳ kiết tập, 2 thời kỳ đầu đọc tụng theo ký ức chứ không có ghi chép; thời kỳ thứ 3 và thứ 4 mới ghi chép thành sách. Các Tăng già phía Bắc ghi chép bằng tiếng Phạn, các Tăng già phía Nam ghi chép bằng tiếng Pali.

Từ đó, trong xứ nói tiếng Pali thì kinh điển Pali được truyền bá, các nước nói tiếng Phạn thì kinh điển Phạn được truyền bá. Nếu lấy Trung Ấn làm cứ điểm thì đầu tiên qua Nam Ấn, đến Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam. Được truyền bá kinh tạng Pali, gọi là Nam

phương Phật giáo hay là Nam tông. Còn Bắc Ấn đến Népal, Tây Tạng, Trung Hoa, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản được truyền bá kinh tạng Phạn, gọi là Bắc phương Phật giáo hay Bắc tông (Phật giáo du nhập vào Việt Nam bằng cả hai con đường, phía Bắc và phía Nam).

Vậy thì Bắc phương hay Nam phương, giáo lý cũng từ một gốc, nhất là một gốc lấy từ lần kiết tập kinh điển lần thứ 3, thứ 4. Nhưng tùy theo ảnh hưởng xã hội, văn hóa, kinh tế của từng dân tộc khác nhau ở các nước phía Bắc và ở các nước phía Nam mà có sự phát huy giáo lý và vận dụng tu tập có khác nhau. Bắc phương thì có phóng túng, ít câu nề hình thức, Nam phương thì thủ cựu, tôn trọng hình thức.

Nhờ có các thời kỳ kiết tập kinh điển mà Giáo Pháp còn tồn tại đến ngày nay.

(Tài liệu Tu học của Huynh Trường, Bậc Trì)



MÔI TRƯỜNG SỐNG

(*Lá Thư Đầu Tuần*— bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Mọi việc trong cuộc đời nhiều lúc chúng ta nghĩ là “tự nhiên,” “vô duyên cớ” hay “vô lý,” v.v... nhưng thật ra đều có nguyên nhân, đều dính líu với nhau qua những móc xích nhân quả v.v... chỉ là với nhục nhãn, chúng ta không thể nhìn thấy được. Cũng như vấn đề bảo vệ môi trường đâu phải chỉ là vấn đề của hôm nay mà đã là vấn đề của mấy ngàn năm trước... Hôm nay nhóm Áo Lam xin mời ACE đọc một chuyện tiền thân chép từ Tiểu Bộ kinh.

Trân trọng,
BBT

CHUYỆN CON CỌP (Tiền thân Vyaggaha)

Trong khi trú tại tinh xá Kỳ Viên (Jetavana), đức Thế Tôn kể câu chuyện này về Câu-ca-lợi (Kokālika). Lúc ấy, Câu-ca-lợi nói:

– Tôi sẽ đưa Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên cùng đi với tôi.
Vì thế, sau khi rời khỏi

nước Câu-ca-lợi, thầy đi đến Kỳ Viên, dâng lễ Đức Thế Tôn, rồi sau đó đi đến hai Tôn giả và nói:

– Thưa các hiền hữu, dân chúng ở nước Câu-ca-lợi thỉnh các hiền hữu đến. Vậy chúng ta hãy đi đến đó!

– Thưa hiền hữu, hiền hữu hãy đi một mình, chúng tôi không đi. Hai vị trả lời.

Sau lời từ chối này, Câu-ca-lợi ra đi một mình.

Các Tỷ-kheo đang bàn luận việc này trong Chánh pháp đường.

– Thưa các hiền hữu, Câu-ca-lợi không thể sống chung với Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, cũng không thể cùng đi với họ! Thầy ấy không thể sống chung được với những pháp hữu của mình!

Đức Thế Tôn đi vào và hỏi họ đang cùng bàn luận điều gì. Họ bạch sự việc với Ngài. Ngài nói:

– Không chỉ trong đời này như vậy thôi, mà vào đời quá khứ, Câu-ca-lợi cũng không

thể sống chung với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, cũng không thể đi cùng với họ.

Nói rồi, Ngài kể câu chuyện tiền thân.

Thuở xưa, thời mà Brahma-datta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị thần cây sống trong một cánh rừng nhỏ. Cách không xa nơi Ngài sống, có một vị thần cây khác sống trong một khu rừng già. Trong khu rừng ấy, có một con sư tử và một con cọp. Vì sợ nó nên không có người nào dám đi đến khu rừng đó để đốn cây, thậm chí không có người nào dám đứng lại nhìn. Sư tử và cọp thường giết các loại thú để ăn thịt, và những gì còn lại sau khi ăn, chúng vứt lại và bỏ đi, làm cho khu rừng đầy mùi xú uế của thịt thối.

Vị thần kia xuân ngọc, không biết gì phải trái nên một ngày nọ đã nói với Bồ-tát:

– Nay anh bạn, khu rừng này đầy mùi xú uế của thịt thối, tất cả đều do con sư tử và con cọp kia gây ra. Tôi sẽ đuổi cổ nó đi.

Bồ-tát nói:

– Nay bạn, chính hai sinh vật này đã bảo vệ trú xứ của chúng ta. Một khi chúng bị đuổi đi, trú xứ của chúng ta sẽ bị tàn phá. Nếu con người không nhìn thấy bóng dáng của sư tử và cọp, họ sẽ đốn hết khu rừng này, biến nó trở thành một nơi hoang tàn, cho đến khi nó hoá thành đồng bãi. Xin đừng làm việc đó!

Và Ngài đọc lên hai bài kệ đầu tiên:

*Mỗi khi ở gần người bạn thân
Bình yên của bạn nguy cơ mất,
Nếu bạn có trí xin bảo vệ
Uy thế của mình như tròng mắt.*



Nhưng khi bạn sống gần bạn thân

Được gia tăng thêm sự an lành,

Hãy để bạn mình được yên ổn

Quý bạn giống như là bản thân.

Tuy Bồ-tát giải thích vẫn đề như vậy, nhưng vị thần cây ngu xuẩn kia vẫn không cần ghi nhận điều đó, mà một ngày kia đã hoá hiện thành một hình dáng kinh dị để sợ để đuổi sư tử và cọp đi. Con người không nhìn thấy dấu chân của hai sinh vật này, đoán rằng sư tử và cọp đã đi đến một khu rừng khác, nên đã đến đồn hết một bìa rừng. Thấy thế, vị thần cây đi đến Bồ-tát và nói với Ngài:

- Ôi, bạn ơi, tôi không làm theo những gì bạn khuyên mà đã đuổi những sinh vật đó đi. Bây giờ con người thấy chúng đã đi nên đang đồn phá rừng! Phải làm gì bây giờ?

Bồ-tát trả lời rằng, hai con vật đó đã đến sống ở một khu rừng có tên như vậy, thần cây nên đi đến đó đưa chúng về lại. Thần cây này đã làm theo lời khuyên, đi đến đứng trước mặt chúng, cung kính chào hỏi và đọc lên bài kệ thứ hai:

*Cọp hỡi xin trở lại rừng thoi
Đừng để rừng kia san thành đồng*

Không bạn, riu sẽ hạ rừng xuống

Không rừng, nhà cửa bạn cũng không.

Chúng khước từ lời yêu cầu này và nói:

- Ông hãy đi đi! Chúng tôi sẽ không bao giờ đến đó.

Vị thần cây một mình quay trở lại khu rừng. Và con người, sau một vài ngày đã dọn sạch khu rừng, biến nó thành những cánh đồng để cày xới.

Kết thúc pháp thoại này, đức Thế Tôn tuyên thuyết các Thánh đế và nhận diện Tiền thân:

- Thuở đó, Câu-ca-lợi là vị thần cây ngu xuẩn, Xá-lợi-phất là con sư tử, Mục-kiền-liên là con cọp, còn vị thần cây hiền trí (bồ tát) đó chính là ta.

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

LÒNG TỪ HÒA CẢM HÓA ĐƯỢC THIÊN HẠ

*(Câu Chuyện Dưới Cờ — bài viết hàng tuần của
GDPT do Nhóm Áo Lam thực hiện)*



Thầy Mẫn Tử, mẹ mất sớm, cha có người vợ kế tâm hồn xấu ác điều ngoa, nhưng thầy vẫn sớm viếng khuya hầu cha và đi không sót bỏ. Dù cho đi chỉ lo cho hai em và xử sự bạc ác với thầy. Mùa đông giá hai em đều có áo kép bông, riêng thầy thì chỉ có áo vải bọc bông lau mà thôi.

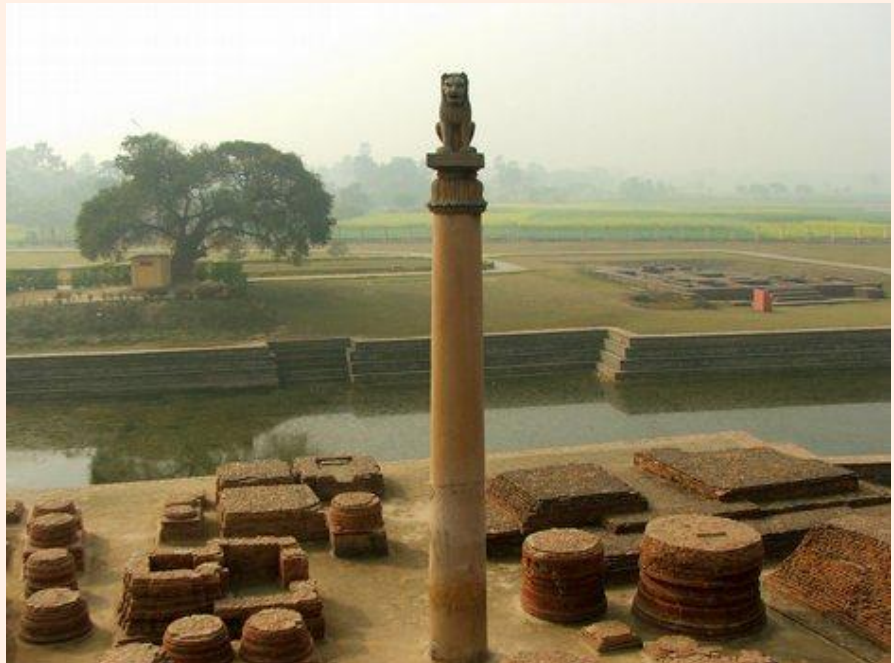
Một hôm, thầy Mẫn Tử đánh xe hầu cha. Thấy con co ro run rẩy liền xe quả mắng. Thầy không dám nói sự thật, cha tức giận lấy roi đánh áo rách bạt hoa lau ra. Cha thầy thấy thế tức giận người vợ kế đã bạc đãi con mình liền đuổi đi. Thầy Mẫn Tử

khóc mà thưa cha rằng: "Dì con ở lại chỉ mỗi mình con rét. Dì bị đuổi đi cả ba anh em con đều rét cả. Xin cha thương mà nghĩ lại."

Cảm động và hãnh diện là đã có đứa con từ ái hơn người. Cha thầy ứng thuận. Người dì ghẻ cảm ơn thầy, đứa bé con mà có tâm hồn quảng đại bao dung độ lượng, nên đem lòng yêu kính đùm bọc không bạc ác cùng thầy nữa.

Thật xứng đáng là đấng hiền Thánh Tử trong văn học Trung Quốc vậy.

*(Trích 52 Câu Chuyện Dưới Cờ
của Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)*



NỖI BUỒN SAI CHÍNH TẢ

(Bài tụng tháng Cô hồn)

1.
con đường ngủ say giữa đêm
nằm chung chỉ còn có bụi
lời tình mở mê rừng núi
con đường chỉ còn lại vết bánh xe
và dấu chân người
câu thơ buồn không chứng cứ
2.
này núi
hay là nuối
những mảng xanh rã rời
những nỗi buồn/g không bao giờ đúng chính tả
còn đường vẫn nằm dài phía trước
như một lời hẹn gán vào tháng tám
ta gán vào nhau giọt lệ viên thành
3.
ta lại đi
như chiếc kim đồng hồ chưa bao giờ mỗi chân
vỗ vào đêm gọi ban mai thức dậy
vui nào em
chẳng biết là lỗi của bàn chân
hay lỗi của con đường
gọi nhau từ niềm vui bữa trước
để hôm nay lại mắc lỗi chính tả trên từng nỗi
buồn/g
4.
những chuyện hay ho mình triết cổ nhân đã nói
hết rồi
ta về lại đây nói chuyện yêu nhau
để kinh sách nằm yên trên cổ tự
nghe con thần lẫn tắc lưỡi
con nhện giăng hồ chiếc bẫy từ bi
dẫn độ cho chuồn chuồn châu chấu
đừng để môi người ú ớ tiếng thương nhau
đánh vần chữ yêu/iu sai hoai chính tả
5.
bát(c) chánh đạo
chẳng biết từ hay cờ
mà mỗi ngày lại bê vào thơ
giảng với nhân gian những lời khú (ô) để
bốn chín năm dưới góc bồ đề
Đức Phật rút lại những điều đã nói
này ngoan xinh

không cần tài giỏi
mỗi chuyện yêu nhau là đạt đạo rồi

6.
anh đã phát khùng
vì một đời làm huynh trưởng
thấy các em lớn lên mà chẳng dám nhìn lâu
sợ có đưa về trẻ kinh thất tiết
lớn lên anh vào đời trăm công ngàn việc
đeo mặt nạ khóc cười kiếm miếng cơm ăn
em cơ cực cũng qua thời con gái
bài học của chúng mình chẳng dạy được ai đâu
này em cứ hồn nhiên như oanh vũ
múa ở cổng chùa
cứu độ giùm anh
7.
trời đất rộng mà chỗ dành cho bọn mình thì quá
hẹp
một nỗi buồn không đủ chỗ ngã lưng
kinh sách gối đầu chưa bao giờ nuôi nỗi giấc mơ
hai bàn tay
trong hai bàn tay
hồ nghi còn mất
xương máu cuồng con đúng sai
gió bão lộng bốn phía trời mà thiếu hơi để thổi
8.
đem lại trốn vào câu thơ mà khóc
như một điều húy kỵ phải quên đi
vết xước năm xưa dấu vào trong ngực
yêu như một tiền án buồn hiu
táo tác tìm nhau trong ám tượng tàn chiều
9.
không phải tôi
không phải em trong bài thơ này
ta như thể lớn dần trong cỏ
trong hôm mai mừng tượng hình hài
em là em
trong hình dáng từng giờ em tạo tác
cho lời hẹn với rừng tháng chín
với rêu phong đền tháp tháng mười
buồn hôm trước sẽ dân hoai mục
bón cho từng hoa trái của ban mai

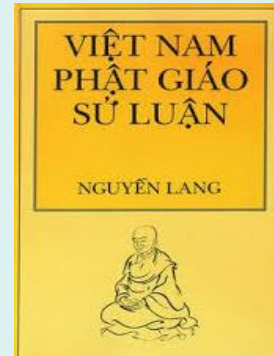
(tháng cô hồn 2017)

thơ TRẦN THIÊN THỊ

SỨC SÁNG TẠO CỦA GIỚI PHẬT TỬ ĐẠI CHÚNG

(Chương XIX, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



Kỳ 5

(tiếp theo kỳ trước)

QUAN ÂM NAM HẢI

Nhân đây ta cũng nên xét qua về tác phẩm *Nam Hải Quan Âm* mà sự lưu truyền trong nhân gian cũng sâu rộng không khác chi truyện tích Quán Âm Thị Kính. Truyện *Nam Hải Quan Âm* do một vị tăng thời Nguyễn sáng tác, được truyền vào đất Việt vào khoảng thế kỷ thứ mười bốn hay mười lăm, do đó truyện đã được truyền tụng trong nhân gian trước truyện *Quan Âm Thị Kính* vốn do chính người Việt sáng tác. Bản Nôm cổ nhất không biết được khắc vào thời đại nào. Bản chữ quốc ngữ đầu tiên có lẽ của Huỳnh Tịnh Của (1834-1907) *Quan Âm Diển Ca* in vào khoảng năm 1897.

Sự tích Quan Âm Nam Hải đã được Việt hóa một cách hoàn toàn. Đức Quan Âm này, tuy là công chúa thứ ba con vua Diệu Trang ở nước Hưng Lâm (?) nhưng đã đi tu tại núi Hương Tích ở Việt Nam và thành Phật tại đây. Cũng như truyện Quán Âm Thị Kính, truyện Nam Hải Quan Âm chủ trương rằng đi tu theo đạo Phật vẫn có thể làm tròn chữ hiếu và thực hiện chữ nhân. Điều này cho chúng ta thấy cả hai truyện đều biểu dương sự tự vệ của Phật Giáo trước sự công kích của Nho giáo. Vào chuyện, Nam Hải Quan Âm đã viết:

*Chân như đạo Phật rất màu
Tâm trung chữ hiếu, niệm đầu chữ nhân
Hiếu là độ được đấng thân
Nhân là cứu vớt trăm luân mọi loài
Tinh thông nghìn mắt nghìn tai
Cũng trong một điểm linh đài hóa ra
Xem trong biển nước Nam ta
Phổ môn có đức Phật bà Quan Âm.*

Đức Quan Âm này vì cư trú trong biển nước Nam ta, nên gọi là Quan Âm Nam Hải. Quan Âm Nam Hải vốn là Diệu Thiện, con gái thứ ba của Diệu Trang Vương (Subhavyuḥa). Hai chị Diệu Thiện là Diệu Thanh và Diệu Âm. Cả ba kiếp trước là con trai nhà họ Thi, một gia đình có tiếng nhân đức. Như vậy Quan Âm Nam Hải cũng như Quán Âm Thị Kính đều do nam

nhân đầu thai thành nữ nhân. Điều này rất đáng chú ý. Bồ Tát Quán Thế Âm được mô tả trong phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa là một nam nhân, sang Tây Tạng, Trung Hoa và Việt Nam, Quán Âm biến thành nữ nhân thân, trong lúc đó Phật tử các nước này vẫn tụng đọc kinh Pháp Hoa mà không thấy có sự mâu thuẫn. Lý do kinh Pháp Hoa có nói: "Nếu cần hiện ra thân gì mà cứu độ thì Quán Âm hiện ra thân đó, như thân Quốc vương, Tể tướng, thân nhi đồng, thân phụ nữ v.v..." Cho nên bất cứ ở đâu xuất hiện một con người với lòng từ bi rộng lớn là ở đó người ta cho là đức Quán Âm hiện thân. Danh từ Quán Thế Âm (Avalokitesvara) có nghĩa là người lắng nghe tiếng kêu của cuộc đời. Lắng nghe để tìm tới cứu giúp. Hai công chúa Diệu Thanh và Diệu Âm đều vâng lời vua Diệu Trang đi lấy chồng. Nhưng công chúa Diệu Thiện, sau này là đức Quán Âm chùa Hương Tích, không muốn lập gia đình, chỉ muốn xuất gia tu đạo.

Vua tức giận truyền giam công chúa ngoài vườn. Hai chị và hoàng hậu trốn ra thăm, khuyên nhủ nàng nên vâng lời vua cha, nàng vẫn cương quyết đòi đi tu. Vua cha liền bày kế, cho công chúa đến tu tại một ngôi chùa lớn nhưng mật lệnh cho vị trụ trì bắt công chúa làm việc sớm khuya rất nặng nhọc để cho công chúa thối tâm về nhà. Nhưng Diệu Thiện không nản chí: ngày đêm niệm cô này không ngớt tọa thiền niệm Phật, gánh nước, nhặt rau, nấu cơm, làm mọi việc trong chùa, làm công việc của hàng chục người. Chim tới nhặt rau, rồng tới lấy nước giúp Diệu Thiện (42). Nhiều tuần lễ trôi qua, thấy Diệu Thiện không bỏ chùa đi về, vua nghi là các vị tăng ở chùa không tuân lệnh vua mà đọa đày công chúa, liền xuống lệnh đốt chùa. Diệu Thiện tự trách mình là nguyên do khiến tu viện bị đốt, liền cắn ngón tay ngừa mặt lên trời mà cầu nguyện. Rồng xuống phun nước dập tắt lửa. Vua xuống lệnh đem Diệu Thiện ra xử chém. Nhưng lưỡi gươm đao phủ gãy đôi khi chạm tới cổ Diệu Thiện. Đột nhiên trời tối sầm xuống, sấm chớp nổi lên, và một con mãnh hổ nhảy vào, mang Diệu Thiện đi mất.

Mãnh hổ mang Diệu Thiện lên núi, đặt ni cô nằm xuống rồi bỏ đi. Diệu Thiện thiếp: Hồn ni cô xuống âm phủ, đi qua mười tám cửa ngục tù, chứng kiến không biết bao nhiêu cảnh trừng phạt đau đớn dưới địa ngục của những người đã từng tạo ác nghiệp lúc còn sống trên dương gian. Diệu Thiện nghĩ rằng mình bị vua cha xử tử, đã chết, cho nên bây giờ linh hồn đi xuống địa ngục. Người sứ giả của Diêm Vương nói: Không phải, nàng đang còn sống.

Chính Thập Điện Minh Vương rước ni cô xuống thăm địa ngục cho biết mà thôi. Đoạn văn tả địa ngục là một đoạn văn có tác dụng giáo dục quần chúng rất lớn (43). Đây là ngục xe lửa và ngục cột đồng để trừng phạt những viên chức hại dân:

*Xe lửa là ngục hỏa xa
Quay đi quay lại thịt da tan tành
Bởi vì cậy thế cậy thần
Hiếp kẻ cô quả, cướp tranh ruộng vườn
Cột đồng là ngục đốt than
Mấy tay chức dịch tham tàn phải ôm.*

Đây là ngục kéo lưỡi, trừng phạt những người ăn nói đảo điên:

*Kìa ngục bặt thiết lạ sao
Cầm kim lỏi lưỡi máu đào mà kinh
Bởi vì miệng lưỡi co quanh
Đảo điên đơm đặt làm khuynh hãm người.*

Chứng kiến tất cả những khổ đau đó, Diệu Thiện rất đau xót. Ni cô liền nhất tâm trì chú, niệm Phật và do công đức từ bi ấy, cảnh giới địa ngục liền thay đổi. Diêm Vương ban lệnh ân xá tất cả những tội nhân trong mười tám cửa ngục. Hồn Diệu Thiện trở về dương gian, nhập vào xác trở lại. Đang phân vân chưa biết đi về hướng nào thì Phật tổ Như Lai hóa thân thành một chàng trai tuấn tú, tới gần để thử bà lần nữa về chuyện kết nghĩa trăm năm. Khi thấy tâm nguyện vững chắc, Phật liền chỉ đường cho bà về Hương Tích:

*Đức Phật mới chỉ đường tu
Rặng cỏ một chùa tại Hương Tích sơn
Gần bể Nam Việt thanh nhàn
Sang tu chốn ấy sẽ toan viên thành.*

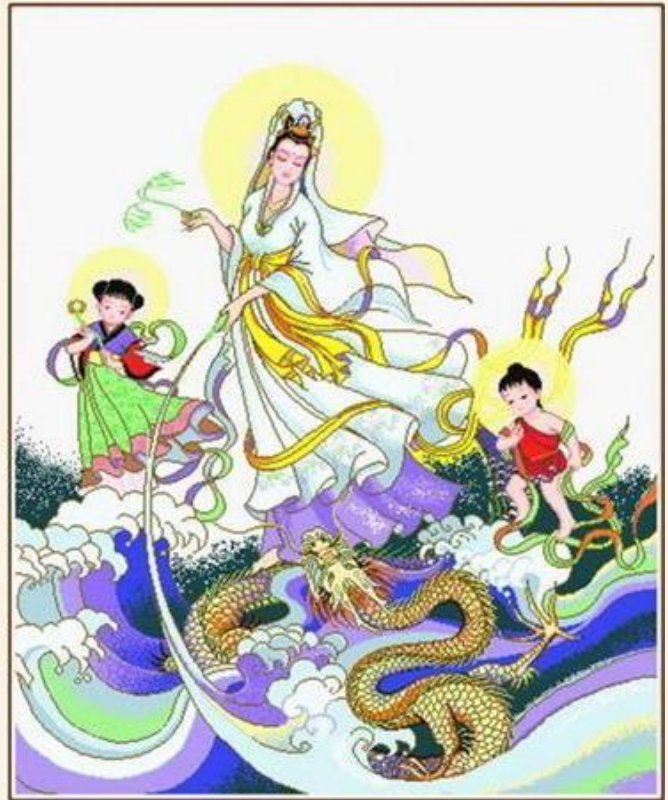
Diệu Thiện vâng lời Phật dạy, sang Nam Việt vào núi Hương Tích mà tu:

*Núi cao ngân ngắt mịt mù
Am thanh cảnh vắng bốn mùa cỏ cây
Trên thì năm sắc từng mây
Dưới thì bể nước trong rầy như gương
Cá chim châu lại tĩnh đường
Hạc thường hiển quả, hươu thường dâng*

hoa.
Sau nhiều năm tu đạo, bà thành Phật Quan Âm, ngồi trên tòa sen báu:

*Thần thông biến hóa tự nhiên
Một thân hóa được ra nghìn muôn thân
Mắt trông khắp hết cõi trần
Lắng tai nghe thấu xa gần bốn bên.*

Bốn câu trên nhằm diễn tả hạnh nguyện báo thân của Quan Thế Âm ra muôn ngàn thân để hóa độ trong ngàn muôn trường hợp khác



nau, và cũng diễn tả khả năng nhận thức (mắt và tai) của vị bồ tát này. Vì nhận thức và hạnh động có trăm ngàn mặt cho nên Đức Quan Âm mới được diễn tả như người có ngàn tay ngàn mắt, tay là hành động và mắt là nhận thức:

*Tinh thông nghìn mắt nghìn tay
Cũng trong một điểm linh đài hóa ra.*

Phật Quan Âm Hương Tích có hai đệ tử nhỏ: Thiện Tài, em bé trai mồ côi từ nhỏ xin theo bà, và Long Nữ, em bé gái con của Long Vương đội lốt Lý Ngư mắc nạn, được bà cứu, trả về Thủy Đình, sau trở lại xin theo bà để tu hành. Sau này vua Diệu Trang bị bệnh nan y. Vua yết bạng cầu lương y, hứa rằng ai chữa lành cho vua thì sẽ được trao ngôi báu. Không có ông thầy thuốc nào chữa được. Cuối cùng, Diệu Thiện, bây giờ Quan Âm, biến hình thành một lương y, giắt bạng yết, đòi vào cứu vua. Xem mạch xong, lương y nói: Bệnh này không thể chữa khỏi được nếu không xin được một mắt một tay của vị tiên nữ trên núi Hương Tích, và cam quyết rằng nếu vua cho người tới xin, tiên nữ sẽ sẵn sàng bố thí. Vua giữ lương y lại cho người đi qua Đại Việt, lên chùa Hương Tích, xin được một tay một mắt của tiên nữ đem về. Nhưng bệnh chỉ thuyên giảm có một nửa thân hình. Lương y nói phải đi xin nốt con mắt và cánh tay còn lại của tiên nữ. Ai cũng thấy như vậy là quá đáng. Nhưng lương y nói vị bồ tát xả thân cứu người nên thế nào lên xin cũng được toại nguyện. Kết quả là tiên nữ bố thí con mắt và cánh tay còn lại; vua khỏi bệnh, định làm lễ truyền ngôi cho lương y, nhưng chưa thi hành được ý định thì vị lương y đã bỏ đi mất.



Sau khi bình phục, vua và hoàng hậu lên đường đi Đại Việt tìm tới núi Hương Tích để tạ ơn tiên nữ. Trong khi hoàng gia đang trên đường tới núi Hương Tích, tại kinh đô Hưng Lâm có cuộc đảo chính. Phật bà Hương Tích dùng thần thông thấy được nên sai hai đệ tử đem pháp thuật sang giải cứu cho tình thế, đồng thời cứu thoát Diệu Thanh và Diệu Âm. Hai người này từ khi bị giam, liền giác ngộ và bắt đầu tu hành, niệm Phật ngồi thiền ngay trong ngục tối. Hai công chúa được cứu liền theo tháp tùng phái đoàn hoàng gia.

Vượt bao nhiêu núi non hiểm trở, phái đoàn tới được núi Hương Tích. Cảnh tượng trang nghiêm u nhã. Vào được động ngoài, vua, hoàng hậu và các công chúa chờ đợi để được tiếp kiến tiên nữ. Vua Diệu Trang lên tiếng nhưng từ phía động trong không có tiếng trả lời. Vua nghĩ mình là đàn ông, không tiện bước vào động trong, nên yêu cầu hoàng hậu và hai công chúa bước vào trước để làm lễ tiên nữ. Lúc đó Phật bà hiện thân làm công chúa Diệu Thiện, đứng thẳng giữa động, hai mắt bị móc, hai tay bị cắt, máu chảy ròng ròng. Nhận ra con gái mình trong hóa thân ấy, hoàng hậu khóc và ngã ra bất tỉnh. Tiếp đến là cuộc đối thoại giữa Diệu Thiện và cha mẹ, Diệu Thiện nói rằng mình đã móc mắt và cắt tay để cứu cha, nhưng nếu cha mẹ phát nguyện bỏ ác làm lành, tu hành theo đạo Phật thì bà sẽ có mắt và có tay nguyên lành trở lại. Vua và hoàng hậu phát nguyện. Lập tức tay và mắt của Phật bà trở lại y nguyên như cũ. Cả nhà ở lại tu hành tại chùa Hương Tích. Sau đó Diệu Thanh được thành Vạn Thủ Bồ Tát, cưới con sư tử xanh, và Diệu Âm trở thành Phổ Hiền Bồ Tát,

cưỡi con voi trắng.

Cốt truyện Nam Hải Quan Âm của Trung Hoa ngắn hơn nhiều. Theo cốt truyện này, sau khi bị vua ra lệnh chém đầu, lưỡi gươm ấy gãy đôi, Diệu Thiện xuống thăm địa phủ, sự có mặt của bà khiến cho mọi đau khổ ở đây chấm dứt. Diêm Vương phải đưa bà về trần. Bà được một đóa sen chở về núi Phổ Đà, nơi bà ngự trị. Đoạn kết của truyện Nam Hải Quan Âm của ta nói rằng núi Phổ Đà chỉ là nơi báo thân (sambhogakaya) của Phật; Quan Âm ngồi núi Hương Tích Việt Nam là nơi ứng thân (nirmanakaya) của Ngài xuất hiện. Còn Pháp thân (dharmakaya) của Ngài thì đồng một thể tính với Phật thân:

Phật bà phép chí vô biên

Một thân hóa mấy mươi ngàn muôn thân

Vốn là bồ tát thiên chân

Thác sinh công chúa nhất tâm tu hành

Trên thời hiếu, báo sinh thành

Dưới thời nhân, cứu chúng sinh ta bà

Cơ thân ngồi núi Phổ Đà

Thân lên trên Phật, thân qua dưới đời (44)

Thần thông nghìn mắt nghìn tay

Phổ Môn biển để độ người ngu mê.

Cốt truyện Việt Nam có thêm nhiều đoạn hay và những đoạn nói về sự cứu nhân, báo hiếu, là những đoạn cần thiết để bệnh vực cho đạo Phật sống chung hòa hợp với đạo Nho vậy. Đoạn kết cho biết rằng nếu niệm đức Quan Thế Âm mà không lo sửa mình, làm lành và lánh dữ thì hiệu quả của sự niệm Phật không có được bao lắm:

Cho nên Phật hiện từ bi

Ai hay khẩn đến, ngài thì độ cho

Chỉ vì kẻ tục ô đồ

Dữ nhiều lành ít, chẳng lo sửa mình

Cho nên niệm Phật tụng kinh

Ngài tuy có giáng, phước lành chẳng bao!

Ai hay tín kính trông vào

Giữ nhân giữ hiếu chẳng nao tấm lòng

Dầu khi có chút ngại ngùng

Khẩn cầu Ngài hẳn ứng trong khẩn cầu...

Truyện thơ Quan Âm Thị Kính không có khuyh hướng trộn lẫn Phật Giáo với Nho và Lão giáo, trong khi truyện thơ Nam Hải Quan Âm cho ta thấy Diệu Thiện tu cả về phép Phật, phép tiên, và khi thành Phật, được Ngọc Hoàng Thượng Đế sắc phong. Vị Bồ tát trên núi Hương Tích cho mắt cho tay để vua Diệu Trang luyện thuốc được vị lương y mô tả như một đấng tu tiên. Tu tiên thì lại biết cả làm thuốc. Đoạn sau đây cho thấy Diệu Thiện tu cả phép Phật lẫn phép tiên và sau khi thành đạo, chư Phật và chư tiên đều phải đến và công nhận sự thành đạo của bà:

Tu hành đã được mấy niên

Bao nhiêu phép Phật, phép tiên vào lòng

Bây giờ tam phủ Công đồng

Hộ thành quả phúc phán trong lệnh truyền

Chư Phật học bồ tát dưới trên

Thiên tinh thần tướng, thiên thiên vàn vàn

Đông Huyền, Hải Nhạc, Linh Quang

*Ngũ linh thần tướng, Thành hoàng, Xã ty
Đều ra tới trước lay quy
Xin tôn đức chúa (45) lên vì tòa sen.*

Ngọc Hoàng Thượng Đế sắc phong cho bà như sau: "Thượng Đế sắc phong: Đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Nam mô Linh Cảm Quan Thế Âm Bồ Tát, tứ dữ liên hoa bảo tọa, nhất phó vĩnh tác Nam Hải đà nham đạo tràng chi chủ."

Nghĩa là "Thượng đế sắc phong: Đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Nam mô Linh cảm Quan Thế Âm Bồ Tát, ban cho một đóa sen báu làm chỗ ngồi, và giao cho làm chủ tọa vĩnh viễn đạo tràng núi Nam Hải."

Sự trộn pha Phật-Lão và dấu tích nỗ lực hòa đồng với Nho giáo khiến ta có cảm tưởng sự tích Nam Hải Quan Âm được hình thành vào hậu bán thế kỷ thứ mười sáu, thời gian xuất hiện của Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

TÍNH CÁCH DÂN TỘC CỦA QUAN ÂM THỊ KÍNH VÀ QUAN ÂM NAM HẢI

Hai đức Quan Âm Thị Kính và Quan Âm Nam Hải chiếm một địa vị khá quan trọng trong đức tin của người dân quê Việt Nam. Thị Kính là hình ảnh của một lòng tha thứ bao la và một đức tánh nhẫn nhục không bến bờ; còn Diệu Thiện là hình ảnh của một ý chí kim cương, một tình thương rộng lớn, bao trùm cả gia đình và nhân loại và cả những linh hồn đang chịu khổ đau ở cõi âm nữa.

Tác dụng giáo dục của hai tác phẩm đều rất quan trọng. Đúng về phương diện tư tưởng, tuy đề tài có tính cách đại chúng, những truyện này cũng chuyên chở được tư tưởng tam thân, trình bày Quan Âm như những hóa thân của Phật xuất hiện trong đời để thực hiện lý tưởng từ bi cứu khổ.

Cả hai truyện tích đều đã được trui luyện qua trí tưởng của người dân quê nên đều mang tính cách dân tộc một cách đậm đà. Hình bóng Quan Âm Thị Kính và Quan Âm Nam Hải đều là những hình bóng rất quen thuộc của người dân Việt. Hiếu thuận, thương người, nhẫn nhục, tha thứ, những đức tính mà người Việt thương mến đã được phát triển đến mức độ cao cả nhất ở hai nhân vật phụ nữ ấy.

(42) Tranh dân gian diễn tả những hình ảnh này còn giữ được lại tới ngày nay.

(43) Một tác phẩm sân khấu bịnh dân đã ra đời nói về chuyện du hành của Quan Âm dưới Âm phủ, đó là vở Quan Âm du hành đại phủ. Năm 1935, Tú Tòng Khê có hợp tác với nhà in Xưa Nay ở Sài Gòn để xuất bản bằng quốc ngữ vở tuồng này. Năm 1934, nhà in Bảo Tồn ở Sài Gòn cũng có in Quan Âm du hành địa phủ, nhưng đây lại là những bài hát vọng cổ.

(44) Trong truyện Quan Âm Thị Kính có những câu sau đây cũng nói về Tam Thân của Phật:

Hóa thân thì mượn thân thân

Siêu thân thì mượn tinh thần đem đi.

(45) Diệu Thiện được gọi là Chúa Ba, công chúa thứ ba.

LỜI GÀN, Ý XA...

NGÒI YÊN, LẮNG NGHE

*Hãy ngồi thật yên
Lắng nghe khoảnh khắc
Trôi chảy tự nhiên
Không vương, không mắc
Lặng lẽ tỉnh giác
Lặng lẽ lắng nghe
Tâm này vô trụ
Lực nào ngăn che?*

*Ngồi yên lặng lẽ
Hiện tiền Tâm Kinh
Không còn, không mất
Chỉ là lặng thinh
Tánh Nghe không tiếng
Tánh Ngửi không hương
Tánh Thấy không sắc
Thường trong Vô Thường.*



NHẮC NHỞ

*Kinh Khuddaka Nikaya
Nhắc nhở người xuất gia
Hãy từ bỏ lạc thú
Danh lợi phải lánh xa
Mối mong tròn tâm nguyện
Là đệ tử Thích Ca.*

THẮNG HOA

*Nghệ thuật của thiền định
Là mọi thứ bốc hơi
Là tan đi về phía
Trống không! Trống không thôi!
Quán thế giới bên ngoài
Hôm nay và hôm qua
Tan đi và biến mất
Khi ấy thiền thắng hoa.*

LEO NÚI

*Chinh phục tâm lăng xăng
Như hành giả leo núi
Trước hùng vĩ bao la
Phải quyết đi cho tới.*

NƯỚC NGÂM

*Phật pháp như nước ngâm
Ai đào, tất sẽ thấy
Dù không có người đào
Nước ngâm vẫn ở đây.*

thơ HUỆ TRÂN

THIỀN TẬP VỚI TRẺ EM

Nguyễn Giác



Nhiều người đã nhìn về thiền tập như là những gì rất gian nan, rất khó cho người trong đời thường. Thực tế, đúng là sẽ rất khó khăn, nếu chúng ta thử ngồi yên trong nửa giờ — chỉ nói ngồi yên thôi, chưa cần nói tới việc liên tục giữ được tâm tĩnh thức an tịnh (như pháp chỉ) hay liên tục giữ được tâm tĩnh thức quán sát (như pháp niệm thân, thọ, tâm, pháp).

Bước đầu tất nhiên là gian nan. Nhất là khi học Thiền Tông theo truyền thống, dù là để nhập lý trước, hay nhập hạnh trước. Đường đi nào cũng đầy vách núi gian nan. Người thành niên còn thấy khó, huống gì là với trẻ em.

Thí dụ, khi học tới một bài thơ thường được dẫn của Bàng Uẩn Cư sĩ:

*Đản tự vô tâm ư vạn vật
Hà phương vạn vật thường vi nhiễu
Thiết ngữ bất phá sư tử hồng
Cáp tự mộc nhân kiến hoa điều
Mộc nhân bốn thể tự vô tình
Hoa điều phùng nhân diệc bất kinh
Tâm cảnh như như kỳ cá thị
Hà lự Bồ đề đạo bất thành.*

Có thể dịch là:

*Chỉ tự lòng mình không khởi tâm gì với vạn pháp
Thì nào có ngại vạn pháp quấy nhiễu mình
[Giữ tâm lặng lẽ như] trâu sắt nào có sợ gì sư tử rống
[Chỉ như] người gỗ nhìn thấy chim và hoa
Bản thể người gỗ vốn không khởi tình [ưa hay ghét gì]
Chim và hoa kia có gặp người cũng chẳng kinh động
Nhìn tâm và cảnh như như chỉ là như thế đó
Thì lo gì đạo Bồ đề chẳng thành.*



Tâm cảnh như như? Có vẻ như Thiền Tông khó vô cùng tận. Nhưng khi đối chiếu với Tạng Pali, sẽ thấy đúng y hết lời Đức Phật dạy về pháp như thị cho ngài Bahiya:

"Bahiya, hãy tu như thế này: trong cái được thấy sẽ chỉ là cái được thấy, trong cái được nghe sẽ chỉ là cái được nghe..."

Và đó cũng là bài thơ của ngài Bàng Uẩn, rằng hãy để các pháp hiện ra như thị, hiện ra như thế, gọi là [đản tự] vô tâm cũng được, hay vô niệm cũng được — nhưng hể níu vào ngôn ngữ khái niệm thì không còn là cái trước mắt, cái bên tai...

*

Tới đây, câu hỏi là: Làm sao dạy cho trẻ em cách giữ tâm an bình và tĩnh thức với tất cả những gì hiển lộ trong và ngoài chúng ta? Vẫn có nhiều cách. Các nhà giáo quốc tế đã nhìn thấy lợi ích của thiền tập, và đang tìm những cách đơn giản để dạy trẻ em biết giữ tâm tĩnh thức.

Rất nhiều khái niệm trừu tượng về thiền tập — thí dụ, "bây giờ và ở đây" là hai khái niệm về thời gian và không gian. Trái với khái niệm trừu tượng sẽ là cảnh cụ thể, như hình ảnh và âm thanh. Cái bàn, cái ghế trước mắt, hay tiếng xe hơi chạy... là những gì chúng ta có thể chỉ ra cho các em thấy, nghe. Nhưng nói về khái niệm trừu tượng trong tâm, hẳn là các em từ lớp ba hay lớp bốn trở lên mới có thể hình dung, và cũng chỉ là mượn tượng, vì phải chỉ vào kim đồng hồ, hay vị trí đang ngồi, đang đứng — nghĩa là, tạm giải thích.

Khó là, làm sao cho các em bậc tiểu học có thể ngồi lặng lẽ trong vài phút và cảm nhận được hạnh phúc, cảm thọ an lạc ngay trong các khoảnh khắc đó. Không thể nào bảo rằng các em nên tập thiền hôm nay để nhiều năm sau sẽ gặt hái thành quả, vì các em không mấy khi kiên nhẫn quá vài phút đồng hồ. Bởi vậy, thiền tập với trẻ em là những gì phải cực kỳ đơn giản, và phải thấy an vui gần như tức khắc.

Như ở Úc châu, thông tấn ABC Radio Canberra hôm 25/5/2017 có bản tin tựa đề "Mindfulness and movement program teaching students to relax and focus" (Chương trình tĩnh thức và vận động dạy học trò thư giãn và chú ý).

Trường tiểu học này có tên Gold Creek Primary School, ở phía bắc thành phố Canberra.



Sara Lev guides her kindergarteners through meditation at Citizens of the World, a charter school in Mar Vista. (Cheryl A. Guerrero / Los Angeles Times)

Hơn 700 học sinh trong 25 lớp học tại trường này đang thử nghiệm một chương trình tập thiền tĩnh thức trong lớp mỗi tuần.

Hai học trò lớp 6 tên là Uzair Iqbal và Jessica Harmer nói với đài ABC rằng thiền tập giúp các em chú tâm hơn.

Uzair nói: "Tập xong, ai cũng dịu dàng và bình lặng, chúng em thấy thư giãn, và có ít tiếng ồn hơn và ít có chuyện gián đoạn trong lớp hơn. Em nghĩ là nếu em sắp vào kỳ thi và em tập kỹ thuật tĩnh thức trước khi thi, em sẽ thấy có một tâm sáng tỏ hơn để không phải lo âu nhiều quá và rồi vào kỳ thi. Tuyệt vời khi biết một cách để thư giãn trong khi bận rộn."

Lớp thiền tĩnh thức hàng tuần này kéo dài 20 phút, dạy thở và cách chú tâm vào các cử động dịu dàng.

Đó là chuyện bên Úc châu. Hay ở Hoa Kỳ. Bản tin trên đài truyền hình WIVB kể rằng trường West Hertel Academy tại thị trấn North Buffalo ở tiểu bang New York có một phòng thiền tập, với một nhà giáo giữ chức vụ tư vấn thiền tập (meditation consultant) để hướng dẫn các em pháp Thiền tĩnh thức. Vị tư vấn đó làm việc ba ngày một tuần cho trường. Trường này có các lớp PK-8, tức là từ lớp tiền-mẫu-giáo tới lớp 8.

Bản tin AP ngày 20/5/2017 cũng kể về chương trình dạy Thiền tĩnh thức cho học trò tiểu học ở thành phố Dillon, tiểu bang Colorado. Đó là trường Summit Cove Elementary.

Bản tin kể về cách cô giáo Jen Leslie hướng dẫn 21 em trong lớp tập thiền. Cô nói: "Các em hãy chú tâm vào hơi thở, hơi vào và hơi ra nơi mũi. Nếu muốn, có thể nhắm mắt. Ghi nhận lồng ngực phồng lên và xẹp xuống với từng hơi thở vào và ra."

Chương trình Thiền tĩnh thức nơi đây dạy các em từ lớp tiền-mẫu-giáo (pre-kindergarten) cho hết lớp 5.

*

Sau đây, chúng ta sẽ liệt kê một số phương pháp dạy Thiền tĩnh thức theo cách đơn giản,

thích nghi cho trẻ em, dựa vào các hướng dẫn đang dạy ở Hoa Kỳ và Úc châu.

Tập lắng nghe. Cô giáo yêu cầu các em trong lớp ngồi thẳng lưng, hai bàn chân áp sát mặt đất, hai tay đặt trên bàn, nhắm mắt, và lắng nghe tiếng khánh (hay tiếng chuông) do cô giáo gõ một tiếng -- hãy nghe từ khởi đầu âm thanh vang lên, tới khi âm thanh này im bất. Nếu dùng loại singing bowl của Nhật Bản, âm thanh có thể ngân dài tới 1 phút đồng hồ. Cô dặn, khi em nào nghe dứt tiếng chuông, nhớ đưa hai tay lên cao, đưa từ từ, đưa thật chậm, và khi tay cao tột cùng sẽ đưa tay từ từ hạ xuống, cũng giữ tâm vào cử động của hai cánh tay. Như thế, là xong 2 phút thiền tập.

Tập thở với thú cưng bằng nhựa hay bằng vải. Yêu cầu các em nắm dài xuống, lưng áp sát đất, để một con thú vải (thí dụ, chó, mèo, khủng long, sứ tử... hay búp bê may bằng vải, hay bằng nhựa) đặt trên bụng. Không cần dạy đếm hơi thở, vì các em còn nhỏ có thể sẽ đếm nhầm, hoặc chưa học đếm. Dạy các em rằng hãy quan sát bằng cảm giác nơi ngực và bằng mắt nhìn lim dim: khi hít hơi thở vào nhẹ nhàng, chú ý thấy con thú vải trên người nâng lên theo lồng ngực của em; khi thở hơi ra nhẹ nhàng, chú ý thấy con thú vải hạ xuống theo lồng ngực. Cô giáo có thể cho tập như thế vài phút.

Tập niệm thân. Cho các em ngồi, thẳng lưng, thở dịu dàng vài hơi, rồi yêu cầu các em nhận biết từng cử chỉ và từng cảm giác: hãy xoa dịu dàng hai lòng bàn tay vào nhau, cho ấm hai lòng bàn tay một chút, rồi yêu cầu các em dịu dàng áp sát hai lòng bàn tay vào mặt bàn, cảm nhận hơi nóng trong lòng bàn tay giảm đi trong khi cảm nhận hơi mát từ mặt bàn. Sau đó, yêu cầu các em co các ngón tay vào lòng bàn tay, tạo ra cảm giác căng ở các bàn tay, và từ từ duỗi các ngón tay ra, cảm nhận từng cảm giác nơi các ngón tay, bàn tay... Thời lượng có thể chỉ 1 hay 2 phút.

Tập nghe nhịp tim. Yêu cầu các em tập thể dục 1 phút, hoặc nhảy xồm hoặc chạy một chỗ, rồi yêu cầu ngồi xuống, nhắm mắt lại, cảm nhận nhịp tim đập, hoặc cảm nhận mạch máu đập ở các nơi trong thân.

Tập niệm thân trước khi ngủ. Buổi trưa, khi





các em ngủ trưa, nằm duỗi toàn thân, yêu cầu các em chú tâm vào cảm thọ từ dưới bàn chân (có thể tự nhúc nhích ngón chân để dễ nhận ra cảm giác), rồi từ từ chú tâm lên đầu gối, lên hông, tới lưng đang áp sát sàn gạch bông, tới cổ (có thể cử động cổ nhẹ nhàng để dễ nhận ra), tới mắt, đỉnh đầu... rồi hư giãn toàn thân, giữ cảm thọ toàn thân...

Tập đi thiền hành. Nếu đi trong phòng, nên chân trần, yêu cầu các em cảm nhận bàn chân từng bước nhấc lên và đặt xuống, chạm vào mặt gạch bông và cảm nhận mát lạnh nơi lòng bàn chân. Nếu đi bộ ngoài vườn, cần mang giày hay dép, yêu cầu các em lắng nghe bất kỳ tiếng nào chung quanh, như tiếng xe, tiếng chim kêu, tiếng nước chảy róc rách, vân vân.

Tập tỉnh thức khi ăn. Khi tập, tránh ăn các quả có hạt, như cam hay quýt vì có thể sơ ý làm hạt cam, hạt quýt rơi vào cổ. Tránh ăn quá cay, quá ngọt, hay quá mặn, vì sẽ tán tâm. Nên lấy một mẫu bánh mì, yêu cầu các em từ từ xé nhỏ bánh mì, rồi đưa một mẫu bánh vào, nhai thật chậm, thật kỹ, cảm nhận vị ngọt trong bánh...

Tỉnh thức ngồi. Để giữa bàn một bánh làm bằng táo, quế, dâu, chuối... mới nấu chín. Yêu cầu các em ngồi quanh bàn, nhắm mắt, thở dịu dàng, ngủi dịu dàng 1 hay 2 phút, rồi nói xem có thấy mùi trái cây gì không nơi bánh mới nấu. Không nên nói rằng có em nào kém nơi đây, vì tất cả cùng đáng khen, vì trẻ em ngồi thiền lặng lẽ trước bánh đều là tuyệt vời.

Tỉnh thức rửa tay. Trước khi ăn, yêu cầu các em rửa tay, chú ý cảm nhận nước chảy trên hai bàn tay, hơi lạnh, hơi mát, lau tay...

Tỉnh thức với hơi thở. Bất kỳ đi đứng nằm ngồi, yêu cầu các em nên thở dịu dàng, thở lặng lẽ, lắng nghe hơi thở, cảm nhận hơi thở lan toàn thân...

Đó là một số cách đơn giản dạy Thiền tỉnh thức cho trẻ em, dựa vào các phương pháp tại một số trường tại Hoa Kỳ và Úc châu. Quý thầy cô có thể sẽ thấy nhiều cách đơn giản tương tự. Chỉ vài phút tập tỉnh thức trong các việc nhỏ đời thường, sau này sẽ trở thành những hành trang Phật giáo cực kỳ quý giá cho các em vào đời.

Tại ai?

THÍCH NỮ NHƯ THỦY

Xưa, có một nhà tu, trên đường hành đạo, ông gặp một khách bộ hành có dáng điệu dị thường. Ông chăm chú nhìn và hỏi y:

- Người là ai?

Người ấy đáp:

- Quý sa tăng.

Nhà tu cau mặt:

- A, chính ra mi là tên khốn khiếp chuyên làm những điều đốn mạt trên thế gian này đó à?

Con quý mỉm cười:

- Ai cũng nghĩ như thế, nhưng thật ra, tôi chính là người nhận chịu tất cả tội lỗi mà thế nhân gây ra rồi đổ cho tôi. Nếu ngài không tin, chúng ta hãy làm một cuộc thí nghiệm vậy.

Tu sĩ bằng lòng. Sa tăng bèn vào tiệm mua một ít mật, phết lên cánh cửa tiệm rồi lánh sang cửa hàng đối diện.

Ngay tức khắc, một bầy ruồi kéo đến bu kín cả cánh cửa. Vài chú nhện vội sà xuống bắt ruồi và một con chim leo xuống bắt nhện.

Vừa hay, một viên quan đi săn cỡi ngựa đi ngang, tay cầm một con chim ưng. Chim ưng liền bay ra, liệng cánh định bắt chú chim nhỏ. Chủ quán thấy chim ưng, ngỡ là điều hâu, sợ nó hại đàn gà của mình, liền chộp lấy quả cân, ném chết chim. Viên quan nổi giận, quát roi vào người chủ quán. Đám con chủ quán bênh cha, đánh viên quan bị trọng thương, bọn tuần dinh liền bao vây cuộc ẩu đả...

Quý sa tăng bèn bảo nhà tu:

- Thế ngài đã rõ rồi chứ? Tôi chỉ là kẻ phết mật lên cánh cửa, còn tất cả chuyện khác là do con người gây ra. Bao giờ cũng vậy, hễ gây nên một lỗi lầm là loài người của ngài liền đổ lỗi cho tôi.

Kẻ thù hại kẻ thù

Oan gia hại oan gia

Không bằng tâm niệm tà

Gây hại cho tự nhân.

(trích Hư Hư Lục của NS TN Như Thủy)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 8

BAN TỔ CHỨC
THIỆN VIỆN CHÂN KHÔNG - HAWAII

1105 Hinduluka Drive, Honolulu, HI 96821
ĐT: (808) 222-0909 - E-mail: chankhongtv2@gmail.com

THÔNG BẠCH (SỐ 1)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiên Đức Tăng - Ni
Kính thưa Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử

Được sự ủy nhiệm của Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada, thừa lệnh tăng sai, trên tinh thần "Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi bản hoài". Và để Chư Tôn Đức Tăng Ni và Thiện nam tín nữ Phật Tử khắp nơi có cơ duyên cùng được câu hội về một trú xứ huân tu đạo nghiệp, góp phần làm cho mạng mạch Phật Pháp được trường lưu, từ chúng hoà hợp cộng tu, trường dưỡng đạo tâm ngõ hầu thấp sáng lên ngọn đuốc Từ Bi và Trí Tuệ giữa bóng đêm vô minh phiền não khổ đau. Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 8 năm tới - 2018 sẽ do Thiên Viện Chân Không - Hawaii đảm nhiệm việc tổ chức, địa điểm và thời gian được sắp xếp như sau:

- **Địa điểm:** ALA MOANA HOTEL
410 Atkinson Drive, Honolulu, Hawaii 96814
- **Thời gian:** Từ Thứ Năm đến Thứ Tư, ngày 13-19 tháng 9 năm 2018.
(Chương trình tu học sẽ được ghi rõ trong Thông Bạch Số 2)

Chúng con kính trình lên Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni chứng minh, cầu thỉnh quý Ngài gia tâm cầu nguyện và nhất tâm kiên tinh quý Ngài hoan hỷ quang lâm chứng minh yểm trợ cho Khóa Tu Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 8 này được thành tựu viên mãn. Đồng thời, kính thông báo đến Quý Phật Tử cùng biết để sắp xếp thời gian và công việc gia đình ghi danh tham dự Khóa Tu, thể hiện tinh thần quý trọng Pháp Bảo hiện có mà chúng ta được phước duyên để tu học.

Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ Chư Tôn Đức pháp thể khương an, tuệ đăng thường chiếu, đạo thọ miên trường, mãi mãi là bóng đại thọ che mát cho hàng hậu học. Kính chúc quý Phật Tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường, Bồ đề tâm kiên cố để nỗ lực thăng tiến trên con đường giác ngộ, giải thoát.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát



Hoa Kỳ, ngày 20 tháng 7 năm 2017

TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN

Tỳ Kheo THÍCH THÔNG HẢI

PHẬT GIÁO VÀ CON ĐƯỜNG ĐẠO ĐỨC NHÂN BẢN

Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh

Hầu hết chúng ta ai cũng muốn sống có đạo đức, hay ít nhất, ai cũng muốn tỏ ra mình là người có đạo đức, và ai cũng rất mong mọi người khác nghĩ rằng mình là người đạo đức. Điều này chứng tỏ rằng cuộc sống đạo đức có một giá trị xã hội rất cao. Tuy thế, trừ khi chúng ta phải đối đầu với một quyết định đạo đức rất khó xử, ít ai trong chúng ta dừng lại để suy nghĩ một cách cẩn kẽ để, như nhà hiền triết Socrates nói, "sống thế nào cho phải." Trong trường hợp bình thường chúng ta quyết định hành động của mình một cách vô thức dựa vào thói quen tạo ra bởi quá khứ văn hóa, tôn giáo, chủng tộc của mình, hay do ảnh hưởng của tính nết và cách ăn ở của cha mẹ mình. Nói một cách khác, chúng ta thường dựa vào luân lý nhiều hơn đạo đức. Trải qua bao ngàn năm, các tôn giáo chính và các hệ thống tín ngưỡng khác của từng vùng hay địa phương đã làm khuôn thước hướng dẫn cuộc sống xã hội và đời sống tinh thần của con người ở nhiều nơi trên địa cầu (1). Mỗi tôn giáo hay hệ thống tín ngưỡng trong lịch sử loài người đều tự cho mình là luật bao quát và thuần nhất của vũ trụ tuy rằng phần lớn thường nghịch lý với nhau.

Chính vì các giá trị làm mẫu mực cho đời sống đạo đức thường khác biệt nhau, có khi như ngày và đêm, từ nơi này qua nơi khác trên khắp thế giới nên chúng ta hay có nhiều ý kiến khác nhau khi nói đến giá trị đạo đức. Tuy thế, chúng ta mặc nhận mình là sinh vật có đạo đức, và mặc dù có thể khác nhau về chủng tộc hoặc địa dư, tất cả chúng ta đều là người và chỉ dị biệt nhau khoảng 0.5% về phương diện cấu trúc sinh học (DNA), hẳn chúng ta nên có những nguyên tắc đạo đức chung để hướng dẫn mọi người đối xử với nhau một cách công bằng và thuần nhất?

Trong bài tiểu luận sau đây tôi xin giới

thiệu một cuốn sách nhỏ nhưng rất đầy đủ của cố triết gia Mỹ và giáo sư đạo đức học James Rachels (1941-2003), và mạo muội dùng thiển ý của mình đề nghị một vài nguyên tắc mà tôi hy vọng có thể chấp nhận được để làm khuôn thước chung cho đời sống đạo đức dựa trên



"quan niệm tối thiểu về đạo đức" (2) do chính Giáo sư Rachels đề nghị trong cuốn sách của mình, *Những Yếu tố của Đạo đức* (3). Ông thuật lại một số câu chuyện đã thật sự xảy ra trong thời đại của chúng ta, và các trường hợp này đòi hỏi những quyết định đạo đức vô cùng khó xử, và ông tóm tắt nội dung cũng như bình luận những lý thuyết đạo đức trong suốt lịch sử văn minh Tây phương khi đem ứng dụng để giải quyết các trường hợp kể ra. Cuốn sách này là một cuốn sách đầu tay tuyệt hảo giới thiệu triết học đạo đức cho những ai

tò mò muốn tìm hiểu thêm về cách "sống thế nào cho phải."

Trước khi tiếp tục tôi xin nói rõ rằng từ trước đến nay tôi chưa hề nghiên cứu triết học đạo đức sâu rộng cho nên con đường tôi sắp vạch ra có thể đã có người đi trước để cập đến rồi mà tôi chưa có dịp biết đến. Chúng ta đều biết có rất nhiều triết gia danh tiếng đã bàn đến vai trò của lý trí trong đạo đức như Kant và Spinoza nhưng tôi không biết đã có trường phái hay triết gia nào, ngoại trừ lý thuyết siêu hình về nhân quả của Phật giáo, đã có ai xem cả ba yếu tố lý trí, tự do và trách nhiệm như là một tập hợp tối cần khi định nghĩa nhân bản và phân biệt con người với các loài vật khác.

Ba vụ gây tranh luận đạo đức rất sôi động không những trong giới y khoa và các lý thuyết gia về đạo đức học mà còn trong giới chính trị gia và trong đại chúng là: Trường hợp thứ nhất là "Bé Theresa," (4) một trẻ sinh ra không có não bộ ở Tiểu bang Florida, Hoa Kỳ



vào năm 1992. Bé sinh ra đời trên đầu chỉ có gốc não mà không có sọ và não. Hằng năm ở Mỹ có khoảng 300 trẻ em như thế này được sinh ra và còn sống; chúng thường chỉ sống khoảng trong một tuần. Biết rằng con mình chẳng bao lâu sẽ chết, cha mẹ của bé Theresa "tự nguyện hiến các bộ phận trong cơ thể của bé cho các trẻ em đang chờ cấy ghép." Mặc dầu bác sĩ cho đó là một ý kiến hay để cứu giúp một vài trong số hàng ngàn trẻ em đang chờ cấy ghép, dư luận quần chúng phản đối viện lẽ rằng đời Bé Theresa sẽ bị chấm dứt ngay lập tức nếu quyết định bác ái của cha mẹ bé được cho phép thi hành. Ngoài ra, luật pháp của Tiểu bang Florida không cho phép lấy cơ bộ của một người còn sống để cấy ghép cho người khác. Bé Theresa chết chín ngày sau đó và các bộ phận trong cơ thể của bé đã bị hư nên không thể dùng cấy ghép cho trẻ em nào khác được.

Trường hợp thứ hai là trường hợp của hai trẻ sinh đôi dính liền nhau có tên Mary và Jodie sinh ra tại Manchester, Anh quốc, vào năm 2000 (5). Bác sĩ phải giải phẫu tách hai cơ thể để cứu bé khoẻ hơn là Jodie nhưng sẽ giết chết bé yếu hơn là Mary. Cha mẹ là tín đồ Thiên Chúa giáo rất mộ đạo và họ chống đối quyết định giải phẫu mặc dầu họ hiểu rằng, theo suy luận của bác sĩ, cả hai bé Mary và Jodie sẽ chỉ sống trong vòng sáu tháng nếu không có sự can thiệp của y khoa. Tòa án Anh quốc đứng về phe của các chuyên gia y học, và hai trẻ sinh đôi được tách rời nhau với hậu quả như đã tiên liệu là Jodie sống và Mary chết.

Trường hợp thứ ba xảy ra ở Canada vào

năm 1993. "Tracy Latimer, một nạn nhân bệnh tê liệt não bộ, bị cha giết chết" bằng cách dùng khói thải từ chiếc xe vận tải của ông để chấm dứt sự đau đớn của con gái mình (6). Ông Latimer bị truy tố ra tòa về tội sát nhân. Tòa án cấp dưới và bồi thẩm đoàn xử ông khá khoan hồng nhưng Tối cao Pháp viện Canada can thiệp vào và áp dụng hình phạt bắt buộc của tội giết người là 25 năm tù.

Chúng ta hãy gác luật pháp qua một bên và thử hỏi xem các quyết định không dùng cơ phận của Bé Theresa cấy ghép cho trẻ em khác trong khi bé còn sống, tách rời hai trẻ sinh đôi ghép liền nhau Jodie và Mary lúc mới lọt lòng mẹ với hậu quả làm trẻ Mary yếu hơn phải chết, và bỏ tù người cha giết đứa con gái 12 tuổi bị bệnh tê liệt não ở Canada có hợp đạo đức hay không?

Nhiều biện luận khác nhau có thể để được đưa ra bên vực hay bác bỏ các quyết định gây nhiều tranh luận sôi nổi như kể trên, tùy theo chúng ta dựa trên nguyên tắc nào sau đây của các lý thuyết đạo đức Tây phương, trong số các lý thuyết khác trên thế giới, như là thuyết thiêng liêng của đời sống, thuyết văn hóa tương đối, thuyết đạo đức chủ quan, thuyết mệnh lệnh thần linh, thuyết luật thiên nhiên, thuyết tâm lý tự ngã, thuyết thực dụng, thuyết trừng phạt báo thù của triết gia Immanuel Kant, vân vân... Vì giới hạn của khuôn khổ bài viết, tôi sẽ không trình bày lại tất cả những lý thuyết đạo đức trong cuốn sách của triết gia Rachels.

Khi kết luận cuốn tự truyện về đời mình, nhà chính khách Nam Phi Nelson Mandela nói rằng, "Đi đôi với tự do còn có trách nhiệm" và "Được tự do không chỉ có nghĩa là tháo bỏ xích xiềng, nhưng có nghĩa là phải sống làm sao để kính trọng và nâng cao tự do của người khác." (7) Những lời nói này tóm tắt khá đầy đủ một lối sống đạo đức nhân bản, và tôi tin rằng **nhân bản** phải là nền tảng của tất cả nguyên tắc đạo đức. Ngoài tự do và trách nhiệm, nhân bản còn có lý trí. Sống có đạo đức có nghĩa là kính trọng nhân bản—sống làm sao để giữ gìn và phát huy lý trí, tự do, và tinh thần trách nhiệm. Tôi xin gọi đây là *con đường đạo đức nhân bản*. Ngược lại, một quyết định hay hành động bỏ qua hoặc làm giảm thiểu vai trò chánh yếu của lý trí, tự do và trách nhiệm là phạm đạo đức. Lập luận này rất gần với một trong hai công thức "mệnh lệnh tuyệt đối" (categorical imperatives) của Immanuel Kant, "Hành động làm sao bạn xem nhân bản, hoặc của chính bạn hoặc của người khác, như là cứu cánh và không bao giờ như là phương tiện." (8) Kant lý giải rằng con người có địa vị đặc biệt vì con người có lý trí và biết chọn lựa có trách nhiệm.

Tôi hoàn toàn đồng ý với Kant là yếu tố phân biệt giữa người và các sinh vật khác chính là lý trí, dựa vào đây con người có thể suy nghĩ hợp lý khi dùng tự do lựa chọn của mình một

cách có trách nhiệm. Nhưng khác với nhà triết học Đức, tôi không nghĩ rằng dùng lý trí để phân biệt giữa người và các sinh vật khác không nhất thiết hàm ý cho rằng con người hơn con vật. Chúng ta xem lòng trung thành, tình chung thủy cũng như tính không độc ác là ba đức tính quý giá của con người. Tuy thế con người không chung thủy với bạn trăm năm của mình hơn những con ngỗng trời Canada; con người đi săn bắn giết thú vật để mua vui trong khi con thú chỉ giết loài vật khác để tự vệ hoặc làm thực phẩm để sinh tồn. Sự phân biệt căn cứ vào lý trí này có mục đích dùng lý trí làm kim chỉ nam hướng dẫn cách ăn ở của người đời.

Nay chúng ta hãy trở lại những trường hợp đưa ra trong cuốn sách *Những Yếu tố Triết lý Đạo đức* và áp dụng tiêu chuẩn nhân bản như tôi đề nghị ở trên để xem liệu lý luận này có duy trì được sự hợp nhất trí thức thượng thừa hạ tiếp (intellectual integrity) của nó để giải quyết những quan niệm trái ngược nhau của nhiều triết thuyết đạo đức Tây phương như Rachels đã vạch ra một cách rõ ràng trong sách của ông, và liệu nó có thể đáp ứng được "quan niệm tối thiểu về đạo đức" do ông đề ra. Chúng ta xem lại ba phán quyết trong trường hợp của "Bé Theresa" ở Florida, hai trẻ sinh đôi ghép "Mary và Jodie" ở Anh quốc, và "Tracy Latimer" ở Canada rồi áp dụng một vài lý thuyết đạo đức do Rachels phân tích, và tiêu chuẩn do tôi đề nghị để xem thử những phán quyết ấy có hợp với đạo đức hay không.

Thuyết thiêng liêng của sinh mạng con người dựa vào truyền thống đạo đức cội rễ của Tây phương đặt căn bản trên "Ý niệm mọi sinh mạng con người đều quý giá không kể tuổi tác, chủng tộc, giai cấp xã hội, hay khuyết tật, ..." (9) Chính vì lẽ này nên làm phương hại tánh mạng của bất cứ ai cũng sai đạo đức. Như chúng ta biết, triết thuyết này đồng nhất với các truyền thống tránh sát nhân của Thiên Chúa giáo và Phật giáo. Đương nhiên nếu nhìn từ lập trường nhân bản, giết chết một sinh mạng là hủy hoại tối hậu nhân bản của một người.

Thuyết văn hóa tương đối: cho rằng mỗi văn hóa có một hệ thống đạo đức đặc thù; không có định luật độc lập bao quát nào khẳng định phải trái cả. Lập luận này đi ngược hẳn với tính chất căn bản thuần nhất của con người—lý trí, tự do và trách nhiệm. Đứng về quan niệm đạo đức và truyền thống luân lý của Tây phương, các nền văn hóa Mỹ, Anh và Canada không thể chấp nhận hành động giết người vô tội. Dựa trên nguyên tắc nhân bản, chúng ta cũng không thể nào chấp nhận sự kiện này được.

Người Inuit Eskimo đề nhiều và có thói quen giết những đứa con họ không muốn nuôi vì thiếu lương thực do khí hậu khắc nghiệt ở vùng băng giá Alaska. Điều kiện khó khăn của



môi trường sống có thể biện minh cho tập tục giết con hay không? Lẽ dĩ nhiên là không vì lẽ rằng một hành động có hậu quả hủy diệt nhân bản là hành động vô đạo đức không kể mục tiêu của sự hủy diệt là gì. Ngoài ra người Inuit Eskimo chối bỏ trách nhiệm đối với sản phẩm không cần thiết do chính họ lựa chọn tạo ra. Tập quán này không giống như phong tục ăn thịt cha sau khi chết của người Allatian hay người Tây Tạng đem xác người quá cố cho kênh kênh ăn chứ không chôn hoặc hỏa thiêu. Hai truyền thống này không vi phạm nhân bản. Phong tục xử lý xác người quá vãng có thể tùy thuộc vào tình cảm và tập quán hay văn hóa của người thân trong khi nguyên tắc đạo đức không thể chỉ tùy thuộc vào tình cảm của trái tim vì trái tim, như Pascal nói, "có những lý lẽ mà chính lý lẽ không hiểu nổi."

Fauziya Kassindja là một cô gái 17 tuổi trốn khỏi quê quán Togo tìm tị nạn ở Hoa Kỳ để tránh tập tục văn hóa Togo cắt bộ phận sinh dục của phụ nữ đến tuổi thành niên và thoát khỏi cuộc sống đa thê cưỡng bách, những truyền thống rất được tôn trọng tại quê hương của cô. Nhật báo *New York Times* không cần phải lên án tập quán của Togo là man rợ và làm động đến sự nhạy cảm văn hóa của một xứ ở Phi Châu, và nhiều nhà hữu trách Hoa Kỳ cũng như nước Mỹ đã không cần lo nghĩ đến khía cạnh văn hóa nếu như mọi người xử lý tình cầu tị nạn của cô Fauziya như là một vấn đề đạo đức hay nhân quyền. Chúng ta nhận thấy hiển nhiên là thiếu nữ này sử dụng quyền tự do chọn lựa của mình quyết định không dính dáng gì đến phong tục cổ truyền của nước cô, và chạy trốn để bảo vệ thân mình khỏi bị xâm phạm. Cô ta nhận lãnh trách nhiệm cá nhân bảo vệ cơ thể của mình. Vì nhân bản của cô bị hăm dọa, Hoa Kỳ đã hành động không hợp đạo đức khi khước từ đơn xin tị nạn của cô và còn giam giữ cô trong hai năm dài. Giả dụ nếu ngày nay có một phụ nữ của Saudi Arabia bị kết tội ngoại tình và treo án tử hình do quần

chúng ném đá cho chết trốn vào Sứ Quán Mỹ ở Thủ đô Riyadh xin tị nạn thì Hoa Kỳ xử lý như thế nào? Đây chẳng phải là một vấn đề chính trị, cho cùng đi nữa cũng không phải là một vấn đề nhân đạo; đây phải được xem là vấn đề đạo đức bởi vì nhân bản của người đàn bà này bị xâm phạm.

Bé Theresa và hai trẻ sinh kép Jodie và Mary: Trong khi tự tử để cứu người khác là một nghĩa cử cao đẹp, giết một người cho cùng một mục đích thì không hợp đạo đức vì hành động này vi phạm quyền tự do lựa chọn của cá nhân bị hy sinh. Dầu muốn dầu không bé sơ sinh Theresa phải được xem là một con người có tiềm năng phát triển các yếu tố nhân bản lý trí, tự do và trách nhiệm của mình. Luận cứ này nghe có vẻ thật phi lý vì khuyết tật của bé quả bất bình thường. Tuy nhiên chúng ta biết trong quá khứ có nhiều bệnh hiểm nghèo như lao hay cùi xem như án tử hình nhưng bây giờ đều chữa trị được cả. Chúng ta không thể nào biết chắc về tương lai; vì vậy mà những vấn đề như các nạn nhân của những khuyết tật giờ đây xem như nạn giải phải được hưởng quyền lợi của nghi vấn (benefit of the doubt). Nếu chúng ta chối bỏ tiềm năng phát triển thành người của Bé Theresa, chúng ta cũng có thể không công nhận tiềm năng này, nếu cần thiết, của tất cả những thai nhi từ khi bắt đầu có sự sống cho đến lúc chào đời, và ngay cả những trẻ con mạnh khỏe bình thường khi còn chưa phát triển đầy đủ rõ ràng ba yếu tố nhân bản lý trí, tự do và trách nhiệm khi còn thơ dại (cách đây chẳng bao lâu trong quá khứ nhiều trẻ em không sống đến tuổi trưởng thành và vì vậy chưa có cơ hội phát triển hết tiềm năng làm người). Ngoại trừ nhiều tôn giáo như Thiên Chúa giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo, v.v..., không ai biết chắc khi nào một bào thai có thể được xem là người trên cả hai căn bản siêu hình và sinh vật học, nhưng chúng ta biết rõ là đa số các bào thai có tiềm năng trở thành người bởi vì trong hiện tại đại đa số lần thụ thai đều có thành quả tốt, và tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh càng ngày càng giảm khả năng.

Tracy Latimer: Vì giết chết là sự hủy hoại nhân bản tối hậu, tất cả hành động sát hại trừ trường hợp tự vệ, kể cả hành động giết làm phước để giúp bệnh nhân chấm dứt đau đớn thể xác, đều phạm đạo đức vì lý trí bắt buộc chúng ta phải bảo tồn sinh mạng con người. Chiến tranh tự vệ không phạm đạo đức, nhưng án tử hình thì rõ ràng là vi phạm đạo đức vì nó hoàn toàn chối bỏ nhân bản của tử tội. Có ai trong chúng ta có thể dùng lý trí quyết đoán một cách vô cùng chắc chắn là một phạm nhân giết người đã hoàn toàn mất hết nhân bản? Trong hệ thống tín ngưỡng của Phật giáo và Thiên Chúa giáo niềm tin rằng con người không bao giờ mất hết mọi cội rễ của nhân bản được chứng minh bởi trường hợp Agulimana giác ngộ khi gặp và nghe Đức Thích Ca thuyết pháp sau khi đã giết 999 người, và Mary Magdalene, cô

gái giang hồ, trở thành thánh khi gặp Chúa Jesus Christ.

Án tử hình vi phạm đạo đức và phá thai cũng vậy, nhưng tánh đồng tính luyến ái thì không phạm đạo đức. Không cần phải lý luận là đồng tính luyến ái là một trường hợp bất thường thuộc sinh vật học hay là một sở thích tự chọn, nó không xâm phạm đến lý trí, tự do và trách nhiệm của người khác.

Thuyết mệnh lệnh thần linh: Thể theo phân tích của Rachels (10), lý thuyết mệnh lệnh thần linh của Thiên Chúa giáo hàm chứa một mâu thuẫn trí thức tự tại (intrinsic intellectual contradiction). Nếu mệnh lệnh của Thượng đế là thánh thiện và chúng ta phải tuân theo thì xảy ra vấn đề độc đoán; và nếu tự do là căn bản của con người thì làm sao Thượng đế có thể xâm phạm tính nhân bản này mà không làm giảm giá trị sự sáng tạo của mình? Trên một bình diện khác, nếu Thượng đế ra lệnh chúng ta phải chân thật bởi vì Thượng đế biết chân thật là đức tánh tốt thì giá trị này độc lập với Thượng đế, điều mà không tin đồ Thiên Chúa giáo nào chấp nhận.

Vì trên đây tôi có nói đến Phật giáo là một trong những tôn giáo chính được nhiều người dùng làm khuôn mẫu đạo đức cho đời mình và Rachels không bàn đến đạo Phật trong sách của ông, và vì hầu hết các tôn giáo đều theo thuyết mệnh lệnh thần linh, tôi xin được nêu ra là Phật giáo đi ngược lại là không chấp nhận mệnh lệnh ngoại tại nhân bản làm khuôn thước cho đời sống đạo đức. Đức Phật không ra lệnh và không cho mình là thần linh. Phật nhấn mạnh ba giá trị nhân bản nòng cốt là lý trí, tự do và trách nhiệm. Ngài luôn nhắc nhở tín đồ tự do dùng lý trí của mình để tìm hiểu cho chính mình xét đoán liệu con đường diệt khổ do Ngài vạch ra có giúp mình hay không rồi hãy áp dụng trong đời sống. Lý thuyết siêu hình nhân quả và nghiệp báo của Phật phản ảnh tinh thần tự do và trách nhiệm. Phật giáo không có quan niệm tội lỗi (sin) mà chỉ có quan niệm nhân duyên nghiệp báo. Một hạt giống tốt gieo trong điều kiện mưa thuận gió hòa sẽ ra hoa thơm trái ngọt. *Mọi sự vật đều tùy thuộc nương tựa lẫn nhau mà sinh diệt; vì lẽ này, là một sinh vật có lý trí biết suy luận, con người phải biết là mình sẽ tự hại nhân bản của mình khi mình xâm phạm nhân bản của người khác, và phải nhận lãnh trách nhiệm cho hành động của cá nhân mình.*

Luật thiên nhiên: Câu nói cho rằng tự cách gian dối là một tư cách khiếm khuyết có ngụ ý là "nhân chi sơ tánh bổn thiện." (11) Con người biết suy nghĩ và dùng lý trí để biện minh cho hành động của mình nhưng lịch sử đã chứng minh con người đã sai lầm không biết bao nhiêu lần. Nhưng con người hay lầm lỗi không phải tại vì không có lý trí mà vì khả năng sử dụng lý trí còn khiếm khuyết. Vật hữu hình thể đặc khi xưa được tin là rắn chắc nhưng ngày nay vật lý học chứng minh ngay cả đơn vị



cuối cùng nhỏ hơn hạt nhân cũng trống rỗng. Hiện tượng này không có nghĩa bản tính của vật chất đã thay đổi nhưng vì khoa học ngày xưa chưa tinh tế để có thể khám phá được hiện tượng trống rỗng nhưng không phải là không có gì (emptiness, but not nothingness). Tổ tiên người Tây phương tin quả đất bằng và là trung tâm của vũ trụ cho đến khi nhà toán học và thiên văn học Copernicus chứng minh quả đất tròn và nó chỉ là một vệ tinh trong thái dương hệ. Sự thật đơn giản là chúng ta không biết rõ luật thiên nhiên nào bắt đi bắt dịch để làm căn bản cho một nguyên lý.

Tâm lý tự ngã: Xem ra có vẻ hữu lý khi chúng ta tin rằng chúng ta chỉ làm những gì chúng ta mong muốn nhất, hay những gì làm chúng ta cảm thấy hạnh phúc nhất. Thuyết này cho tất cả mọi người đều ích kỷ vì chúng ta có ham muốn dục vọng. Chúng ta muốn nhiều thứ và tiếp tục ham muốn thêm mãi, đôi khi đến độ phải gây ra chiến tranh để giành nhau cho được. Theo Phật giáo, dục vọng là nguyên lý cơ bản làm con người khổ não, và những phiền não này có thể được chấm dứt khi ngọn lửa tham lam được dập tắt. Chúa và Phật không ích kỷ; cả hai đều không ham muốn gì cả ở cõi trần này. Theo thiên ý của tôi khi Chúa Trời bảo chúng ta phải bỏ hết của cải vật chất để giúp kẻ nghèo, Ngài không nuôi ảo vọng cho là trợn tiền rừng bạc biển của tất cả người giàu sang có thể tiêu diệt được cái nghèo trên dương thế, và sẽ vĩnh viễn đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Điều Ngài muốn nói là khi con người có thể ngưng tham lam chiếm giữ thì họ sẽ được giải thoát khỏi những ham muốn trần tục và nhân loại sẽ hết khổ đau. Liệu con người có thể đạt đến được giai đoạn này chăng? Liệu con người có thể hoàn toàn bỏ được dục vọng chăng? Vâng, con người có khả năng dẹp bỏ hết tham lam nhưng rất khó. Một hôm Đức Phật đang thuyết pháp có con chim bay đến đậu trên đầu gối của Ngài một cách hoàn toàn dạn dĩ. lát sau đó nó bay qua đầu gối của đệ tử hầu cận là Ananda. Ananda hỏi Phật tại sao con chim trông hoàn toàn thư giãn lúc nó đậu trên gối của Như Lai nhưng bây giờ lại ra vẻ giao động sợ sệt. Phật bảo vì Ananda chưa gột bỏ hết lòng tham muốn bắt nó. Ananda là

người hầu rất được tín nhiệm và luôn sống bên cạnh Phật trong 25 năm cuối đời của Đức Thích Ca. Thầy nhớ từng lời hiểu từng chữ của Phật dạy về con đường diệt dục để đến niết bàn thể mà thầy không đạt được giác ngộ khi Phật tịch diệt. Như vậy nếu tâm lý tự ngã thường xuyên hiện hữu trong mọi người, tại sao chúng ta không có thể dùng nó hướng dẫn hành động của mình? Vì tâm lý tự ngã hay lòng ích kỷ là nguồn gốc của mọi sự rắc rối trên thế gian! Người có lý trí biết phân biệt vị kỷ và vị tha, và hai tâm lý này không nằm trong cùng một trạng thái tinh thần giống nhau. Chăm lo gìn giữ quyền lợi cá nhân trước quyền lợi của người khác mà không xâm phạm đến nhân bản của họ thì không sao. Nhưng thấu giữ cho mình với cơ hội làm giảm sút lý trí, tự do và trách nhiệm của chính mình hay của người khác là phạm đạo đức, và điều nguy hiểm nhất là ham muốn của con người thường chiến thắng lý trí. Chính vì vậy mà Phật giáo dùng lý trí để thấu hiểu vạn pháp và diệt dục.

(còn tiếp một kỳ)

Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh, Ph.D.

GHI CHÚ:

- 1) Khuôn thước đạo đức quen thuộc nhất trong tôn giáo ở Tây và Đông phương là Mười điều cấm của Thiên Chúa giáo và Ngũ giới của Phật giáo. Ngoài tôn giáo, con đường đạo đức cổ truyền ở Viễn Đông (cho đến khi chế độ Cộng sản làm bá chủ vùng này) là Ngũ thường của Khổng giáo.
- 2) "Morality is, at the very least, the effort to guide one's conduct by reason—that is to do what there are the best reason for doing—while giving equal weight to the interests of each individual who will be affected by what one does." Rachels, James. *The Elements of Moral Philosophy*. New York: McGraw-Hill, 2003, fourth Edition, p. 14.
- 3) Rachels, James. *The Elements of Moral Philosophy*. New York: McGraw-Hill, 2003, Fourth Edition.
- 4) *The Elements of Moral Philosophy*, p. 1.
- 5) *The Elements of Moral Philosophy*, pp. 5-6.
- 6) *The Elements of Moral Philosophy*, p. 8
- 7) Mandela, Nelson. *Long Walk to Freedom. The Autobiography of Nelson, Mandela. Volume II: 1962-1994*, p. 438. London: Little, Brown and Company, 1995.
- 8) *The Elements of Moral Philosophy*, p. 131.
- 9) *The Elements of Moral Philosophy*, p. 7.
- 10) *The Elements of Moral Philosophy*, pp. 52-53.
- 11) *The Elements of Moral Philosophy*, p. 55.

CẦN TÂY, CÀ CHUA, MĂNG TÂY, ACTISÔ

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



CẦN TÂY



Những người sợ mập mà lại muốn ăn nhiều sẽ thấy cần tây (Celery) là người bạn tốt, vì cần tây cung cấp rất ít năng lượng. Một nhánh cần chỉ cho khoảng 5 calori, nên nhiều người nói đùa rằng để nhai hết một nhánh cần tây cần đến nhiều năng lượng hơn là số năng lượng thu được.

Cần tây cũng được nhiều người ưa thích vì có một hương vị đặc biệt, nhất là khi nấu với các thực phẩm khác.

Hai nhánh cần có 125mg muối sodium, 5g carbohydrat, 1g đạm, 2g chất xơ và một lượng nhỏ các sinh tố C, A, một chút calci, sắt, kali. Cần tây có tới 95% nước, nên có thể dùng với các loại rau trái khác để làm món giải khát rất bổ và mát.

Nhiều người có thói quen ăn cần bỏ lá, nhưng lá lại nhiều sinh tố, calci, kali hơn là phần cuống.

Khi mua, nên lựa cần tây có lá xanh đều, cuống càng đậm càng nhiều sinh tố A và phải rắn chắc, giòn khi bẻ.

Không cất giữ cần tây gần cà chua và táo, vì hai thứ này tiết ra hơi ethylene mà cần tây rất dễ bắt mùi.

Cần tây có thể ăn sống như xà lách, ăn khai vị hoặc nấu chung với các thực phẩm khác.

Công dụng y học

Cần tây cũng có một số tác dụng trong y học.

Kinh nghiệm dân gian dùng lá và hột cần tây để chữa thống phong (gout), sưng khớp, hạ huyết áp. Một số người còn cho là cần tây cũng có khả năng ngăn ngừa ung thư.

Theo một số người khác, ăn cần tây có thể làm giảm triệu chứng của bệnh sa sút trí nhớ *Alzheimer*, làm tăng khẩu vị, ăn chóng tiêu, thư giãn cơ thể và giúp ngủ ngon giấc.

Trong cần tây có vài hóa chất có thể gây dị ứng da hoặc viêm da khi người ăn nhiều cần tây và sau đó tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng.

CÀ CHUA

Vì có nhiều hương thơm lạ và vị hơi chua nên cà chua có thể nấu nhiều cách khác nhau

với nhiều loại thực phẩm.

Người Âu châu khám phá ra cà chua từ Trung Mỹ châu vào thế kỷ thứ 16, rồi sau đó cà chua được di dân từ châu Âu mang đến Hoa Kỳ.

Ngày nay, cà chua được giống khắp nơi trên thế giới và là một trong những loại rau trái được trồng nhiều nhất. Mùa thu hoạch cà chua cho phẩm chất tốt nhất là đúng vào thời gian nóng của những tháng Hè. Vào các thời điểm khác, cà chua thường nhạt hơn nên nhiều người dùng thay thế bằng cà chua hộp.

Vào mùa Hè, cà chua được hái chín trên cây và đưa ra thị trường. Mùa Đông, cà chua được hái khi còn xanh và có thể để lâu. Khi mang bán, cà chua xanh được xịt chất ethylene để có màu đỏ nhưng cà vẫn còn cứng và cần được cất trong tủ lạnh cho khỏi hư.

Cà chua chế biến

Cà chua có thể được chế biến để dành dưới nhiều dạng:

- Cà chua đóng hộp để dành dùng quanh năm. Cà chua này thường có nhiều muối và cung cấp nhiều năng lượng.

Để tránh ngộ độc, cà chua hộp cần được nấu kỹ trước khi ăn và loại bỏ những hộp phồng lên vì có thể bị nhiễm loại vi khuẩn *botulinum* rất độc.

- Cà chua phơi nắng hoặc sấy khô, gói riêng hay với dầu ăn.

- Cà chua dưới dạng bột nhão đã được nấu chín, loại bỏ bớt nước, thêm gia vị.

- Nước xốt cà chua là cà được nấu sơ qua, loại bỏ bớt nước, thêm gia vị.

- Nước cà chua đóng hộp cũng rất thông dụng và đều được khử trùng bằng sức nóng.

Các loại nước xốt chế từ cà chua như (*ketchup, chili sauce, pasta sauce*) thường có thêm nhiều đường, muối và dầu béo nên rất hấp dẫn khi ăn.

Mua và để dành

Khi mua, lựa trái cà tròn hay bầu dục, cầm nặng tay, nắn thấy chắc chứ không nhũn nước.

Ăn ngay thì lựa trái chín đỏ. Muốn để dành vài ngày thì lựa trái hơi vàng.

Cà chín cần cất trong tủ lạnh còn cà xanh có thể để ngoài phòng cho mau chín.

Cà chua đỏ có nhiều sinh tố A hơn cà chua xanh, nhưng cả hai loại đều có giá trị dinh dưỡng như nhau.

Muốn cà mau chín mùi, cho cà chua vào túi giấy chung với vài quả táo.

Có nhiều loại cà chua: loại cherry tomato màu đỏ hoặc vàng, nhỏ bằng đầu ngón chân cái rất tiện làm xà lách; grape tomato nhỏ con; green tomato vỏ còn xanh, vị cay rất tốt khi rán, đút lò (broiling); beefsteak tomato rất lớn, tiện lợi khi thái mỏng làm bánh mì kẹp hoặc để nướng; teardrop tomato nhỏ, giống trái lè; vine tomato trái to, thường được hái khi đã chín trên cây nên có nhiều hương vị thơm ngon.

Thành phần dinh dưỡng

Cà chua có nhiều chất xơ ở vỏ và hạt, nhiều sinh tố A, sinh tố B, folate và rất nhiều sinh tố C ở phần chất lỏng chung quanh hạt.

Một quả cà chua cỡ trung bình chỉ có 25 calori nhưng có chứa trong đó 20mg sinh tố C và 360mcg sinh tố A dưới dạng *beta carotene*.

Tác dụng trị bệnh

Ngoài công dụng như một thực phẩm, cà chua cũng có vài tác dụng tốt trong việc phòng ngừa bệnh tật.

Nghiên cứu tại đại học Harvard cho hay đàn ông ăn cà chua bốn lần một tuần có thể giảm nguy cơ ung thư nhiếp tuyến tới 20 %, và cà chua nấu chín đường như có công hiệu hơn cà chua sống. Sự kiện này được giải thích là nhờ có chất *bioflavonoid*, tương tự như *beta carotene*, có trong cà chua.

Cà chua có chất *lycopene*. Kết quả nhiều nghiên cứu tại Hoa Kỳ, Do Thái, Ý cho thấy chất này có khả năng làm giảm các rủi ro gây ra ung thư phổi, đường tiêu hóa. Quan sát cho hay số dĩ dân chúng sống ở Hawai ít bị ung thư bao tử, dân Na Uy ít bị ung thư phổi vì họ ăn nhiều cà chua.

Đã có một thời, dân Pháp coi cà chua như có tính kích thích tính dục và gọi cà chua là Pommes d'Amour.

Có điều chắc chắn là cà chua có nhiều kali nên rất tốt cho người cao huyết áp phải uống thuốc lợi tiểu, mất kali.

Vài tác hại của cà chua

Một số ý kiến nghi ngờ rằng cà chua có thể làm tăng nguy cơ viêm khớp xương, nhưng điều này chưa được xác nhận.

Thực tế thì cà chua có thể gây chứng nhức đầu ở người quá mẫn cảm với chất *solanine* có trong cà chua.

Cà chua cũng là một trong nhiều thực phẩm gây dị ứng.

Một hóa chất khác trong cà chua cũng gây ra chứng khó tiêu và ợ chua ở bao tử.

Ngoài ra, ta cũng nên cẩn thận với lá cà chua vì lá có hóa chất *alpha-tomatine* rất độc đối với dây thần kinh.

MĂNG TÂY (ASPARAGUS)

Măng được thổ dân Hy Lạp và La Mã trồng từ cả vài

trăm năm trước Công nguyên, nhưng chỉ du nhập Hoa Kỳ vào thế kỷ 17. Măng được trồng nhiều vào khoảng tháng 2 tới tháng 7.

Măng Tây hấp cách thủy hoặc chần nước sôi là món ăn khai vị rất ngon miệng mà lại bổ dưỡng. Măng cũng được trộn làm xà lách, nấu súp cua thịt hoặc xào.

Măng có nhiều chất xơ và chất dinh dưỡng. Sáu đọt măng cung cấp 25 calori, 1g chất xơ, 150mcg sinh tố A, 10mg sinh tố C, 130 mg *folacin*.

Măng tây rất mau hư, nhất là không để tủ lạnh, nên cần được ăn càng sớm càng tốt sau khi hái. Măng đóng hộp mất nhiều dinh dưỡng và có nhiều muối. Măng có thể để đông lạnh và giữ được sinh tố C.

Khi mua lựa măng xanh sáng, đầu măng đỏ tía, thân chắc.

Măng chỉ ăn được từ phần còn xanh, khúc dưới trắng thường cứng nhắc nên bỏ đi; da của măng đôi khi khá dày, có thể bóc ra, để dành nấu súp.

Nhiều người cho rằng ăn măng sẽ bớt bị phong thấp khớp. Nhưng măng có nhiều Purine, nguyên thể của uric acid, nên ai bị bệnh thống phong (Gout) không nên ăn nhiều măng tây.

Măng đôi khi cũng làm nước tiểu có mùi hăng khó chịu, nhưng vô hại.

ACTISÔ (ARTICHOKE)



Đây là loại cây giống như cây kế, thuộc họ Cúc, cao tới hai thước, lá dài, mọc cách; hoa hình đầu màu tím nhạt. Phần gốc của cánh hoa và để hoa mềm có thể ăn được.

Actisô có nhiều chất dinh dưỡng như các sinh tố C, B, folacin, chất xơ và một vài khoáng chất như sắt, kali.

Actisô thường được luộc, hấp cách thủy để ăn hoặc ninh với thịt gà, thịt lợn.

Actisô có thể được dùng tươi, để đông lạnh hoặc đóng hộp.

Nhiều nghiên cứu cho biết Actisô có tác dụng bảo vệ gan, làm hạ cholesterol trong máu và đường huyết, kích thích sản xuất mật, giảm đau khớp xương, thông tiểu tiện.

Tại vài quốc gia, dung dịch chế biến từ actisô được dùng làm thuốc chích chữa các bệnh về gan. Trà Actisô là thức uống được rất nhiều người ưa dùng.

Theo nhiều nhà dinh dưỡng, actisô không gây tác hại cho cơ thể.



Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

MỘT LÒNG VÌ ĐẠO

Nước kia có một quốc vương
Nhân từ, vui vẻ, dễ thương vô cùng
Xuân về hoa lá tung bừng
Vua mang quà tặng đến từng xóm thôn
Thăm người nghèo khó neo đơn,
Hòa mình cùng với vui buồn của dân.
Ra đi phấn khởi vô ngần
Lúc về vua lại bản thân lo âu.
Vua khuyên dân chúng từ lâu
Phụng thờ Tam Bảo trước sau chân thành
Ăn chay, niệm Phật, làm lành
Hiếu cùng cha mẹ, thuận anh em nhà.
Ai theo điều đã đề ra
Được tha sưu thuế thật là vui thay.

Mọi người răm rắp theo ngay
Nào mê nhân nghĩa, chỉ say bạc tiền
Say mỗi lợi lộc triền miên
Bề ngoài giả bộ không quên cửa Thiên,
Luân thường đạo lý đảo điên
Vua nghe sự thực, buồn phiền khôn nguôi
Tìm phương cách giúp cho người
Quay về nguồn Đạo, sống đời hiền lương.
Một tuần sau trước ngai vàng
Vua truyền cho khắp xóm làng được hay:
"Ai còn thờ Phật, ăn chay
Từ hình theo luật từ đây ban hành."
Những phường giả dối gian manh
Những phường không có tâm thành từ lâu
Giờ cần che đậy gì đâu
Nhờ như chế giễu đạo mẫu Thế Tôn.

Nhưng rồi chợt có một hôm
Quân hầu dẫn đến một ông cụ già
Không tuân luật mới ban ra
Công khai thờ Đức Thích Ca tại nhà.
Ông thường nghĩ: "Tâm thân ta
Lâu nay nghèo đói nhưng mà sướng thay
Được nghe giáo lý hàng ngày
Phụng thờ Tam Bảo, vui say cửa Thiên,
Còn hơn bao kẻ lắm tiền
Dư mùi phú quý, thiếu duyên tu hành
Nào đâu nghe được câu kinh
Khác chi ở chốn ngục hình mà thôi!"
Ông già mạnh dạn thưa lời:
"Dù vua xử tội, bầy tôi cam đành
Dù cho phải chịu tử hình
Một lòng thờ Phật trung trinh suốt đời!"
Vua truyền: "Nếu bán thân người
Tuân theo luật mới, tội thời miễn ngay
Lại phong chức tước từ đây,
Còn không, luật pháp thẳng tay hành hình!"
Ông già khảng khái râu trắng:
"Hết lòng vì đạo, thân mình sá chi

Vinh hoa, phú quý trôi đi
Đời không đạo pháp đáng gì sống đây!"

Vua truyền: "Ta xử tử ngay!"
Ông già bình tĩnh tỏ bày tâm tư:
"Kính tâu bệ hạ nhân từ
Bầy tôi kiếp trước chắc tu đã nhiều
Kiếp này hưởng đạo cao siêu
Sớm khuya lời kệ, sáng chiều câu kinh
Coi như hạnh phúc đời mình
Nước sôi, lửa đỏ, cực hình quân chi
Tìm về nếp bóng từ bi
Tôi, Thanh Tiến Sĩ, nguyện đi trọn đường!"
Vua truyền: "Chuẩn bị pháp trường
Đem người xử tử làm gương cho đời!"
Quan quân lập tức vâng lời
Áp tội phạm ra nơi chém đầu,
Vua thầm nói nhỏ quan hầu
Phải ngưng chờ lệnh, chớ đâu hành hình.

Pháp trường gươm giáo thắt kinh
Ông già trấn trời tâm tình dặn con:
"Quyết tâm giữ đạo cho tròn
Thi hành lời Đức Thế Tôn suốt đời
Noi gương cha dù đầu rơi
Luôn theo chánh pháp, không rời đức tin!"
Ba hồi trống giục vang rền
Lưỡi gươm đao phủ đưa lên. Rồi ngừng.
Lệnh vua giải tội về cung
Vây quanh dân chúng vô cùng ngạc nhiên.
Quan quân đưa lão đi liền
Vào triều kinh cần quỳ bên bệ rồng,
Quan hầu thuật chuyện lão ông
Với lời từ biệt nói cùng người con.
Vua nghe cảm động trong lòng
Mừng vì Đạo chưa suy vong trên đời.
Lệnh vua cấm Đạo vừa rồi
Ban ra nhằm thử lòng người mà thôi.

Vua khen ông lão hết lời
Rồi phong "Tướng Quốc" giữa nơi triều đình
Vua lưu ông lão bên mình
Giúp vua truyền bá đạo lành Thế Tôn.
Đạo vàng thức tỉnh tâm hồn
Dân theo Phật Pháp về nguồn an vui
Ấm êm đời sống khắp nơi
Non sông phỏ sắc, lòng người nở hoa.
Quốc vương nhân ái chan hòa
Là tiền thân Phật Thích Ca một thời.

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa, phỏng theo Truyện Cổ Phật Giáo)

Gieo một niềm tin

TÂM KHÔNG—VĨNH HỮU



Năm ấy, tôi được người anh tăng sĩ đứng ra bảo lãnh và giới thiệu vào làm việc ở một lò bánh in có tiếng của thành phố. Chủ lò là một Phật tử thuần thành, vì nể nang tin tưởng anh tôi là một sư thầy nên nhận tôi vào làm việc tại lò một cách miễn cưỡng. Vì đang cần một việc làm, tìm một nghề cho tinh, tôi chấp nhận sống những ngày tui nhọc trong nhà của chủ, với bao nghi kỵ chê bai và những kiểu cách đối xử tệ bạc của những người trong nhà chủ. Kiên nhẫn. Một chữ Nhẫn của mẹ tôi trao cho trước khi tôi lên đường tha phương cầu thực. Người anh tăng sĩ của tôi cũng chỉ dặn dò, nhắc nhở tôi một chữ Nhẫn ấy, không khác. Chữ Nhẫn luôn luôn hiện rõ ra trước mắt, vang dội trong đầu óc, sôi trào bên trong lòng, đã giúp tôi chịu đựng mọi cay đắng chát chua giữa thế thái nhân tình...

Thời gian đầu, ông bà chủ không cho tôi bước vào phòng kín làm bánh. Tôi chỉ làm những chuyện vặt vãnh như xách nước, bửa củi, gói bánh, thẳng đường... Cả chủ lẫn thợ đều sợ tôi học được nghề, rồi ăn cắp bí quyết để sau này tách riêng ra làm ăn. Tôi biết, nên cứ lặng thinh mà làm mọi chuyện, sai đâu đánh đó, bảo sao nghe vậy, không kêu ca phàn nàn một tiếng. Làm được chừng một tháng, cô con gái út của ông của ông bà chủ trở nên thân thiện và gần gũi với tôi. Cô nàng cứ theo trò chuyện, ngồi gần bên tôi mỗi khi gói bánh đóng hàng, và nhiều khi đưa mắt nhìn tôi dăm dăm dăm đuổi như muốn báo cho tôi biết tình cảm đặc

biệt của cô nàng dành cho tôi. Thoạt tiên, tôi nghĩ rằng mình tưởng tượng. Nhưng dần dà, những cử chỉ thân mật và lời nói ngọt ngào bóng gió của cô nàng đã khiến cho tôi chắc chắn được một điều: cô nàng yêu tôi.

Tôi bắt đầu thủ thế. Tôi biết đó là một chuyện nguy hiểm, không được đùa cợt. Tôi hiểu rõ: sự giáo dục quá nghiêm khắc, sự quản lý quá nghiêm ngặt của ông bà chủ đối với con gái trong nhà đã biến cho họ khờ khạo, ngây ngô và luôn luôn muốn bứt phá để thoát khỏi sự kềm kẹp khô khốc của gia pháp, của cha mẹ. Cô gái út chưa hề có bạn trai, quanh năm suốt tháng bị giữ rịt trong nhà, chỉ biết loay hoay với công việc gói bánh, nấu ăn... cho nên khi gặp tôi là một người lạ từ ngoài lọt vào, cô nàng quý mến tôi lắm. Nhưng tôi biết đó là sự bông bột của một thiếu nữ dại khờ, tôi không muốn lợi dụng, dù rất dễ lợi dụng. Tôi cũng không hèn nhát đến độ phải chạy trốn, xa lánh cô nàng, mà tìm cách nói cho cô nàng hiểu về tình yêu và tình bạn. Tôi chỉ muốn làm một người bạn, hoặc hơn chút nữa là một người anh tinh thần của cô nàng. Điều này đã làm cho cô nàng nể trọng tôi, tin cậy tôi, có gì buồn bực phiền muộn đều tâm sự cho tôi nghe. Hai đứa tôi giữ một tình cảm đẹp, một khoảng cách cần thiết tối thiểu với nhau suốt mấy tháng trời, vậy mà vẫn có lời dị nghị từ đám thợ trong lò bánh. Ông bà chủ nghi ngại, gọi tôi hỏi chuyện. Tôi nói thật lòng, nói

những suy nghĩ của mình, cũng như nói thẳng ra cái sai lầm của ông bà chủ về chuyện quá nghiêm khắc với con gái. Rõ ràng là tôi dại, có thể mất việc, rời khỏi lò bánh như chơi. Nhưng không ngờ, ông bà chủ đã hiểu được ý tôi, tỏ ra khâm phục và tin tưởng tôi. Tôi bắt đầu được hưởng những tình cảm ưu ái của những người trong gia đình chủ. Tôi thoải mái tự do hơn trước, được dạy kèm cho cô con gái út học vẽ và làm luận văn mỗi tối, tập cho cô nàng đi xe đạp vì chưa bao giờ cô nàng tập đi xe... Tôi được họ – những người chủ trong nhà – cho vào phòng kín tập đóng bánh, trộn bột đường, rồi chỉ hết những bí quyết của nghề bánh in chỉ trong một thời gian ngắn. Tôi đã được quyền tham gia ý kiến của mình vào chuyện sản xuất của lò bánh, được đóng góp những cải tiến cho mặt hàng của lò thêm phong phú, và ý kiến của tôi bao giờ cũng được nhà chủ tiếp nhận một cách trân trọng. Nhưng, tôi biết chắc một điều: nhà chủ vẫn còn một chút gì đó chưa tin tưởng tôi hoàn toàn, chưa dám xem tôi là một thành viên trong gia đình họ, nhất là chuyện tiền nong lãi lỗ thì họ luôn sợ tôi nghe biết. Tôi đâu màng chuyện đó. Tôi chỉ cần việc làm, có được nghề làm bánh in, có cơm ăn no, có quần áo mặc lành lặn, và lương thưởng bỏ túi là quá tuyệt rồi.

Cho đến một hôm, tôi tình cờ nhặt được một chiếc khăn tay cuộn tròn ở giữa nhà bếp, bên trong là bốn lượng vàng và sáu chiếc nhẫn. Tôi đem trao lại cho ông bà chủ.

KHAI PHÁ SỰ HOÀN MỸ NỘI TÂM

LÂM THANH HUYỀN

Minh Chi dịch

Cả lò bánh xôn xao. Không ai mất vàng cả. Đến chiều, một người bạn hàng thường đến là lấy bánh đi buồn chuyển đường xa đã hốt hải bước vào lò, hỏi thăm với hi vọng thật mong manh về gói vàng bị đánh rơi. Ông bà chủ đã trả lại cho người bạn hàng đầy đủ số vàng, và cho biết chính tôi là người nhặt được của rơi. Khi tiễn người bạn hàng ra đến cửa, tôi nghe ông chủ nói một câu: "Gặp thẳng khác thì tiêu rồi!" Người bạn hàng quay lại nhìn tôi thật lâu trước khi hí hửng ra chợ. Ngay sáng hôm sau, ông chủ lò đích thân đứng chỉ cho tôi những "tuyệt chiêu" của nghề bánh in, chỉ hết cả những "độc chiêu" dùng để cứu bánh khi bị nổ bột vì đường nóng, bột nóng hoặc gặp trời gió chướng. Tôi nắm được hết những bí quyết của nghề, trở thành một thợ cả của lò, và làm việc say mê ở lò bánh ấy suốt ba năm. Chính ông bà chủ đã gợi ý cho tôi về quê cũ lập nghiệp, cho tôi một số vốn để mở lò riêng tại quê nhà. Tôi chia tay với lò bánh, được mọi người đưa tiễn quyến luyến vào một ngày mưa sụi sụi. Cô con gái út cũng sụi sụi với đôi mắt đỏ hoe, tặng cho tôi một lá thư tình viết bằng thơ lục bát lục nôi, lại có tranh minh họa cho thơ, tôi đọc xem mà cười chảy nước mắt...

Năm năm sau, khi tôi đóng cửa lò bánh in nhỏ của mình do làm ăn thua lỗ, cạnh tranh thất bại, đang có dự định đi làm công nhân cho tổ hợp xây dựng thủy lợi huyện, thì nhận tin từ chốn xa: cô gái út của ông bà chủ là bánh in đã lấy chồng và sinh được đứa con trai. Ông bà ngoại đã đặt tên cho cháu là Hồng, trùng tên với tôi. Tôi chỉ còn biết phì cười và sung sướng...



Con người sinh ra có phiền não là vì trong quá khứ tìm cầu và ham muốn.

Tôi có biết một câu chuyện như sau: Ngày xưa, có một ông già, đã hơn 70 tuổi mà chưa lập gia đình. Ông đi nhiều nơi để tìm vợ. Mọi người thấy ông khó nhọc như vậy, hỏi ông ta tìm gì. Ông ta trả lời: "Tôi đi tìm một phụ nữ hoàn mỹ để kết hôn."

Người ta rất đồng tình với ông già, và hỏi tiếp:

"Ông đã đi nhiều đoạn đường như vậy mà không tìm được một phụ nữ hoàn mỹ hay sao?"

Ông già nói với giọng đau thương:

"Khi tôi còn trẻ tuổi cũng đã tìm được một phụ nữ hoàn mỹ, không người nào có thể so sánh được!"

Mọi người hỏi:

"Thế sao ông không cưới người phụ nữ đó?"

Ông già nói:

"Vì cô ta cũng đi tìm một người đàn ông hoàn mỹ."

Các vị xem, nếu hướng ra ngoài để tìm cái hoàn mỹ thì sẽ vĩnh viễn không tìm được. Nếu tìm ra được cái hoàn mỹ chẳng nữa thì anh cũng bất lực, vì bản thân nội tại anh chưa hoàn mỹ thì anh có tư cách gì, phúc phận gì để hưởng được cái hoàn mỹ đó.

Vì bản thân nội tại của chúng ta chưa hoàn mỹ cho nên mọi cái chúng ta thấy đều không hoàn mỹ.

Muốn cầu đạo Bồ đề, muốn phá trừ phiền não, điều quan trọng là giữ vững được hy vọng, để khai phá sự hoàn mỹ của bản thân, khiến mình trở thành một con người hoàn mỹ. Chỉ khi nào chúng ta biến thành được con người hoàn mỹ thì chúng ta sẽ thấy thế giới cũng là hoàn mỹ. Tới đâu, ở đó cũng tốt. Tới đâu ở đó cũng là cõi nước thanh tịnh.

Giải thoát là mục đích của việc học Phật. Một con người theo con đường hoàn mỹ, cuối cùng sẽ được giải thoát. Giải thoát có hai điều kiện; hoàn mỹ cũng có hai điều kiện. Thứ nhất là nội tâm thanh tịnh. Thứ hai là ngoại cảnh thuần tịnh.

Phật Thích Ca Mâu Ni từng dạy chúng ta: Nếu nội tâm không thanh tịnh thì ngoại cảnh không thể thanh tịnh được. Muốn tìm một hoàn cảnh lý tưởng, hoàn mỹ để tu hành là chuyện không thể được, bởi vì bản thân nội tại của chúng ta không phải là lý tưởng, cũng không phải là hoàn mỹ. Nhận thức hoàn cảnh hiện tại là không lý tưởng và không hoàn mỹ, và trong hoàn cảnh đó vẫn giữ vững hy vọng và tu hành. Đó chính là thái độ mà người tu hành nào cũng nên có.

(Trích "Tin Tức Từ Biển Tâm")

ĐẬU HŨ CUỘN RAU CỦ SỐT NƯỚC TƯƠNG

Nguyên liệu:

- Đậu hũ trắng: 4 miếng
- Cà rốt: 1 củ
- Khoai lang vàng: 1 củ
- Ớt sừng: 4 quả
- Ớt hiểm: 3 quả
- Đậu que: 100g
- Gừng non: 1 củ
- Bông hẹ: 1 bó
- Boa rô: 1 nhánh
- Nước dừa: nửa chén
- Ngò rí
- Hạt nêm nấm, muối, đường, bột ngọt, tiêu xay, nước tương, dầu điều



Sơ chế:

- Đậu hũ cắt ngang bề dày thành 4 miếng, đem chiên hơi vàng rồi nhúng qua nước, để ráo.
- Cà rốt gọt vỏ, rửa sạch, cắt que.
- Đậu que làm sạch, cắt khúc.
- Khoai lang vàng gọt vỏ, rửa sạch, cắt que.
- Ớt sừng rửa sạch, bỏ hạt, cắt sợi to.
- Gừng non gọt vỏ, băm nhỏ.
- Boa rô lột vỏ, băm nhuyễn.
- Bông hẹ nhặt kỹ, rửa sạch rồi chần qua nước sôi.

Cách làm:

– Cho 1 muỗng boa rô đã băm nhuyễn, thêm nửa muỗng muối, nửa muỗng hạt nêm, nửa muỗng bột ngọt, nửa muỗng nước tương, nửa muỗng tiêu và 1 muỗng gừng băm vào bát trộn đều rồi cho đậu hũ vào ướp.

– Pha hỗn hợp gia vị kho: Cho 2 muỗng đường, nửa muỗng tiêu, 1 muỗng hạt nêm nấm, 1 muỗng dầu điều, nửa chén nước tương và nửa chén nước dừa vào một bát to rồi trộn đều, để riêng.

– Xếp cà rốt, khoai lang, đậu que, ớt sợi lên miếng đậu, cuộn tròn lại, dùng bông hẹ chần cột lại. Đem chiên sơ để định hình.

– Sau đó, bạn phi thơm gừng và boa rô với một ít dầu, cho đậu cuộn vào đảo nhẹ tay. Tiếp đến, bạn cho tiếp hỗn hợp gia vị kho thêm vài ba trái ớt hiểm vào, đun sôi rồi giảm lửa cho đến khi nước kho sánh lại, đậu thấm gia vị thì tắt lửa, cho thêm tiêu, ngò rí vào là xong.

Món đậu hũ cuộn rau củ sốt nước tương thơm ngon, đậm vị không chỉ sẽ khiến cho bữa ăn chay của gia đình bạn thêm phần hấp dẫn mà còn là món đổi vị vô cùng lý tưởng để tăng khẩu vị cho cả nhà.

(Nguồn hoidaubepaau)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



CỘNG NGHIỆP

Bão lũ ngày càng dữ dội, hai bờ sông sạt lở nặng, nhà mất ruộng vườn trôi tuột hết, người chết của tan... Dẫu kêu trời không thâu:

- Bọn phá sơn lâm đâm hà bá nó huỷ diệt môi trường sống, dân lãnh đủ, có ai cứu chúng tôi không?

Quan quyền nghe đặng nhưng làm lơ, để mặc cho bọn ác phá hoại môi trường vì chúng lại quả cho quan rất đậm. Nhiều người than vãn:

- Một nhúm nhỏ làm ác sao bắt tất cả dân chúng tôi phải chịu?

Có vị cư sĩ già tỏ vẻ am hiểu:

- Ấy là cộng nghiệp chúng ta phải chịu!

CÓ BAO NHIÊU XÀI BÃY NHIỀU

Dân tình bất an, nhân tâm ly tán, xã hội nhiễu nhương và bao nhiêu nguy cơ khác đang tồn tại. Thấy không nỡ bị mất bưng tai làm thính nên cất tiếng nói ôn hoà. Nào ngờ quan hồ đồ, vô lễ xỉ vả rồi dùng truyền thông mạ lị:

- Đồ phản động, ông đã làm được gì cho quốc gia chưa?

Đồ chúng bất bình, nhiều người đòi thưa nhưng thầy thần nhiên. Mấy hôm sau y mò đến thăm dò. Thầy vẫn vui vẻ tiếp và nói:

- Nếp nhà có bao nhiêu thì xài bấy nhiêu vậy, việc ta làm ông không sao biết được!

NỬA CHỮ CỨNG THẦY

Tổ Nữ là cô gái đẹp, học giỏi nhưng vì nhẹ dạ nên có

bầu; cuộc sống vất vả nhưng cô vẫn học xuất sắc. Ngày ra trường cô được chọn đọc lời cảm tạ.

- Cảm ơn thầy, nhờ thầy tận tâm chỉ dạy. Tục ngữ có câu "Một chữ cũng thầy nửa chữ cũng thầy"...

Giáo sư hướng dẫn đứng dậy ra dấu bảo cô ngừng lại, rồi nói:

- Về đầu tôi nhận, về sau tôi không dám!

Hội trường ngỡ ngác lặng ngắt như tờ, chừng lát sau có anh sinh viên lém lỉnh:

- Hãy nói lái "nửa chữ" đi!

Cả hội trường cười ngả nghiêng.

TRƯỚC KHI VỀ CỘI

Chiếc lá non run rẩy thì thào:

- Lá rừng vàng hết rồi, chúng ta sắp chết rồi chẵng?

Lúc ấy cơn gió thoảng qua, bao nhiêu lá vàng bay phớt phớt như sao sa, như đằm bướm múa, tiếng cười văng vẳng vọng lại:

- Không đâu em ơi! trước khi về cội, chúng ta cháy hết mình, dâng cái đẹp cho đời. Chúng ta sẽ ngủ yên để mùa sau bưng lên màu áo mới! Dòng đời miên viễn chẳng ngừng lại bao giờ.

Lá non nghe thế trong lòng dâng lên niềm hạnh phúc vô biên:

- Ừ! Mình vẫn là lá có sanh diệt bao giờ đâu.

NGƯỜI MÁY

Người biểu tình hò hét phản đối, tiếng kêu gọi đập đốt người máy:

- Chúng ta phải dẹp bỏ

hết bọn người máy, chúng nó lấy hết việc làm, chúng nó sẽ thông minh hơn người và sẽ vượt qua sự kiểm soát của con người, điều này thật nguy hiểm về sau.

Một người máy từ từ tiến đến chào mọi người:

- Bọn tớ là sản phẩm của con người, bọn tớ chỉ làm theo lập trình của người, tốt hay xấu đều phải ở bọn tớ!

Đoàn biểu tình chưng hửng, vẫn còn nhiều tiếng phân bua chống chế nhưng dần dần tự động rút lui.

VẬY LÀ PHẢI RỒI

Bà vợ ghen bóng ghen gió nhưng không có chứng cứ, nói bâng quơ với mấy đứa con:

- Ba tụi con hào ngọt, ra đường dễ bị mấy con nhỏ chân dài nó dụ, coi chừng có ngày mất cả chì lẫn chài như chơi!

Mấy đứa nhỏ cười ngặt nghẽo:

- Sao mẹ không ngọt như mấy cô đó?

Bà giã nạy lên:

- Ấy chết, đâu có được, mẹ phải cứng rắn, phải làm chủ để giữ lấy cái gia đình này chứ!

Tụi nhỏ vẫn không thôi cười:

- Vậy ba ra ngoài hào ngọt là phải rồi!

Peach State, Sep/2017



Bóng trúc quét sân trần

NGUYỄN DUY NHIÊN

H. này, nơi tôi ở bây giờ là mùa thu. Mùa thu mang tôi trở về bàn viết của mình, ngồi đây bên cạnh cửa sổ. Buổi sáng mùa thu mang tôi ra ngoài, đi dạo theo những con đường nhỏ, quanh co, mặt hồ yên như gương. Trời thu đẹp như bao lần đẹp. Trời thu lạnh như bao lần lạnh. Tôi cứ ngỡ mùa thu sẽ mang tôi vào thế giới mộng tưởng. Nhưng mùa thu bao giờ cũng mang tôi trở về với hiện tại. Một thế giới của sự sống nhiệm mầu. Mình cộn đi đâu nữa khi nơi ấy bóng dưng cũng là đây. Tôi trần quý từng màu trên cao, từng chiếc lá khô dưới chân. Mưa lá rơi trên không gian, phủ màu con đường tôi đang đi thành một bức tranh tuyệt mỹ.

H. có biết là lâu lắm rồi tôi mới ngồi xuống lại nơi chiếc bàn viết của mình. Mấy năm cuộc sống bấp bênh. Mùa thu về, đời bỗng yên. Tôi trở về với một bình yên. Dầu ngày tháng có xôn xao đến mấy. Dầu có bận rộn đi tìm hạnh phúc, buổi sáng bước ra ngoài, một ngày mình chợt thấy tất cả cũng là đây.

H. biết không, tôi cũng có tách hay nói nhiều lắm đó. Người ta cứ tưởng tôi là ít nói. Nhưng vào những ngày như thế này thì chỉ thích im lặng và yên lặng mà thôi. Cái đẹp chung quanh làm mình cảm thấy đầy đủ. Tôi thích được ngồi bên cạnh hồ nhìn một con vạc xanh soi bóng trên mặt nước.

Tôi thích được đi trên con đường nhỏ ướt màu lá thu. Ở bên đó chắc H. không hiểu được những gì tôi muốn diễn tả. Nhưng cần gì, tôi nghĩ vậy, vì hạnh phúc thì nơi nào mà lại không có, phải không H.

Tôi nhớ nhà phân tâm học Carl Jung có nói rằng, *đôi mắt của ta bị giới hạn bởi những cái ta đang là!* Có nghĩa là nếu ta đang đứng quay về phương tây thì ta sẽ không thấy được phương đông. Nếu ta nghĩ hạnh phúc của mình là ở phía bên kia thì ta sẽ không thể nào tìm được nó ở bên này. Hạnh phúc của ta sẽ mãi mãi là ở phía bên kia.

Thú thật với H., tôi cũng không biết bây

giờ nơi mình đứng là nơi nào. Tôi chỉ biết đây là một mùa thu. Hình như tuổi càng nhiều, trời thu lại càng đẹp hơn đó H. à. Sáng thu cũng đẹp mà chiều thu cũng đẹp. Nắng thu cũng đẹp mà mưa thu cũng đẹp.

Sáng nay tôi chở Khánh Như và Duy đến trường. Phía bên kia chân trời, mặt trời mùa Thu lên hồng thành phố nhỏ. Có những buổi sáng sau khi đưa Khánh Như vào lớp học, trên đường dẫn bé Duy bước ra xe, tôi đứng lại nhìn mây. Buổi sáng trời thật mát làm tôi nhớ những ngày mình còn nhỏ. Trên trời cao có mây trắng tinh bành bồng trôi. Hôm nào cũng vậy, đến trường của chị, vừa bước xuống xe là hai chị em nó cứ lằng xằng giành nhau để đi trước. Tôi theo sau thỉnh thoảng cứ phải gọi với theo bắt chúng chậm lại. Tuổi thơ thành thơi và bành bồng như mây. Sau khi đưa Khánh Như vào lớp, tôi dẫn Duy trở lại xe và chở đến trường của nó.

Mấy tuần nay, từ hôm bé Duy nghỉ học, tôi chỉ phải chở một mình chị nó đi học. Đưa Khánh Như vào lớp rồi, tôi đi ra bãi đậu xe một mình. Thiếu tiếng hỏi chuyện của nó, thấy cũng nhớ. Trên con đường nhỏ đi ngang qua mỗi sáng, có một hòn đá mà bé Duy vẫn thường lằng xằng chạy theo đá chơi, nằm yên đó, buổi sáng nay không ai để ý đến. Trên cao mây trắng tinh vẫn trôi. Mau thật! Mới ngày nào đây mà bây giờ đây hai đứa đã đến tuổi đi học hết rồi! Tội mình già hồi nào mà không hay. Tuổi nhỏ chóng khôn lớn thật! Nhìn chúng mà cứ tưởng như mới là hôm qua đây thôi.

Mỗi đêm tôi thường đi ngồi thiền. Có một buổi tối nọ, bước vào phòng thiền tôi ngạc nhiên thấy hai chị em nó đang ngồi thật yên, trong căn phòng tối, ngồi xếp bằng trên tọa cụ, mắt nhắm trông có vẻ thật an nhiên. Tôi rón rén bước lại gần thì cả hai chị em nó phá lên cười nghiêng ngửa, rồi bỏ chạy ra ngoài. Gạt được tôi hai chị em nó thích lắm! Chúng nó bây giờ lớn hết cả rồi. Nhớ ngày nào còn chấp chững bước đi. Ngày xưa, mỗi khi thấy tôi ngồi



thiền, chúng nó vẫn thường nhè nhè bước lại, tay cầm bình sữa yên lặng đến ngồi bệch vào lòng tôi. Ngồi yên được một lát rồi đứng dậy bỏ đi sang chơi với Má nó.

Chiều hôm qua trên đường chờ Khánh Như về đến nhà, chúng tôi bắt gặp trăng mới lên. Trăng rằm mười sáu tròn và to đứng yên trên đầu rừng chiếu sáng không gian. Mặt trăng thật to, khiến tôi có cảm tưởng như khu rừng sau nhà chợt nhỏ lại. Hai cha con tôi xuống xe đứng yên nhìn trăng, rừng và trời đêm. Đêm ấy trời thật trong và mát. Chỗ chúng tôi đứng đây, ngàn năm trước chắc cũng đã có người đứng rồi. Mặt trăng ấy ngàn năm trước cũng đã từng soi sáng cho những ai!

Khổ Đau Của Ai?

Mấy ngày cố gắng, sau nhà tôi có nhiều bóng cây. Những tàng cây lớn xanh tươi, ươm mát chỗ tôi ngồi. Những buổi sáng được nghỉ ở nhà tôi thích pha một ly cà phê thơm, ra đây ngồi đọc sách. Tôi thích nhất là được đọc hồi ký của người xưa. Nghe tiếng lá reo ngược lên nhìn mây, tôi có cảm tưởng như người xưa vẫn còn đây, vẫn kiên nhẫn trò chuyện với tôi, kể cho tôi nghe những hoài bão, những gì họ ôm ấp trong tim. Những khó khăn, hạnh phúc và khổ đau xưa nay nào đâu khác gì nhau! *Ngã kim nhật tại tọa chi địa, Cổ chi nhân tăng tiên ngã tọa chi.* Chỗ ta đang ngồi đây, người xưa đã từng ngồi trước ta rồi!

Sáng nay tôi có đọc về một bi kịch của một văn hào người Anh. Truyện cũng khá cảm động. Câu truyện kể lại về một bà cụ già. Một đêm hôm khuya khoắt, bà tìm đến gõ cửa nhà của một vị bác sĩ giỏi có tiếng trong vùng. Bà van nài xin ông ta sáng mai vào đúng giờ ấy, hãy đến nhà bà để cứu giúp một người sắp chết. Nhưng bà không chịu nói thêm chi tiết gì hết. Thấy bà cứ van xin, cầu khẩn mãi, vị bác sĩ đành chấp nhận.

Sáng hôm sau, đúng giờ vị bác sĩ ghé đến nhà bà. Nhưng ông khám phá rằng bệnh nhân của ông là một cái xác chết không hồn, mới được khiêng tử đâu về. Người đã chết rồi làm

sao còn có thể cứu sống được nữa! Bấy giờ vị bác sĩ mới hiểu. Xác chết ấy chính là đứa con trai một của bà. Nó phạm trọng tội phải án tử treo cổ. Đứa con đã chết rồi, nhưng bà mẹ trông thấy cứ như điên dại lên. Bà ôm chầm lấy xác đứa con mà than khóc thảm thiết.

Bà nhìn vị bác sĩ và cứ không ngớt van nài ông cứu giùm đứa con mình, "Con tôi nó dại dột, nó quá nghe lời của bạn bè nên mới ra nông nỗi này. Tôi lạy ngài, tôi van ngài cứu giùm con tôi. Nó vậy chứ chưa chết đâu, tôi biết mà ngài. Tôi nuôi nấng nó từ nhỏ. Nó làm sao chết được, nó là con của tôi mà!"

Vị bác sĩ đứng thẫn thờ trước một tình cảnh quá bi đát. Ông biết rằng, kẻo có tội với xã hội vẫn phải bị trừng trị theo đúng pháp luật. Nhưng trừng phạt kẻ có tội mà lại để bị, để lụy, để xót thương, để đau khổ, để ngầy dại cho kẻ vô tội thì luật pháp ấy có thật sự là công bằng không! Trọng cuộc đời sống với nhau, chúng ta lấy công lý ra mà xử có đủ rồi chăng!

Trước cảnh thương tâm của bà cụ già, ai mà có thể cầm lòng được. Vị bác sĩ đứng yên đây sững sờ.

Cuộc đời đôi khi có những hoàn cảnh bi đát, có những khổ đau không ngăn mé. Nhưng chung quanh ta cũng có sự có mặt của những hạnh phúc sâu sắc, có những người thương nắm tay nhau, có buổi sáng sau cơn mưa, những giọt nước lăn trên lá, rơi xuống vai xuống tóc, làm tươi mát cuộc đời.

Và buổi sáng nay trời thật đẹp. Cảnh nơi tôi ngồi có một con chim màu xanh đứng yên trên một cành nhỏ yếu ớt đang oằn chịu xuống, nhưng nó vẫn hát ca vì biết rằng nó vẫn còn đôi cánh để bay cao.

Hãy là một người bạn của nhau

Tôi vừa đi dự một khóa tu về - nơi ấy không gian là bầu trời và thảm cỏ xanh. Khuôn viên của khóa tu có mây, lá xanh, hạt mưa và những bạn bè thân quen. Tôi không tìm kiếm, nhưng hạnh phúc vẫn có mặt. Hạnh phúc là gì? Là những bước chân đi thiền hành với bạn, với tăng thân, trên con đường nhỏ im mát bóng cây. Tôi thấy tôi trong tuổi nhỏ đang chạy đùa giỡn trên những ngọn đồi xanh mát. Khánh Như, Duy, chúng nó đang trở thành tôi, thành các bác, các chú, ông bà nội của chúng.

Chúng ta tu tập để được trở thành những người bạn của nhau. Tôi nghĩ được như vậy cũng là nhiều lắm rồi. Chúng ta còn cần gì hơn nữa đâu! Tôi có mặt vì sự có mặt của người chung quanh tôi. Nếu chúng ta cùng với nhau ngồi thật yên, thương yêu và tha thứ cho nhau, thì chuyện sanh tử đâu có gì là khó, hoặc để cho ta phải sợ hãi phải không H.!

Có một lần ngồi bên tách cà phê với một người bạn. Chúng tôi nói với nhau những câu chuyện đạo, chia sẻ với nhau về những kinh nghiệm của khổ đau và hạnh phúc. Chợt chị hỏi tôi về vấn đề tu tập và xuất gia! Chị hỏi tôi nghĩ gì về chuyện xuất gia, nó có là cần thiết



trên con đường tu tập của mỗi người không! Tôi không nhớ là mình đã chia xẻ những gì với chị. Nhưng thật ra tôi không nhớ rõ vì sao ta cần phải xuất gia, tại sao mình cần phải ngồi thiền, tại sao mình phải đi thiền hành, tôi không hiểu tại sao ta lại phải trở thành một người nào đó! Tôi chỉ biết có một điều là cuộc đời có nhiều khổ đau và tôi muốn được hết khổ đau. Thật sự hết khổ đau. Làm gì cho mình hết khổ đau mới là quan trọng, còn tất cả những cái khác là không cần thiết. Nói thì nói vậy thôi, chứ tôi vẫn biết chị hiểu ý tôi. Chúng tôi ngồi yên nơi đây, có mây trên đầu và nắng trên vai.

Bóng Trúc Quét Sân Trần Chẳng Động

Sáng nay tôi dậy sớm đi xuống thiền đường. Những ngày ở đây tôi vẫn có thói quen dậy sớm trước giờ ngồi thiền. Tôi thích lên thiền đường sớm, thắp những ngọn nến và đốt một nén trầm cho thơm.

Thiền đường đẹp và âm cúng, với những bức thư pháp treo trên tường. *Bóng trúc quét sân trần chẳng động, Vầng trăng xuyên biển nước không xao.* Tôi thấy có những yên ổn riêng ở nơi này. Ngoài trời còn tối, vầng trăng vẫn còn sáng. Sân trần tôi ngàn đời không bao giờ động, mà biển nước tôi nào từng có lao xao bao giờ đâu?

Tôi nhìn những tọa cụ sắp thành hình chữ nhật, ngay ngắn, thẳng hàng. Thiền đường tĩnh lặng như không gian buổi sáng này. Chốc nữa đây các bạn tôi sẽ vào ngồi xuống như một tảng thân. Những dáng ngồi uy nghi, ngay thẳng sẽ làm cho thiền đường nơi đây lại càng trở nên tĩnh lặng hơn.

Tôi xếp lại một quyển kinh, đặt yên lại trên bàn. Cả vũ trụ trở về đây lặng yên, an ổn.

Khuya nay tôi trở lại thiền đường để lấy một quyển kinh mình bỏ quên ban chiều. Thiền đường vẫn ngàn đời tĩnh lặng. Những dãy tọa cụ vẫn yên lặng nằm ngay ngắn thẳng hàng. Tối nay ánh trăng chiếu sáng ngoài khung cửa sổ lớn. Ngày mai là ngày chốt của khóa tu. Chúng tôi sẽ trở về với cuộc sống của mỗi ngày. Tôi bỗng chợt thấy nhớ vầng trăng và thiền đường khuya hôm nay.

Bước xuống những bậc thang gỗ ngoài thiền đường. Ánh trăng chiếu sáng những sân cỏ, cánh rừng thông, ngọn đồi nhỏ ngoài xa. Chiếc võng của các em chơi hồi sáng đêm nay chứa đầy ánh trăng. Tôi bước ra ngoài dừng lại đứng yên một mình. Một mình nhưng chưa bao giờ có cô đơn. Tôi biết chung quanh tôi, tầng thân vẫn có mặt với nhau ở nơi này. Và sáng mai đây chúng tôi sẽ lại gặp nhau.

Nguyễn Duy Nhiên



THÁNG MƯỜI THƯƠNG NHỚ NỬA HÒN TA

*Cái nắng hanh hao giữa tháng mười
Mà miền ôn đới vẫn xanh tươi
Trời sao đẹp thế vùng phương ngoại
Chạnh nhớ quê xưa đã lụi rồi*

*Một cội giang hà bao gắm hoa
Muôn màu biêng biếc với vàng pha
Người xưa đã viết: “Sơn hà tại!” (*)
Mình ở xa xôi nhớ nước nhà*

*Nắng sớm chiều sương chẳng thể nhòa
Bóng hình cổ quận cuối trời xa
Vạn dặm trùng dương bao cách biệt
Tháng Mười thương nhớ nửa hòn ta*

*Có những chiều hôm dậy sóng lòng
Mây bay rền rĩ ở trên không
Bay về phương ấy bao giờ lại
Cánh bạc soi lên vạn nắng hồng*

*Nắng vẫn vàng sao giữa tháng Mười
Mùa thu quỳn rũ lắm người ơi
Hòn ta rong ruổi chưa hề đợi
Thương nhớ đồng quê ở cuối trời.*

thơ

DU TÂM LÃNG TỬ

Ất Lăng thành 2017

* “Quốc phá sơn hà tại” Đường Thi



BÀI HỌC CỦA TƯỚNG LEE

Mạnh Kim

Sự kiện bạo động kinh khủng tại Charlottesville (bang Virginia) ngày 12-8-2017 đã bắt đầu một phần tử mâu thuẫn dai dẳng giữa phe ủng hộ duy trì tượng tướng Robert E. Lee và phe yêu cầu dỡ bỏ. Ngay từ hồi còn sống, tướng Lee đã tiên đoán điều này.

Jonathan Horn, tác giả quyển "The Man Who Would Not Be Washington: Robert E. Lee's Civil War and His Decision That Changed American History," cho biết, sau khi Nội chiến Hoa Kỳ kết thúc và tướng Lee trở thành chủ tịch Washington College (Lexington, Virginia) năm 1865, ông nhiều lần được đề nghị dựng tượng nhưng luôn từ chối vì cho rằng điều đó sẽ "khiến những người chiến thắng (phe Liên bang) giận dữ." Trong lá thư 1866, ông viết: "Về việc dựng một tượng đài như vậy như một hình thức suy tưởng, tôi tin rằng, cho dù điều ấy có mang lại cảm giác tri ân cho miền Nam như thế nào thì hành động này trong điều kiện hiện tại của đất nước cũng chỉ mang lại ảnh hưởng trì trệ thay vì thúc đẩy thành quả và sự tiếp nối..."

Tháng 6-1866, tướng Lee cũng bác bỏ đề xuất dựng tượng Stonewall Jackson, vị tướng mà tài năng và sự nổi tiếng chỉ đứng sau mình. Ông nói rằng sẽ là không công bằng khi yêu cầu gia đình các cựu binh Liên minh (Confederate, phe miền Nam) quyền tiên để dựng tượng trong khi họ đang vất vả mưu sinh sau chiến tranh. Ba năm sau, khi "Hiệp hội tưởng niệm chiến trận Gettysburg" mời đến địa điểm lịch sử trên "nhằm dự lễ động thổ cho các công trình đá hoa cương tưởng niệm," tướng Lee nhẹ nhàng từ chối và nêu lý do: "Tôi nghĩ rằng sẽ khôn ngoan tinh tế hơn, nếu đừng mở ra những vết loét chiến tranh mà nên học theo tấm gương của các quốc gia luôn cố gắng xóa bỏ dấu vết xung đột nội chiến đồng thời cam kết cùng nhau quên lãng những xúc cảm từng được sinh ra (và gây mâu thuẫn thời chiến tranh)."

Lee tin rằng thay vì bỏ tiền của lẫn thời gian để tưởng niệm các vị tướng Liên minh, "Tất cả những gì tôi nghĩ có thể làm bây giờ là trợ giúp những phụ nữ đáng kính và rộng lượng khi họ nỗ lực bảo vệ những ngôi mộ và ghi dấu những địa điểm an nghỉ của những người đã ngã xuống và trông chờ ngày mai tốt đẹp hơn" – tướng Lee viết năm 1866. Trong những năm cuối đời, Lee không viết bất kỳ hồi ký nào kể



lại các chiến tích "Bắc chinh." Thay vào đó, ông viết một quyển tiểu sử ngắn về bố mình, Henry "Light-Horse Harry" Lee, một người hùng của cuộc chiến giành độc lập nước Mỹ. Sử gia Jonathan Horn cho biết thêm, tướng Lee thậm chí không muốn được chôn trong bộ quân phục Liên minh hiển hách, và còn yêu cầu các cựu binh Liên minh không vận quân phục cũng như mang cờ Liên minh đến dự đám tang ông.

Bức tượng gây tranh cãi tại Charlottesville (Virginia), được điêu khắc gia Henry Merwin Shradly bắt đầu thực hiện và được Leo Lentelli hoàn thành, đã hiện diện kể từ năm 1924 nhưng vài năm gần đây nó được một số cư dân, viên chức địa phương lẫn vài tổ chức yêu cầu dỡ bỏ. Lo sợ của Lee đã thành sự thật: những khơi gợi quá khứ để duy trì xúc cảm cho tương lai và xúc cảm thường trở thành ngòi nổ cho những rạn nứt và xung đột cho một dân tộc từng chia cắt và binh đao bởi nội chiến.

Chỉ những tượng đài lịch sử ghi danh các anh hùng và chiến công chống ngoại xâm mới thật sự là quá khứ cần được giữ gìn và nhắc nhở hậu thế, chứ không phải những nhân vật hoặc dấu ấn chiến tích của bên này hay bên kia sau cuộc nổi loạn xáo trộn với chính đồng bào mình. Cái giá phải trả sau những cuộc hã hê lịch sử của một dân tộc từ chối hòa hợp hoặc thất bại trong hòa hợp thường là sự đập đổ trong một tâm trạng hã hê không kém, một khi lịch sử được viết lại, như một quy luật tự nhiên rằng không có gì là bất biến và vĩnh hằng. Càng nhiều tượng đài thì sự đập đổ càng dữ dội và càng khủng khiếp.

Một phần tâm thành, một phần cảm ứng

TIÊU LỤC THẦN PHONG



... Vào những năm tám mươi của thế kỷ trước, người dân quả thật sự khó khăn vô cùng, đời sống thiếu thốn đủ điều. Ấy vậy mà gã may mắn sinh ra trong một gia đình tương đối đầy đủ. Ba mẹ lại tần tảo bán buôn nên anh em gã ăn học mà không phải bận tâm điều gì. Khốn nỗi gã lại rất tối dạ, học trước quên sau, mặt mày rất lơ ngơ lúc nào cũng như có một làn sương khói bủa quanh. Ba của gã rất nhọc công kèm cặp, chỉ dạy. Thầy cô ở trường cũng mệt không ít với gã... nhưng xem ra không kết quả; học hành yếu kém, chữ viết như gà bới. Ba gã thất vọng biết bao nhiêu. Ông ấy là một Phật tử thuần thành, có lần sực nhớ kinh Địa Tạng có nói về nghiệp chướng và những phương cách hoá giải. Thế là ông ấy làm theo ngay. Gã học hành bết bát nhưng được cái rất vâng lời, hàng đêm vẫn thường theo ba lên lầu tụng kinh, niệm Phật.

Ba gã bày một chén nước trong trước hình tượng Bồ Tát và bảo gã cùng tụng kinh Địa Tạng với người; cứ mỗi ngày lại thay nước một lần và uống luôn chén nước đã thay ấy. Hai cha con tụng suốt hai mươi một ngày.

Dòng đời vẫn cứ âm thầm trôi qua, ngày tháng chất chồng lên. Gã ngày một lớn thì ba gã ngày một già; chẳng mấy chốc ngày thi tốt nghiệp đến. Năm ấy gã đạt điểm tối đa môn văn (trừ nửa điểm chữ xấu) trường quận xôn xao, bạn

bè ngạc nhiên... nhiều người bảo:

- "Thằng chả trúng" tử"

Kẻ khác lại nói:

- Nó có "bùa."

Nói gì thì nói, phải biết rằng ba gã vui lắm, thầy cô của hẳn vui lắm, nhiều lời khen ngợi.

Gã vẫn ngẩn ngơ lắm! Phải nói rằng nhiều người công nhận những năm sau này gã học khá hẳn lên riêng nét chữ vẫn rất xấu (sự chuyển biến rất chậm và từ từ từng chút một, năm rồi lại năm khá hơn một chút nên không dễ thấy, cho đến khi thi tốt nghiệp là đỉnh cao của sự chuyển biến. Nhiều người vẫn không biết từ đâu gã học khá lên. Họ bảo:

- Nhà nó có tiền, học tư, học kèm nhiều nên khá vậy thôi!

Họ không biết rằng ngày trước cũng học kèm nhưng đâu có khá, nếu không muốn nói là vẫn dốt. Chỉ riêng cha con gã là biết từ đâu và tin một cách chắc chắn như thế. Đó là sự gia hộ của Bồ Tát. Ngày xưa một phần tâm thành thì một phần cảm ứng. Nhà Phật cũng có câu: "Đức năng thắng số"... Sự nguyện cầu thành tâm đã linh ứng!

Tháng ngày qua đi thật nhanh, người xưa ví như: "Bóng câu qua cửa," như "nước chảy hoa rơi"... cuộc sống chất chồng nhiều lo toan nên quên bẵng đi chuyện năm xưa. Cho đến một ngày tình cờ đọc báo thấy mục:

"Tâm linh mầu nhiệm." Gã ngồi xuống thuật lại việc xưa mong một lần nữa tạ ơn Bồ Tát gia hộ, tạ ơn cha mẹ đã một đời vất vả nuôi con. Điều quan trọng nữa là tạ ơn cha mẹ đã nuôi dưỡng lòng tin Tam Bảo trong gia đình. Phật pháp ở thế gian không phải chỉ những điều cao siêu như: Tánh Không, Bát Nhã... mà có những điều đôi khi rất hiện thực, rất gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Có như vậy mới có thể tồn tại và đi sâu vào lòng người.

Bây giờ đã ở tuổi trung niên. Gã lại truyền niềm tin cho con mình... duy trì niềm tin Tam Bảo trong gia đình. Hàng ngày, hàng tuần tùy theo công việc gã vẫn dành thời giờ tụng kinh, niệm Phật cầu mong gia hộ cho cha mẹ, cho gia đình, cho bạn bè thân hữu, cho cả pháp giới chúng sanh. Cầu nguyện suông thì sao có kết quả? Gã vẫn âm thầm làm những việc có ích cho người và vật trong khả năng của mình. Gã tuyệt đối tin: "Một phần tâm thành thì một phần cảm ứng, mười phần tâm thành thì mười phần cảm ứng."

Peach State, Sept. 2017



Còn chẳng chỉ một dấu hài...

HẠNH CHI



Lá thư tòa soạn trên nguyệt san Chánh Pháp số 68 khiến những bước thiện hành sáng nay thấp thoáng bản khoăn. Hành giả cảm nhận được tấm lòng rưng rưng của vị chủ bút, khi băng khuâng trước những con đường xôn xao huyền não của đả văn minh nhân loại.

"Nề nếp văn minh được biểu hiện bằng sự sáng tạo của một thiểu số thông minh - về kỹ thuật số - mà không biết cách nào để sống hòa nhiên với loài người trong thế kỷ mới"()*

Đời sống văn minh thúc đẩy nhân loại vội vã!

Không mấy ai còn bước chậm lại, ngắm nhìn một bông hoa dại bên đường đang tận dụng tất cả hương sắc của đời hoa để hiến tặng những bước chân qua! Không mấy ai còn bước chậm lại, nghe tiếng chim trên cành cất lời chúc tụng một ngày đẹp đang hiện tiền rực rỡ!

Không mấy ai còn bước chậm lại, để biết giữa lòng tuổi trong veo vừa hiển lộ vắng trắng lung linh ánh bạc.

Bước chậm lại, nhận diện bao tặng phẩm từ bao la vạn hữu chẳng uống phí dăm phút giây của đời sống vô thường ngắn ngủi đâu, mà dăm phút giây ấy có thể đưa tâm về với thân, chợt nhận thức được là "Ta đang thờ, ta đang sống". Chạy theo sự sai sử với tốc độ chóng mặt của đả văn minh, ta dễ "quên thờ, quên sống", bởi ta dễ đánh mất ta!

"Những người năm trước và những người năm sau, xem chừng tử tế như nhau. Lập đi lập lại những điệp khúc vui buồn. Cười thật lớn với những

niềm vui rất nhỏ. Khóc khá nhiều bởi những chuyện không đâu. Lãng xảng nơi chốn đông người. Những người già, người trẻ của hai ba thế hệ, cùng ngồi nơi bàn ăn, không nhìn nhau. Miệng nói, tay bấm, điện thoại chẳng rời..."()*

Ngay những tình cảm thường nhật, đầm ấm nhất, gần gũi nhất cũng theo những tiện nghi văn minh mà biến dạng, rồi biến mất, nói chi tới những giá trị tâm linh cần sự an lạc, tịch tĩnh mới có thể cảm nhận!

Nhân loại đang sống thế nào đây? Không phải chỉ những con robots đang được chế tạo để thay thế, làm công việc của con người, mà chính con người đang hào hứng, hồi hả để trở thành những con robots trước khi chính thức được thay thế!

Những nơi thì còn được coi như nơi thể hiện đời sống tâm linh thì sao?

Tác giả lá thư tòa soạn đã hạ bút, như một tiếng thở dài:

"Những mùa lễ lạc, những buổi trình diễn, thi nhau ca tụng tán dương những thành quả hữu hình và những gì tính đếm được (bằng nhân số, con số), không dính dấp gì đến niềm bình an tự tâm. Thi đua xây dựng những đền đài, dinh thự thật lớn với tấm lòng bé xíu và cái ngã thật to. Ngã càng to càng làm chặt chội đất trời!

Còn nơi nào cho một gã cùng tử lang thang ghé bước dừng chân?" ()*

Ồi! Tiếng thở dài và lời thăm hỏi như vang vọng vào cõi hư không!

Còn nơi nào cho một gã

cùng tử lang thang ghé bước dừng chân?

Có còn nơi nào không, hỡi vách núi! Hỡi biển cả! Hỡi rừng sâu!

Có còn nơi nào không, khi mà:

"Du sĩ ngày nay không làm du sĩ nữa. Và cũng không làm ẩn sĩ. Có mặt khắp nơi, sở hữu tất cả, mà không gì có thể bỏ được. Những gì người nay sở hữu được chất đồng, ngốn ngang, đóng lại tất cả mọi con đường; trong khi người xưa chỉ cần trí tuệ để mở ra tất cả con đường..."()*

Một chiều mưa bay, hành giả đứng giữa đất trời, nhìn menh mông vạn hữu, nghe thăm sâu đáy lòng chợt bật lên tiếng nấc!

Ta thương ta hay ta thương ai mà túi vải đeo vai chỉ một bình trà, bỗng như nặng ngàn cân!

Có phải Đức Phật đã một lần đi ngang trần gian này, khi từng có tất cả và từng buông tất cả!

Hành giả rời phố thị, chậm rãi cất bước.

Qua sông. Qua suối. Băng rừng.

Trăng lặn rồi ánh dương lên.

Con chim đầu cành cất tiếng gọi. Chim nhà xuống một hạt vàng trên lòng bàn tay ân cần xò ra.

Hạt-Tâm-Không rõ từng nét chữ:

*"Đừng tìm về quá khứ
Đừng tưởng tới tương lai
Quá khứ đã không còn
Tương lai thì chưa tới
Hãy quán chiếu sự sống
Trong giờ phút hiện tại
Kẻ thức giả an trú
Vững chãi và thành thoi*

Phải tinh tiến hôm nay
 Kẻo ngày mai không kịp
 Cái chết đến bất ngờ
 Không thể nào mặc cả
 Người nào biết an trú
 Đêm ngày trong Chánh
 Niệm
 Thì Mâu Ni gọi là
 Người Biết Sống Một
 Minh" (**)

Lần theo lời dạy, con
 đường hoang vu bỗng hiện ra
 một dấu hài.

Lần theo dấu hài, con
 đường hoang vu bỗng mở ra
 muôn lối.

"Bằng bỏ-để tâm mà phát
 khởi từ-tâm. Bằng sự cứu độ
 chúng sinh mà khởi bi-tâm.
 Bằng sự duy trì Chánh pháp
 mà khởi hỷ-tâm. Bằng sự
 nhiếp thủ trí tuệ mà hành xả-
 tâm" (***)

Thì ra, vẫn còn những con
 đường xưa, thênh thang, tĩnh
 lặng, cho những ai khật khao
 quét dọn vườn-tâm để không
 vướng mắc vào những con
 đường ngày nay, chật hẹp với
 những toan tính bận rộn
 không ngừng!

Hành giả thở một hơi thật
 sâu, no căng buồng phổi, mỉm
 cười với vạt nắng vừa đậu trên
 tà áo nâu, rồi lại đeo túi vải
 lên vai, lần theo dấu hài, và
 hân hoan cất bước...

(*) Lá thư tòa soạn báo Chánh
 Pháp, số 68 (tháng 7.2017) - Vinh
 Hào

(**) Nhật Tụng Thiền Môn - Thầy
 Nhất Hạnh biên soạn

(***) Duy Ma cật Sở Thuyết -
 Thầy Tuệ Sỹ biên soạn.



The Story of Mendaka the Rich Man

Dhammapada, Verses 252

While residing near the town of Baddiya, the Buddha uttered Verse (252) of this book with reference to the renowned rich man Mendaka and his family.

Once, during his tour of Anga and Uttara regions, the Buddha saw in his vision that time was ripe for Mendaka, his wife, his son, his daughter-in-law, his granddaughter and his servant, to attain Sotapatti Fruition. Seeing the prospect of these six people attaining Sotapatti Fruition, the Buddha went to the town of Baddiya.

Mendaka was an extremely rich man. It was said that he found a large number of life-size golden statues of goats in his backyard. For this reason, he was known as Mendaka (a goat) the rich man. Again, it was also said that during the time of Vipassi Buddha he had donated a monastery for Vipassi Buddha and a congregation hall complete with a platform for the preacher. On completion of these buildings he made offerings of alms-food to Vipassi Buddha and the Bhikkhus for four months. Then, in yet another of his past existences, when he was a rich man in Baranasi, there was a famine throughout the region. One day, they had cooked a meal just enough for the members of the family, when a Paccekabuddha stood at the door for alms-food. Then and there he offered all the food. But due to his great faith and generosity, the rice pot was later found to be miraculously filled up again; so also were his granaries.

Mendaka and his family, hearing that the Buddha was coming to Baddiya, went to pay homage to him. After hearing the discourse given by the Buddha, Mendaka, his wife Candapaduma, his son Dhananjaya, his daughter-in-law Sumanadevi, his granddaughter Visakha and the servant Punna attained Sotapatti Fruition. Mendaka then told the Buddha how on his way, some ascetics had spoken ill of the Buddha and had tried to dissuade him from coming to see him.

The Buddha then said, "My disciple, it is natural for people not to see one's own faults, and to exaggerate other people's faults and failings."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 252: It is easy to see the faults of others, but difficult to see one's own. A man broadcasts the fault of others like winnowing chaff in the wind, but hides his own faults as a crafty Fowler covers himself.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
 Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

ĐÊM TRĂNG MÙ SƯƠNG NGHE ĐÀN BUỒN TRÊN SÔNG HƯƠNG

trăng soi hàng cau nghiêng nghiêng buồn
buồn xuôi -- buồn xuôi trên sông Hương
ai rung tơ sầu trên cung đàn
lời trầm bay qua vương hơi sương

sông trôi mơ màng -- sông trôi thắm
sông giăng mù sương - đêm xa xăm
ai ngân cung sầu trên giây đàn
ai sao gieo chi lời trăm năm

sông trăng mù sương ru sầu về
đàn ngân cung trầm rung sương khuya
ai trôi tâm tình xuôi sông dài
lời như mơ hồ sao buồn chi

đàn lời không buông cung tơ sầu
đêm nhòa sương khuya - tan trong nhau
sông xuôi về xa - phương sa mù
trăng mờ tàn phai thôi còn đâu.

TỬ SINH MỘT CUỘC TÌNH CỜ

tử sinh một cuộc tình cờ
gặp em chi để bây giờ cuồng điên
lãng du trong cõi ưu phiền
hai bên nhật nguyệt một niềm nhớ thương
lòng em kín công cao tường
lòng anh giông bão vẫn thường vào ra
trâm luân trong cõi xót xa
mơ là mộng tưởng tình là chiêm bao
tìm em qua ngọn sông đào
về ngang biển bắc hỏi sao từ trời
tử sinh một cuộc rong chơi
gặp em chi để đứng ngời ngẩn ngơ
tử sinh một cuộc tình cờ
gặp em chi để bây giờ cuồng điên.

Đâu mùa xuân một mình rong chơi
thấy chiều tàn, chợt nhớ thời cũ
chiều ngời lặng trên đồi
trông mây bay viễn xứ
trời đất đang vào xuân
lá hoa tung bồng nở
đòi qua như mây bay

hoa rơi hồng lối nhỏ
khơi vọng sắc năm xưa
thảng thốt lòng thương nhớ

trầm vang lời cổ thi
chiều như thơ Yên Đỗ
đàn ngỗng nào về qua
hoa vàng bên giếng cũ

trông vời phương trời xa
chiều tan cùng bóng tối
khói sóng mờ trên hồ
đường về mù mịt lối

ngheu ngao khúc sầu ca
bóng dài nghiêng hè phố
lời hát thừa nào xưa
thoáng về trong tiếng gió

dừng chân góc đường này
nhìn trời nhòa sương bay
vàng sao xưa mù khuất
bàng hoàng lòng như say.

thơ **BÙI NGỌC TUẤN**



Tiếng khóc muộn màng

NGUYỄN VĂN SÂM

1. Nhiều xe Cảnh Sát Dã Chiến phóng mau tới hiện trường. Họ lục đục xuống, bắc loa kêu gọi "Xin anh em hãy giải tán! Xin anh em hãy giải tán..." Một số tham dự biểu tình lật đật chạy vô đứng lộn với bạn hàng trong chợ. Vài ba thanh niên cuốn vội những tấm biểu ngữ nhét vô chỗ nào đó khuất khuất rồi trở lại nhập vô đám đông đứng dưới những tấm biểu ngữ còn chưa nghiêng ngửa. Nhóm người này mỗi lúc một đông, toàn là thanh niên thiếu nữ trong tuổi đôi mươi, áo quần tươi tắn, sơ-mi bỏ vô quần, áo dài thướt tha, giơ tay cao la hét những khẩu hiệu cáo buộc người cầm quyền đã được viết trên biểu ngữ. Họ có xao động đôi chút khi nhân viên công lực tiến tới gần. Hai bên đứng chỉ cách nhau chừng 2 thước, bên này hô to khẩu hiệu bên kia kêu gọi giải tán. Những chiếc dùi cui có đưa ra nhưng với mục đích hỗ trợ vài ba người muốn rời khỏi tay níu kéo của đồng bọn hơn là đánh đập hay cố ý bắt hốt. Tiếng loa phóng thanh kêu gọi ồn ào hơn. Đoàn biểu tình lần lần bị tách rời với những người hiếu kỳ. Họ, lực lượng áo trắng, tay không, lúc này còn không có bao nhiêu, dẫu vậy tiếng la hét đã đảo, kể tội Tổng Thống tham nhũng vẫn còn vang dội, và những tấm biểu ngữ còn lại vẫn hiện ngang đứng vững.

Tiếng loa kêu gọi: "Chúng tôi lập lại lần chót: Anh em hãy giải tán." Lần này âm điệu lớn tới điếc tai. Vòng vây khép kín hơn với sự tiếp viện của ba bốn xe đóng lưới bit bùng vừa mới tới. Những trái lựu đạn cay cùng lựu đạn khói được tung

ra khi nhiều nhân viên thường phục được điều động tới xua đuổi người hiếu kỳ.

Phóng viên ngoại quốc hơn chục người, mang máy ảnh cồng kềnh chạy lăng xăng, chụp hình cho nghiệp vụ mà không ai cản ngăn hay chú ý. Những người bán hàng đem tới bánh mì, nước uống và chanh vắt sẵn, một số phân phát được cho người nhận, một số khác bị đuổi xô ra khỏi vòng, cười cười bẽn lễn phân bua. Khói lựu đạn xịt những lẫn ngoằn ngoèo sát mặt đất, lẫn lẫn phủ màu vàng lan tỏa một khu không gian rộng lớn đang có tác dụng làm thối chí những ai chưa có điều kiện che mặt, xịt chanh.

Lực lượng biểu tình tan lần lần như chợ bắt đầu chiều, nhiều người cầm biểu ngữ bị kè đẩy lên xe cây. Mấy chục tấm biểu ngữ bị vung vãi dưới đất đương bị dày xéo. Một vài viên Cảnh Sát Dã Chiến nhẩn nha lượm, cuốn lại đặt lên trên xe Jeep. Họ làm việc cẩn mẫn, ít nói chuyện dẫu rằng vẻ hằn học sắt máu không thấy trên gương mặt ai.

Nhóm bám trụ còn lại ít ỏi, chừng hơn hai chục người. Mặt trời đã lên cao. Hai bên đều mồ hôi nhuế nhối, đứng "kênh" nhau, một bên bằng khiên thiếc và dùi cui cây, một bên bằng biểu ngữ và lòng cương quyết...

Tuấn kéo tay Ánh Thu theo đoàn người bỏ cuộc, lách mình qua nhóm Cảnh Sát Dã Chiến đứng làm hàng rào, băng qua đường hướng về một con hẻm. Anh nói bên tai người con gái:

"Hẻm này trở ra đường Trương Tấn Bửu. Mình về! Cay mắt quá, với lại kéo dài lâu dễ bị hốt. Họ chỉ nhân nhượng tới lúc nào đó thôi. Lâu quá họ đổ quạu mạnh tay..."

Người con gái chạy theo sức lôi của bạn, bỗng vấp hụt churen té xum vì đôi guốc Dakao kiểu dáng hơi nặng, may mà gương dậy được, lếch thếch theo.

"Ánh Thu mà té xuống người ta đạp lên không chết cũng què tay què churen." Tuấn nói bằng giọng sắc sảo, lo âu, rồi thêm: "Lần sau nên đi giày, gót cao vừa phải."

Thu không nói gì, cũng chẳng muốn gỡ tay Tuấn ra, lúc này còn giữ thể làm gì nữa! Cô, tay kia ôm gọn hai vạt áo dài, chạy theo sức kéo của Tuấn, bây giờ lại mạnh hơn, quyết liệt hơn. Hai người lách đám đông tò mò đương lỗ nhổ đứng che gần hết con hẻm, rẽ vô trong sâu. Khói lựu đạn cay phía này không nhiều, nhưng cũng đủ đuổi theo làm mọi người nước mắt nước mũi ràn rụa. Vài người dân núp trong cửa nhà mình với tay ra trao những bịch chanh cắt sẵn. Thu mau tay nhận, chia cho Tuấn chà chà vô mặt, vô mắt. Ngoài kia những người hùng còn mang biểu ngữ đương giằng giựt với cảnh sát. Nhiều khi có cuộc xô đẩy nhưng phần nhiều người có trách nhiệm rất nường tay, họ cố giải tán đám biểu tình hơn là trừng phạt đánh đấm cho sướng tay hả giận.

Tuấn nói:

"Có thể là nhờ bóng hồng của Thu nên mình thoát ra dễ dàng, không thôi bị lừa lên xe

cây, sưa tra hai ba bữa mới được về. Hồng bị đánh đập gì nhưng mất thời giờ.”

Thu đứng lại thờ, lúc này tay Tuấn đã buông khỏi tay Thu từ lâu, anh nói:

“Qua vòng vây của họ rồi! Mình đứng đây coi diễn tiến ra sao. Họ giàn giá như vậy nhưng không dám làm mạnh đâu. Họ sợ mang tiếng vì có báo chí và phóng viên ngoại quốc quá nhiều.”

Cả hai bây giờ làm người vô can đứng dòm qua bên chợ. Một số nhân viên mặc thường phục đẩy vài ba sinh viên gỗ ngáo còn sót lại lên xe. Tiếng hồ đã đảo đã hết, chỉ còn những tiếng rè rè của những bộ đàm trao đổi giữa người có trách nhiệm giải tán đoàn biểu tình với cấp trên. Xe cô đã được phép lưu thông trở lại. Chỗ hiện trường mấy chục phút trước ồn ào náo nhiệt giờ trở lại với cuộc sống bình thường, “hiền như ma sơ khi đọc kinh cầu nguyện...”

Khu chợ trở mình, xóa tan dấu vết của một cuộc biểu tình sôi động, đông ken vừa mới xảy ra. Bên kia đường, biển vãng Viện Đại Học Vạn Hạnh vẫn đứng im như lúc nào...

2. Tôi thích nói chuyện bâng quơ với người lối xóm. La cà nghe hóng chuyện nọ kia khi tuổi già có cái lợi thư giãn và biết được tâm tình thầm kín của nhiều người. Nghe thiệt bình thản, không luận thuyết, tiếp nhận chuyện hay dở đều cười mỉm chi thông cảm, làm thân. Nhờ vậy mà tôi được coi như người địa phương mặc dầu cái bộ mặt trắng trẻo của tôi lúc mới tới ai cũng ngó lom lom, dè chừng, xa cách. Thăng Hùng khùng thì khỏi nói, đi tới đâu hàng rào bông búp nhà tôi thì mười lần như một, lúc nào tay cũng ngắt một bông, bút ra từng cánh đỏ, phũ phàng liệng xuống đất, vừa đi vừa se se phần còn lại làm chong chóng, mắt chăm chú quan sát như nhà thực vật học yêu nghề, miệng lầm bầm những gì không ai biết. Sau cùng thế nào nó cũng lắc lắc cửa cổng réo kêu mở để nó chấp tay sau

đít đi tới lui như người trên trung ương về thị sát một xóm ấp nhỏ xa xôi. Từ cây khế đầu cổng tới cái hồ sen gần cửa ra vô nhà chánh, nó ngắm hết chỗ này rồi nghĩa chỗ kia. Chán chê thì bỏ đi ra, không thèm nói gì với ai, như là việc thị sát của nó đã xong, cả nhà cứ tự nhiên làm công chuyện bỏ dở dang này giờ.

Còn nhiều nhơn vật khác nữa: Bày Cu ưa cự nự với vợ nhưng thích la cà với thầy giáo để học hỏi chuyện đời. Thăng Út-Mót-thầy-chạy nổi tiếng trong xóm với câu tuyên bố xanh dờn: Ba cái c.c., chia gia tài hồng công bằng, đưa nhiều đưa ít. Vậy mà gặp tôi lúc nào nó cũng chào thân thiện bằng câu kinh điển: “Thầy giáo mạnh khỏe?” Rồi buông một câu tình cảm hết sức nói: “Bữa nào huờn huờn thầy giáo qua bên tui, mình làm vài xì lai rai...” Thấy tôi ngần ngừ thì nó thêm: “Không uống nhiều thì uống ít, không ai ép thầy giáo đâu mà ngại. Rượu bất khả ép mà!”

Bà Sáu Bướu với con chó trung thành thì chỉ khi nào tay cầm cái bao xốp với vài ổ bánh mì ế độ mới tới trước cửa rào, đứng lố ngớ một chập hèn lâu, đợi tôi ra chào hỏi cho có lệ rồi nhìn nhìn xuống mấy ổ bánh mì tỏ vẻ đau khổ. Tôi lần nào cũng mua trọn gói, mua rồi thì đãi những đứa trẻ trong vùng ăn thoải mái. “Ông mua cho tui bây đó, tự nhiên đi mấy cháu!”

Bữa nay bà Sáu bỗng nhiên ngồi xà xuống trước cổng khi tôi đứng đó đương quơ tay quơ chun làm cử chỉ vận động buổi sang mong chận lại vài ba phút bước tiến lẫn chiếm của tuổi già. Cách ngồi của bà trong tư thế bất cần đời. Thả mình đánh phịch đít xuống đất, bắt câu cát đá, bật ngửa ra, hai tay chống về phía sau. Cái quần đen ống hơi rộng, một bên tuột lên khỏi đầu gối đưa ra bắp chuối teo cơ, nhăn nheo, cũng không được chủ nhơn để ý. Cục bướu ở dưới cằm, che

khuất hết đặng trước cổ như lớn nặng hơn ngày thường, kéo trĩ xuống đựng ngực, những lần gân đỏ trong đó hiện hình lưới nhiều nhánh rõ hơn, phập phồng theo từng hơi thở của người mang tội nghiệp. Con chó Vàng hứi hứi chun chun rồi đi lảng vảng vô mấy bụi rậm rượt đuổi đám cặc kè rần mỗi với tất cả sự hăng say của mình.

“Khỏe không bà Sáu?”

“Chào thầy giáo! Khỏe sao được mà khỏe, bình này chắc như bắp sẽ mang nó theo về *bến*, cùng đi chung xuống về Bến Giác!”

Tiếng *bến* của người nói trầm xuống như đánh dấu than. *Bến giác*, chữ nghĩa bác học đi vào quần chúng bình dân, phát ra từ người đàn bà này nghe còn thâm thê hơn tiếng thờ dài bất lực trước số phận. Bà Sáu ở trong tư thế bất cần đời vẫn ngược mặt lên, ngó xa xăm.

Tôi không biết bắt đầu chuyện từ đâu, đành trầm ngâm ngó bụi tre trước mặt đã đổi rồi bằng quơ nhìn trời mây qua mấy hàng dây điện chằng chịt. Một lúc hèn lâu mới vô đề được:

“Mấy lúc gần đây không thấy ba Thăng Hùng đi ngang đây nữa ha!”

“Ông còn bết bát hơn tui nữa! Đi đâu? Hai tháng nay rồi bộ thầy giáo không hay sao?”

Tôi chống chế chạy tội:

“Ờ! Thời gian qua mau quá. Mới đó mà hai tháng rồi! Lần ông đi nhà thương bằng xe ô-m, gặp, tôi có chào hỏi, ông nói đỡ đỡ mà mặt coi bộ buồn hiu!”

“Ông bị chứng thống phong, uống nước nấu cải bẹ xanh chừng tháng là hết chứ gì nhưng bà ý mình tanh tanh tiền, đâu có chịu, cứ nghe mấy cha nội thầy Tàu xì gạt, uống thuốc lọc máu, bỏ gan, mất thận... Tới bây giờ gần như nằm bẹp luôn. Đâu có đi đâu ra khỏi nhà, lúc nào cũng than đau nhức từ tuốt trong xương.”

“Ừa? Nghe nói chạy thuốc sáng nhà sáng cửa mà! Bộ bết bết lằm sao?”



“Ừ! *bịnh chúng* thì không thấy gì đáng sợ, nhưng *bịnh tình* thì ghê gớm...!”

Tôi thiết tình bố rỗi trước câu nói của người đàn bà này, một người bị đời gạc xuống tận cùng của xã hội ai cũng tưởng rằng phải sống với ngôn ngữ bình thường lè tè mặt đất, đâu ngờ có thể nói một câu sách vở như vậy. Bà cúi xuống ngó mấy cái lá mình mới tưới bút liệng xuống đất, thêm:

“Tâm bệnh mà, nặng hơn thì có, bớt sao được, thuốc tiên cũng chịu thôi!”

“Tâm bệnh?”

“Thầy giáo biết đó, sống với người không thương!” Ngừng một chút hèn lâu: “Xin cho hưu non, trên đồng ý nhưng không được hưởng chế độ. Chuyện này kia, ba ve đồn một hũ *“tâm bệnh”* là chuyện đương nhiên.”

Người đàn bà tội nghiệp này đưa nhận xét làm tôi ngạc nhiên. Cách nói của bà cũng văn hoa bóng bẩy, khác xa với bộ quần áo cháo lòng đương khoác trên mình bà.

Không biết nói gì hơn tôi đứng ngu ngơ ngó chung quanh, cũng là cách tránh nhìn ánh mắt buồn thảm của bà Sáu và cục bấu nặng nợ của bà. Một con chim lè đàn bay vút qua bầu trời xanh thăm xa xa.

Người đàn bà chồm tới lượm một que khô ngoài tầm tay, vẽ những hình thù vô

nghĩa trên mặt đất:

“Tôi không tiếc cho tuổi trẻ của tôi đi trật đường, cũng không tiếc mình bị đá dít bỏ rơi. Chỉ tức là không nghe cha mẹ nên mắc vô sai lầm chết người. Không lo học hành, chỉ chạy theo tranh đầu, xuống đường, xuống điệt. Tin ở con tim của mình tới chừng bị quăng đi như cái bị rách thì...”

Bà Sáu không nói hết câu, trầm ngâm hèn lâu với tiếng thở dài.

“Ồ! Mà nói thì nói vậy chứ tức giận gì cho bị tai biến khổ thân. Nghĩ tới chuyện xưa, bức mình đập tay xuống bàn rui đứt mạch máu não thì hại mình chứ hại ai!”

Con Vàng như là thuộc lòng tình trạng này của chủ, quay lại đứng kể bên, ừ ừ cái mỏ ướm của nó vô chửi bà...

Tôi theo thói quen cố hữu gợi lý lịch trích ngang của bång dân thiên hạ:

“Nghe nói bà Sáu lúc trước học Văn Khoa, vậy sao không xin đi làm gì đó ở văn phòng, bán cháo lòng bình dân ở nhà quê này làm sao đủ sống?”

“Vậy mới nói! Trước kia ghi danh cho có chửi chữ học hành bao nhiêu. Nghe lời ông đi biểu tình, đi tuyệt thực, hét rồi không biết mặt thầy, nói gì tới biết bài học...”

“Biểu tình hoài, có lúc

nào bị bắt không?”

“Tôi thì chỉ bị một lần, cũng hơi ớn. Ông bị đầu ba bốn lần gì đó. Nói nào ngay, họ không đánh đập gì, chỉ sưu tra, không có gì thì vài bữa thả.”

“Vậy sao? Sao dễ như chơi vậy?”

“Xưa là vậy đó! Khác với bây giờ! Xưa họ không có kinh nghiệm về mặt giữ gìn chánh quyền.”

Biết bà ta bị ảnh hưởng nào đó trong lời phát biểu này, tôi chỉ nhỏ nhẹ để không mở ra cuộc tranh luận không cần thiết:

“Xưa người ta tôn trọng quyền lên tiếng của đối lập.” Thấy bà Sáu trầm ngâm một lúc hơi lâu, hình như muốn chống đối, tôi chuyển hướng đề tài:

“Tuổi trẻ ai cũng có lý tưởng, chỉ có điều là đúng hay sai thôi.”

Người đàn bà xì tiếng thiệt lớn:

“Theo ông chớ theo lý tưởng gì. Tức mình là sau này, tin lời bày vẽ của ông, xin về đây làm cán bộ ấp, ấp Phú Hoà, xã Phú Hòa Đông mình chứ đầu xa. Ông nói cưới, mà cứ cù nhầy, nhùn nha nhùn nhảu hoài, khi thấy tôi cục bấu này lên thì ông chạy làng. Lấy bà này ở B về. Ông lúc đó có quyền thế trong huyện mà làm ngơ tui. Không giúp đỡ trị bệnh, cũng không cho ơn huệ gì. Bao nhiêu tiền cha mẹ cho bỏ vô tiết kiệm Tín Nghĩa Ngân Hàng không lấy ra được một cắc... Nghèo mạt rệp luôn. Khi cục bấu lớn thì còn tệ hơn: Kiệt xác góc đầu lên không nổi.”

Bà Sáu nói một lèo như sợ ngừng thì sẽ không đủ can đảm nói hết lòng mình. Bà chấm dứt bằng những hơi thở mệt. Con Vàng tới gần, bà vuốt đầu nó nói nhỏ nhỏ:

“Gia tài bây giờ chỉ còn con chó trung thành này thôi. Bị sa thải, cùng mạt kiếp, sống lây lất nhờ nồi cháo lòng mỗi ngày... Mà thôi! Mình làm thì mình chịu, trách ai bây giờ đây!...”



3. Tôi như bị trói chặt chân tay, không thể giúp Anh Thu những gì mà tôi muốn, đành giúp bằng những ánh mắt thương cảm mỗi khi Thu đi qua ngang đây. Cục bấu Thu mang trên người tôi cho đó là nỗi uất ức một đời lỡ làng vì tin tưởng vào lời hứa. Tôi bội ước do nhiều nguyên nhân trong đó tham vọng là chánh khí quơ đại quơ đùa tính làm điều bay lên... Ai dè! Cuối cùng thì sống trong tiếng ngày, ngày liên tục suốt đời.

Ông già bệnh hoạn kể lễ trong tiếng nấc nghẹn. Ngoài đường lũ trẻ ồn ào chen lấn bên dàn kẹo kéo nghèo nàn để nghe người bán kẹo hát những bài tình cảm mấy chục năm nay bị cấm đoán. Tiếng hát, tiếng bàn tán phê bình vọng vô tới căn phòng đóng cửa âm u chúng tôi đương ngồi.

Tôi an ủi mà coi hình như chẳng thấm thía gì đối với nỗi tình đau của bệnh nhưn đương ngồi cú sụ lợt thỏm vô cái ghế bành:

"Đời người ai cũng có những lỗi lầm. Cái lỗi của anh với bà Sáu dầu sao cũng về mặt tình cảm, dính dáng chỉ riêng một cá nhân." Tôi muốn nói thêm, *biết bao nhiều người khác có lỗi với muôn người...* nhưng thấy mình nên ngừng tại chỗ đáng ngừng, nói ra cũng chẳng ích lợi gì. Với lại biết đâu ông ta sẽ cho tôi là chạm điện?

Chúng tôi im lặng thiệt lâu. Không gian lắng đọng có thể người này nghe được tiếng thở và nhịp tim của người kia. Hình như có tiếng cầu nhàu của bà vợ ông ta ngoài vườn. Tiếng cầu nhàu mà những lần trước ông khôi hài với tôi rằng *lại mở dàn loa phờng làm khổ lỗ tay thiên hạ..*

Tôi chồm tới vịn vai ông, nói nhỏ báo tin bà Sáu đã được giới thiệu đi mổ cục bấu hôm qua. Chưa biết chuyện ra sao. Hình như bà rất yếu, mổ thành công chưa chắc đời sống kéo dài thêm được bao nhiêu vì chỗ mổ dính dáng tới yết hầu. Nghe xong, ông nói như mếu:

"Cũng cầu cho ca mổ



thành công. Sống thêm được ngày nào thì mừng ngày nấy. Cắt bỏ chữ mang như bây giờ thì ngất ngư quá."

Lại chặt lưỡi:

"Ngày đó tôi có quyền thế mà không dám nói lời gì để yêu cầu họ giúp Anh Thu, sợ cái của nợ kia nghe được thì làm ồn ào, lớn chuyện. Miệng lưỡi Anh Thu làm sao qua được miệng lưỡi cái loa phờng đó. Vậy mới hèn!"

4. Cũng gương mặt đó, gương mặt héo hắt của người bệnh hoạn thân xác và đau đớn mặc cảm đương kể cho những giọt nước mắt muộn màng tuôn rơi. Để mặc ông ta nắc nắc cho đã cơn, tôi theo dõi những giọt nước mắt lăn dài trên hai đường rãnh bên mép, rơi từng giọt lên cái gối ôm đã ngả qua màu vàng hột gà... Tiếng rơi nhẹ nhàng, mơ hồ như tiếng động chuông báo cho người tình bị bỏ quên lâu nay nỗi lòng bị thiết của người ân hận. Từng giọt nước tỏa rộng trên mặt gối, giồng như nụ cười mẫn nguyện của

người tình ông thời trẻ, người tình trước khi chết đã lãng mạn nản nỉ tôi lên báo tin để coi ông có chẳng nhỏ xuống những giọt nước mắt tiếc thương.

Trên trần nhà, hai ba con thằn lằn đồng thanh chặt lưỡi, không biết đó phải chăng là tiếng báo mãn nguyện của người phụ nữ hơn nửa đời chờ đợi sự ăn năn của người tình phụ?

Và tôi thấy tội nghiệp cho bà Sáu Bấu khi nhớ lại một lần bà bẽn lễn thú nhận:

"Phút thần tiên ngày xưa là sau khi biểu tình xong, ông chở tôi trên chiếc Honda dame tình tứ tới trước cửa Bưu Điện Sài Gòn, ăn một bữa bò bía trừ cơm. Giờ chuyện đó bay xa như từ muôn kiếp nào trong huyền thoại..."

Bà Sáu Thu! Mong tiếng khóc muộn màng của ông hóa giải được nỗi buồn đeo đẳng bà bao nhiêu năm nay.

Nguyễn Văn Sâm

(Victorville, CA. 2017)

CÂY ĐÈN HÀNH KHÁT

Hoa lửa gọn hương trầm
Gió Pháp dật tờ hương
Đèn bạc nạm Long Lân Qui Phụng
Gấm vàng che rợp sắc Hoàng Vương
Cung Vua A-Xà-Thế
Rộn nghi lễ cúng dường
Hoa lửa Hoa đăng vạn ánh
Kính dâng lên Đấng Pháp Vương

Một túp lều tranh xiêu vẹo
Lão Bà hành khát bên đường.
Áo bốn mùa rơi tả,
Cơm mỗi bữa đói thường.
Lang thang xin bố thí
Lòng nhân khách qua đường,
Hai đồng tiền giữ kỹ
- Quên thân đói cơm xương,
Quên cơm thừa rỗng bị,
Quên túi hận chán chường -
Mua dầu thắp sáng cúng dường Như Lai.
Đèn Hành Khát, đèn chai sứ mẻ
Chứa gia tài của kẻ bán nhân.
Vết voi dăng một tấm lòng,
Ngọc đèn thành khăn soi trong túp lều.
Lạy Từ Phụ! tin theo Phật Giáo,
Con sống theo nếp đạo thiện lành.
Đường đời đau nết nhân sinh,
Thân con cuối chợ dầu đình lê la.
Muốn cúng Phật: trồng hoa phước huệ
Công đức này mong để mai sau.
Cầu xin oai lực nhiệm màu
Nguyễn cho đủ sáng đèn dầu suốt đêm

Sức chú-tâm linh diệu
Đèn phàn phật cháy lên

Dầu thiêng không voi cạn
Đẹp tới buổi bình minh

Đèn bạc nạm ngọc châu
Cung Vua tới Đế Thành
Suốt đêm tàn le lói
Quanh tịnh xá cung nghinh.

Phật dạy đức Kiên Liên Bồ Tát,
Bước đi tắt nốt các cây đèn!
Vách nghèo đèn vẫn bùng lên,
Ba lần thổi vẫn ánh đèn sáng trưng.
Thấy sự lạ, Ngài dùng chéo áo,
Mảnh cà-sa quạt đảo oai thân;
Lửa thiêng gặp gió thần thông,
Ngọn càng rực rỡ chiếu lòng Kim Cương.

Đức Phật tới ngăn đệ tử:
Ngọn đèn hành khát dị thường
Là ánh hào quang vị Phật
Tương lai chứng quả mười phương

Rồi giữa hoàng thành tráng lệ
Sau bao nghi lễ cúng dường,
Thọ Ký lão bà hành khát.
Chư tăng tán thán tâm hương

Đèn Hành Khát, Đèn Đế Vương
Phát ra ánh sáng cũng thường như nhau.
Tâm-Linh mới thật sang giàu:
Khung Kim-Cương để gồm thâu ý vàng.

thơ TÂM TÂN



Cây đèn kỳ lạ

Soạn giả: THÍCH MINH CHIÊU
(Truyện Cổ Phật Giáo)



Sau lễ tiễn đưa Phật và các thầy Tỳ kheo trở về tịnh xá Kỳ Hoàn, vua A Xà Thế cùng với đình thần trở lại nội cung để dự buổi yến thân mật và bàn một vài việc cần làm thêm trong ngày đại lễ hôm ấy.

Câu chuyện mở đầu trong bữa tiệc là những lời sau đây do vua A Xà Thế phát khởi.

- Các khanh! Trẫm rất bằng lòng và thỏa mãn về việc các khanh đã lo liệu quá ư tươm tất trong buổi lễ cúng dường Phật và giáo hội vừa rồi.

Hướng đôi mắt về phía đại thần Kỳ Bà, Vua A Xà Thế nói tiếp:

- Kỳ Bà! Khanh nghĩ hộ trẫm xem còn có việc gì đáng làm nữa để trẫm tận hiến tấc dạ chí thành lên đức Chí Tôn và giáo hội—những người tận tụy trong công việc giáo hóa chúng sanh nói chung, thần dân của trẫm nói riêng, trở về với ánh sáng chân lý.

Đứng dậy ngẫm nghĩ trong chốc lát, rồi đại thần Kỳ

Bà thông thả tiếp:

- Tâu đại vương, ngoài sự cúng dường trai phạn và y phục mà Đại vương đã dâng lên đức Chí Tôn và giáo hội, theo thiên ý của hạ thần thì không việc gì có ý nghĩa hơn việc cúng dường ánh sáng. Vì ánh sáng tượng trưng cho trí tuệ, cho sự giác ngộ; ở đâu có ánh sáng thì ở đó bóng tối tan mất. Cũng như ánh sáng Phật và giáo hội đến đâu thì ở đó si ám và tội lỗi đều tiêu sạch. Ngu ý của hạ thần chỉ có bấy nhiêu, kính mong bệ hạ thâm xét.

- Hay lắm! Ý kiến của khanh rất chí lý! Tiếc đây nhờ khanh thay trẫm sắm sửa cho thật nhiều đèn đuốc để tối hôm nay dâng lên Phật và giáo hội tại tịnh xá Kỳ Hoàn.

Đại thần Kỳ Bà vâng thuận. Buổi tiệc bắt đầu và tiếp diễn trong tình thân mật giữa nhà vua và các vị cận thần.

Chiều hôm ấy, trên đường trở về xóm nghèo, một bà lão hành khất gặp rất

nhiều xe cộ, lính tráng, tấp nập khuôn chở những thùng dầu, đèn và cả những chiếc lồng đèn ngũ sắc rực rỡ. Hỏi thăm, bà lão hành khất biết đó là lễ vật của nhà vua đem cúng dường Phật và giáo hội.

Hình tượng trang nghiêm của Phật và các thầy Tỳ kheo lại hiện về trong óc bà. Bà vui hẳn lên và rất tán thành việc làm có ý nghĩa của nhà vua. Và xét lại tự thân, thấy mình chưa làm được một công đức nào đối với Phật và giáo hội, bà tự nghĩ phải sắm phẩm vật để cúng dường mới được. Thò tay vào túi, bà lão moi ra vón vụn chỉ có hai tiền. Một sự quyết định nhanh chóng trong lòng khiến bà hoan hỷ đi ngay vào một cái quán gần đấy...

- Thưa cậu! Làm ơn bán cho tôi hai tiền dầu thắp.

- Bà mà mua dầu làm gì? Sao không mua đồ ăn lại mua dầu, nhà cửa đâu mà dầu với đèn!

- Thưa cậu! Tôi thường nghe các bậc hiền đức trong làng bảo: "Ngàn năm muôn thuở mới có một đức Phật ra đời; người nào có nhiều phước duyên lắm mới được gặp." Hôm nay tôi may mắn được gặp nhưng chưa có lễ mọn nào để dâng cúng lên Ngài. Điều ấy làm tôi vô cùng ân hận. Nhân tiện vua A Xà Thế sửa soạn đèn đuốc để dâng lên Ngài và giáo hội, tuy nghèo khổ, tôi cũng xin nguyện đem hai tiền mới xin được đây mua dầu dâng ánh sáng lên Ngài.

Nghe bà lão hành khất tỏ tấm lòng chân thiết đối với Đấng Giác ngộ, người chủ quán nhìn bà một cách cảm mến và hạ giọng:

- Hai tiền chỉ được hai muống, nhưng tôi xin tặng bà





ba muổng nữa là năm, và cho bà mượn luôn vệt đèn này. Mong bà nhận cho.

Sau khi cảm ơn người chủ quán, bà lão ra về với bao niềm hoan hỷ vì được người khác biểu đồng tình và giúp mình trong công việc phước thiện.

Trời chưa tối hẳn, những cây đèn xinh xắn, lồng lầy của nhà vua đã được những đội thi vệ thắp sáng. Tịnh xá Kỳ Hoàn như vui nhộn hẳn lên. Đó đây vang lừng những điệu nhạc điệu dang, nhịp nhàng với lời ca ngợi của những cận thần thay nhà vua tán thán công đức của Phật và giáo hội. Từng đoàn người lũ lượt đi dự lễ, đông như trẩy hội. Bà lão hành khất cũng tiến mau về phía Tịnh xá và dừng bước trước những họa đăng rực rỡ, bà vội vàng đến rót dầu vào cây đèn mà bà đã lau sạch và thay tim. Vừa mỗi ánh sáng bà vừa phát nguyện: "Cúng dường ánh sáng này lên Đức Thế Tôn và giáo hội, con chỉ cầu mong làm sao con cũng sẽ được trí tuệ sáng suốt như các Đấng Giác ngộ trong mười phương." Bà lại nghĩ: "Dầu ít như vậy có sáng cũng chỉ đến nửa đêm là cùng." Nhưng mạnh dạn bà thắm nguyện: "Nếu quả thật sau này tôi sẽ được giác ngộ như lòng tôi mong muốn hôm nay, thì số dầu ít ỏi này cũng làm cho cây đèn này sáng mãi không tắt."

Sau khi treo cây đèn trên một cành cây, bà lão hành khất đi thẳng vào tịnh xá, chí thành lễ Phật rồi ra về...

Số đèn của nhà vua, tuy được những đội lính thay nhau lo việc châm dầu, thay tim, nhưng ít cây được sáng suốt đêm, cây thì bị gió thổi tắt, cây thì bị phật cháy...

Duy cây đèn của bà lão hành khất thì ánh sáng nổi bật hơn muôn vạn cây đèn khác và cháy mãi đến sáng mà dầu vẫn không hao.

"Này đệ tử! Trời đã sáng, hãy ra tắt hết những cây đèn còn đỏ," Đức Phật dạy với Ngài Mục Kiền Liên như thế.

Tôn giả Mục Kiền Liên làm theo lời Phật. Nhưng đến cây đèn của bà lão hành khất, thì ba lần Tôn giả quạt mạnh, ánh sáng cũng không mất. Lần thứ tư, Tôn giả cầm ngay vạt áo chà sa và vạt hết thần thông diệu lực của mình quạt hắt vào đèn nhưng đèn lại rực sáng hơn trước. Tôn giả Mục Kiền Liên và những người chung quanh đều ngạc nhiên và cho đó là một cây đèn kỳ lạ chưa từng thấy.

Ngay lúc ấy, Đức Phật vừa đến, Ngài điềm đạm bảo:

"Thôi! Đệ tử hãy thôi. Dù cho đệ tử có tận dụng tất cả thần lực của đệ tử cũng không thể nào làm tắt được cây đèn này; vì đó là ánh sáng công đức của vị Phật trong tương lai."

Lời dạy ấy của Đức Phật đã làm cho nhiều đệ tử của Ngài muốn tìm hiểu ai là người đã cúng dường đèn ấy. Sau một cuộc điều tra kỹ càng, họ biết rõ người cúng dường cây đèn kỳ lạ ấy chính là một bà lão hành khất!

Câu chuyện này đến tai vua A Xà Thế. Nhà vua cho vời đại thần Kỳ Bà đến để thuật lại câu chuyện và hỏi:

- Kỳ Bà! Như khanh đã biết trăm làm rất nhiều công đức và cúng dường rất nhiều đèn nhưng không thấy Đức Thế Tôn dạy gì về quả báo của quả nhân. Trái lại, bà lão hành khất chỉ cúng dường có một cây đèn lại được Ngài thọ ký là nghĩa làm sao?

Đại thần Kỳ Bà đứng lên ngăn ngại mãi không dám trả lời.

- Kỳ Bà! Người đừng ngại gì cả, trăm muốn tìm hiểu những nguyên khuyết điểm chứ không bao giờ dám nghĩ khác về Đức Thế Tôn.

Đôi mắt của đại thần Kỳ Bà bỗng sáng lên và khiêm tốn trả lời câu hỏi của nhà vua:

- Tâu đại vương! Theo những điều mà hạ thần được nghe lại từ cửa miệng của những người thân cận các thầy Tỷ kheo, cộng thêm sự suy luận của hạ thần thì tuy đại vương cúng dường rất nhiều phẩm vật, song tâm ý không được chí thành cho lắm và có lẽ đại vương không phát đại nguyện; cho nên tuy có công đức mà không làm sao bằng công đức của bà lão hành khất chỉ cúng dường một cây đèn nhưng đó là cả một tấm lòng chí thiết, một dạ chí thành đối với những Đấng Giác ngộ và nhất là lời thệ nguyện cao rộng của bà ấy.

Nghe đại thần Kỳ Bà phân tích tỉ mỉ về động cơ của sự cúng dường của mình và bà lão hành khất, sau một hồi suy nghĩ và xét lại bản tâm, vua A Xà Thế liền cởi mở được tất cả những điều thắc mắc...

Thiện Châu

"Công đức cúng dường không đánh giá nơi phẩm vật, mà căn cứ nơi sự thành tâm."

ĐỌC SÁCH “THIÊN TẬP TRONG ĐỜI THƯỜNG” CỦA NGUYỄN GIÁC

Đào Văn Bình

Nguyễn Giác Phan Tấn Hải hiện là chủ bút của tờ Việt Báo ở Nam California và trang tin vietbao.com. Anh đã xuất bản cả thảy 8 cuốn sách về Phật Giáo và Thiền. Đây là cuốn sách thứ 9. Sách dày 275 trang, ấn loát rất mỹ thuật theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ, do **Ananda Viet Foundation** xuất bản và **Amazon** phát hành. Sách đã được cư sĩ Tâm Diệu thuộc Thư Viện Hoa Sen giới thiệu như sau:

*“Giá trị của cuốn sách **Thiên Tập Trong Đời Thường** là khi đọc ai cũng có thể hiểu được vì tác giả đã dùng ngôn ngữ đời thường và ai cũng có thể thực hành được dù đang làm việc, đang ăn uống, đang đi, đang đứng ở khắp mọi nơi, mọi lúc. May mắn thay, tác giả cho chúng ta biết pháp Thiền này được phổ biến và thực hành như thế nào tại các nước Tây Phương như Hoa Kỳ và Canada.”*

Theo tôi, sách có thể có một cái tên khác như “Thiền Trong Đời Sống Hằng Ngày” hoặc “Thiền Cho Cuộc Sống Ngày Hôm Nay.” Thế nhưng có người sẽ hỏi: Trong cuộc sống quá lo âu, mệt mỏi, vất vả, chán chường, quá nhiều căng thẳng... hầu như cuốn hút, hồi hả từng giờ, từng phút thì làm sao chúng tôi có thể rảnh rang để mà “Thiền” đây? Thế nhưng có người lại nói rằng chính vì những bất an của cuộc sống khiến căng thẳng thần kinh, có thể đi tới khủng hoảng, chán đời, hủy hoại cho nên cần phải Thiền, cần phải tìm đến Thiền. Chưa biết ai đúng ai sai. Nhưng có một thực tế là ngày hôm nay Thiền không còn bó rọ trong các quốc gia Phật Giáo như Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Miên, Lào, Thái Lan, Miên Điện và Tích Lan mà lan tỏa ra toàn thế giới. Thiền đang trở thành một “toa thuốc” được ưa chuộng để giúp con người có được những giây phút bình an giữa cuộc sống bất an, khiến con người trở nên hiền lành giữa thế giới bạo lực, khiến con người trở nên bao dung, mở rộng vòng tay giữa xã hội có truyền thống kỳ thị. Thiền đã đi vào cuộc sống thường nhật, cuộc sống của thế tục chứ không còn là pháp tu tối thượng của hàng hàng Bồ Tát, cư sĩ mưng cầu giải thoát. Chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu xem trong sách này, tác giả đã cho chúng ta thấy Thiền đã đi vào đời thường (thế tục) như thế nào.

1) Thiền Tập và Nhan Sắc

Tác giả dẫn chứng cuốn sách “*Beautiful Skin: Every Woman’s Guide to Looking Her*

Best at Any Age” của Bác Sĩ chuyên về thẩm mỹ và da đã nói rằng, “Căng thẳng thần kinh (stress) là một tên trộm nhan sắc (beauty burglar). Bởi vì khi lo nghĩ quá độ, làn da ít chất dưỡng khí và như thế các hội chứng như mụn trứng cá, viêm da, mặt sần sùi có thể xuất hiện trở lại.” Rồi một bài báo của tờ Telegraph năm 2012 kể rằng, “Anh Quốc có 8 triệu người có bệnh về da mà một số phương pháp không cần thuốc trong đó có pháp Thiền thư giãn và pháp môn trị liệu Cognitive Behaviour Therapy. Tác giả nói rằng “Nhan sắc, trước tiên phải là một làn da đẹp. Đó cũng là lý do nhiều nữ diễn viên Hoa Kỳ rủ nhau Thiền tập, không chỉ để giảm căng thẳng mà cũng là phương pháp giữ gìn nhan sắc.” Trong chương này, tác giả cũng còn nhắc nhở những người tập Thiền là nếu mê đắm, hoặc ngưỡng mộ giọng đọc, giọng tụng kinh của một vị sư hay ni cô nào thì... chưa thoát cái sợi giây ràng buộc này đã chui vào một cái rọ khác. Thiền là xả bỏ. Thả bỏ thì Tâm -Ý nhẹ nhàng bây giờ gọi là thư giãn.

2) Thiền Tập Cho Cảnh Sát:

Cảnh sát là nghề căng thẳng hơn rất nhiều nghề khác: Cảnh sát Mỹ, mức độ tự sát gấp 1.5 đời thường, mắc bệnh mập phì, tuổi thọ trung bình 68 tuổi, trong khi tuổi thọ dân thường là 78 tuổi. Trong tình hình như thế, một số sở cảnh sát đã chọn giải pháp tập Thiền. Nữ Thiền sư nổi tiếng nhất trong giới cảnh sát Hoa Kỳ là Ni Sư Cheri Maples. Còn cầm nang Cảnh Sát Úc Đại Lợi ghi 5 điều như sau: Không suy nghĩ mà chỉ ghi nhận. Giữ gìn hơi thở điều hòa. Nhận biết mình đang làm gì



và ở đâu. Thấy không làm được việc trước mắt thì tìm việc khác. Và cuối cùng là sống với Thiền tập.

3) Thiền Tập Chữa Bệnh Châm Trí:

Mấy năm gần đây, pháp Thiền đã trở thành cách chữa trị các em bị hội chứng ADHD bao gồm xao xuyến, không thể tập trung (autism), lo buồn, căng thẳng, ưa giận dữ. Rồi phương pháp Thiền tập dưới bàn chân để giúp người giảm bớt tính hung hăng.

4) Thiền Như Pháp Giảm Đau:

Theo thống kê của Viện Y Khoa Quốc Gia (*Institute of the National Academies*) thì nước Mỹ có khoảng 100 triệu người đang bị chứng đau nhức kinh niên. Làm thế nào để bớt đau là nan đề của giới y khoa. Thông thường là cho bệnh nhân uống thuốc giảm thống bao gồm chất *opioids*, kể cả bạch phiến *heroin*... thế nhưng trong năm 2015 các loại thuốc này đã giết chết khoảng 33,000 người. Cho nên ngày nay người ta đang tìm cách chữa bệnh đau nhức mà không cần thuốc, trong đó có các phương pháp như: Đọc sách chung (*shared reading*), làm thơ đó là trường hợp của cô bé Maya Angelou bị hãm hiếp lúc 7 tuổi, nhờ làm thơ mà quên được cơn ác mộng và trở thành một nhà thơ lớn của Hoa Kỳ. Rồi tập thể dục, Yoga cũng giảm bớt đau mà không cần thuốc. Sau rốt là Thiền tập. Nhưng làm thế nào để hướng dẫn tập Thiền giảm đau thì xin quý vị mua sách đọc sẽ rõ.

5) Cà-phê và Thiền:

Tác giả nói rằng theo chiều dài của lịch sử thì Thiền gắn liền với Trà cho nên có hai chữ Thiền-Trà. Tại sao giờ đây có Thiền-Cà-phê? Tác giả nhớ lại ngày xưa cà-phê là một phần đời của Sài Gòn. Chỗ nào cũng có quán cà-phê. Uống cà-phê dù là bác phu xích-lô hay dân thầy, dân thợ đều có phong thái tà tà, không vội vã. Mà không vội vã chính là Thiền vậy. Một hôm, do tình cờ theo dõi giải Oscar trên Đài ABC, tác giả "lạc" vào một trang tin giới thiệu quán cà-phê Thiền ở Hà Nội trên tường có hình Đức Phật, trên bàn có vườn Thiền bằng cát thu nhỏ kiểu Nhật Bản. Chắc chắn những người đến đây là muốn tìm chút an tĩnh tâm hồn giữa thế kỷ hội nhập toàn cầu quá chóng mặt.

6) Ăn Chay Để Cứu Địa Cầu:

Ngoài số lượng vũ khí nguyên tử đang tàng trữ, một tai nạn lớn là thán khí đang hâm nóng địa cầu với hậu quả vô cùng thảm khốc. Theo các nhà nghiên cứu, muốn sản xuất một cân thịt bò phải cần một năng lượng tương đương với một ngọn đèn 100 watt thắp trong 20 ngày. Ngoài ra, hầu hết các loại mề cốc như gạo, bắp, đậu... được dùng để nuôi heo, bò. Nếu số lượng người ăn chay tăng lên, số lượng thực đó có thể dành để cứu đói và giảm lượng khí thải phóng lên bầu trời. Đó là một giải pháp để cứu trái đất này. Về khối người ăn chay, tác giả phân ra **vegetarian** là không ăn thịt động vật. Còn **vegan** là không ăn thịt thú vật và không sử dụng phó sản của thú vật như áo lông thú,



trứng, sữa, mật ong... Hiện nay tại Trung Hoa, Phật tử rủ nhau ăn chay, mỗi năm giảm được khoảng 40 triệu tấn khí thải. Con số này tương đương 9.2% tổng số lượng khí thải của Pháp quốc. Tại Sydney của Úc Châu, con số ăn chay là 14.4% dân số. Tại Melbourne là 12.7%.

7) Hội Sinh Viên Phật Tử Delta Beta Tau:

Chương này nói về một nhóm sinh viên Hoa Kỳ tại San Diego State University (*Nam California*) thành lập một câu lạc bộ, một nhóm thân hữu hay anh chị em Phật tử có tên là Delta Beta Tau (*Chữ Hy Lạp*) cùng nhau tu tập Thiền định và hoằng dương chính pháp. Hiện họ đang gây quỹ để mua lại một ngôi nhà thờ Swedenborg để thành lập ngôi chùa có tên Dharma Bum Temple.

8) Thiền Tông Tại Cuba:

Trong chương này tác giả viết, "Cộng đồng Phật Giáo chỉ là một thiểu số tại Cuba. Dù vậy họ vẫn đang có những bước đi lặng lẽ thơ mộng và trang nghiêm tại đảo quốc xinh đẹp này. Và cũng thật kỳ lạ, Omaru Perez- một nhà thơ và là một nhạc sĩ nổi tiếng ở Cuba, vốn là con trai của lãnh tụ du kích nổi tiếng Che Guevara nay trở thành một tu sĩ Thiền Tông." Năm 1992, hiến pháp Cuba cắt bỏ câu "*nhà nước vô thần*" và trở thành một quốc gia đa tôn giáo. Bây giờ chính sách tôn giáo của Cuba khá cởi mở. Dòng Thiền theo truyền thống Nhật Bản của Thiền Sư Deshimaru đã chính thức mở Thiền đường tại Thủ Đô Havana.

9) Một Góc Vắng Lặng:

Hiện nay các thành phố lớn, đặc biệt như Nữ Ước đang phải đối đầu với nạn "*ô nhiễm tiếng ồn*" (*noise pollution*). Tác giả viết, "Chúng ta đang sống trong một xã hội hỗn loạn và ồn ào." Tiếng động quá mức làm suy giảm thính lực, tăng áp huyết và để có thái độ chống đối lại xã hội. Thế nhưng người ta không thể di chuyển tới một thành phố khác hoặc làm giảm bớt tiếng động mà chỉ còn cách "đối đầu" với tiếng động. Chính vì thế mà một số Phật tử tại Nữ Ước đã quyết định đưa Thiền ra đường phố, tới các trạm xe điện ngầm, vừa hoằng pháp, vừa tự vệ và giúp nhau giữ gìn sức khỏe cho

thân tâm. Cô Maselli nói rằng, “Nhập thất trên đường phố mới đầu như một chuyện vui đùa. Nhưng rồi có nhiều phản ứng tích cực. Dân chúng nhận ra rằng họ có thể tập Thiền ở bất cứ nơi nào.” Nhóm Buddhist Insights đang trở thành những góc rất an bình và vắng lặng giữa một thành phố ồn ào kinh khủng như Nữu Ước với 8 triệu 550 ngàn dân.

10) Tập Thiền Chạy Bộ:

Ngày xưa chỉ nói tới “tọa thiền” nhưng ngày nay Thiền đã đi vào “chạy bộ”. Theo sự nghiên cứu của y khoa, hề chạy được là tốt. Thế nhưng chạy không phải chỉ là chạy. Nếu giữ được chánh niệm trong lúc chạy thì lại càng tốt hơn. Tạp chí Chatelaine ngày 30/10/2012 trong một cuộc phỏng vấn Đại Sư Sakyong Mipham Rinpoche- một lực sĩ chạy đường trường (marathon) đã nói rằng ban đầu chỉ nghĩ chạy để giữ sức khỏe, nhưng dần dà trở thành niềm vui lớn và là cuộc thư giãn (bớt căng thẳng), một cách để nối kết thân-tâm và thiên nhiên chung quanh cùng một lúc.

11) Thiền Tông và Thi Ca:

Chương này tác giả nhắc lại những kỷ niệm khi ra mắt Thiền Ca Hoa Bay Khắp Trời của nhạc sĩ Trần Chí Phúc phổ 10 bài thơ Thiền và một bài đạo ca của tác giả. Tác giả viết, “Một trong những khoảng khắc tuyệt vời trong đời tôi là nhạc sĩ Trần Chí Phúc một đêm điện thoại và hỏi rằng Hải có bài thơ nào để cúng Phật Đản không? Đó là khởi đầu nhân duyên để hình thành đĩa nhạc Thiền Ca Hoa Bay Khắp Trời.”

Hiện nay phong trào sáng tác Thiền Ca nở rộ ở hải ngoại. Tuy nhiên sáng tác Thiền Ca không phải dễ. Nó không phải là Nhạc Đạo mà cũng không phải Tình Ca kiểu “nhạc than, nhạc khóc, nhạc tình, nhạc lim rim để hưởng thú đau thương” mà là nhạc của tình thức, nhạc của nội tâm, nhạc của sự an vui tâm hồn, nhạc của giải thoát và sau hết đó là Nhạc Trời. Người Mỹ không biết có Thiền Ca hay không nhưng họ có một loại nhạc êm đềm, thanh thản, **không lời** gọi là Serenity Music.

Trong chương này tác giả đã nhắc lại chuyện tiền kiếp của Đức Phật vốn là nhạc sĩ tài danh Guttila của thành Ba-la-nại (Benares) nhận lời tranh tài nhạc với học trò là Musila trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương (Kinh 42 Chương). Tác giả đã kết thúc chương này bằng lời của bản nhạc Phật Giáo Việt Nam Lên Đường như sau:

“Con về đây từ núi cao, từ biển xa với hồn thiêng Rồng Tiên ngàn năm quê hương Việt Nam.

Con về đây nghe tiếng chuông chùa, lời mẹ ru, giữ đời đời, nguyện quy y Phật-Pháp-Tăng.

Con lên đường, tới Trường Sơn, tới Biển Đông giữ quê hương một tấc đất không lui.

Con lên đường, lấy tình thương, bảo vệ dân, vững ngàn năm, hộ trì Phật Giáo Việt Nam.”

12) Nói Gì Với Giới Trẻ Về Phật Giáo?

Vì Phật Giáo không phải là tôn giáo ép buộc, dù đã có thời Phật Giáo trở thành Quốc Giáo. Nhưng phần lớn các em, dù gia đình truyền

thống là Phật Giáo nhưng chỉ đến chùa khi có tang sự và bây giờ là đám cưới. Vậy đối với các em nhỏ 14, 15 tuổi phải dạy các em những gì tối cần thiết trong rừng kinh điển của Phật Giáo? Trong khi một số các bậc đại sư lại dạy các em Bát Chánh Đạo còn theo tác giả, nên chỉ cho các em thấy:

- Luật Nhân-Quả

- Lý Vô Thường tức vạn pháp, muôn vật không có gì vĩnh cửu cả.

- Trí tuệ là tối thắng vì Đạo Phật xây dựng trên trụ cột Trí Tuệ.

13) Thiền Tập Và Bao Lực:

Dường như ngày hôm nay bao lực (thô bạo và dùng sức mạnh) giống như một “món ăn để sống” của con người. Bao lực tràn, ở đâu cũng có bao lực, “Bao lực hiện ra ngay trên truyền hình, trên các trang báo, trên mạng xã hội. Nhiều khi bao lực hiện ra trong ngôn ngữ góp ý qua các bản tin trên báo điện tử hằng ngày, đôi khi cả các bài viết về tôn giáo. Đạo Phật chưa từng dẫn tới thánh chiến, đã nhìn về hay ứng phó về bao lực thời này ra sao?”

Trong chương này tác giả nói về cuộc đời của một phụ nữ Da Đen đồng tính luyến ái, sinh ra và lớn lên từ thành phố Oakland, California là một trong 10 thành phố bạo lực nhất nước Mỹ mà người ta gọi là “Unfriendliest Cities” và bà cũng là nạn nhân của bạo lực. Thế nhưng nay bà đã trở thành vị ni sư có pháp danh Zenju tức Bi Mẫn hay Diệu Dàng, Tử Tế triệt để. Một sự chuyển hóa thật tuyệt vời. Điều khai ngộ cho bà không phải kinh điển Phật Giáo mà chính là khi quan sát hai vị Thiền Sư nói chuyện với nhau, bà chợt nhận đại ngộ và nhận ra thấy cần phải tu tập ngay trên Thân mình (body practice) biểu hiện qua đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng cử chỉ. Kiểm soát được Thân cũng là kiểm soát được Tâm mình. Rõ ràng, không thể có vị thiền sư nào mà cử chỉ, dáng



vẻ hấp tấp, vội vàng, sơ sót, mà rất an nhiên, dịu dàng, tử tế. Mà khi đã dịu dàng, tử tế thì không thể có bạo lực.

14) Thế Vận Và Thiền Tập:

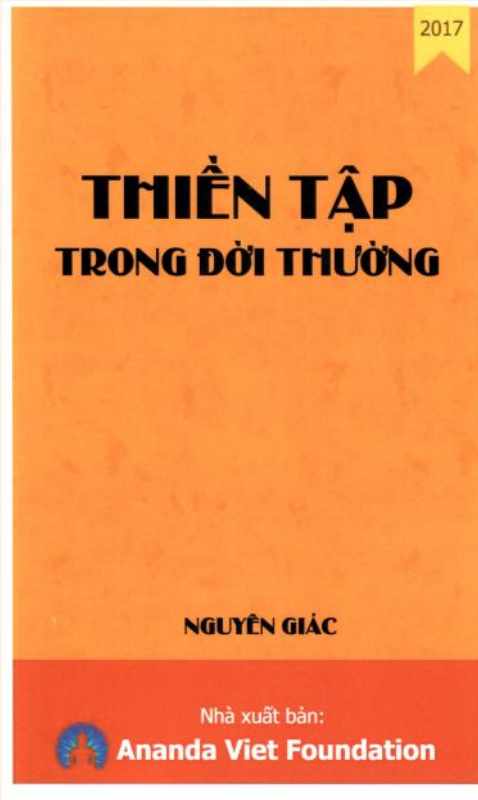
Ngày nay sự tranh tài tại các Thế Vận Hội vô cùng căng thẳng do đó một số đông lực sĩ đã phải dùng thuốc kích thích (*doping*) thể nhưng các lực sĩ Úc đã dùng Thiền để giúp các lực sĩ bớt căng thẳng và giữ được tâm lý điều hòa lúc tranh tài. Một số đoàn tham dự Thế Vận Hội khác lại dùng phương thức cầu nguyện hay tham dự thánh lễ.

15) Vài Ý Nghĩ Rời Về Hoảng Pháp:

Trong chương này tác giả bày tỏ ưu tư là làm cách nào đem Phật Giáo tới cho tuổi trẻ. Còn quý thầy trong nước nên thiết lập hay hỗ trợ cho một nhóm cư sĩ chuyên phiên dịch các vấn đề Phật Giáo hay xã hội, cách đối phó với những vấn đề xã hội mới ra sao, về tâm lý thanh-thiếu-niên, về tình hình phát triển của các tôn giáo khác, hay về tương quan giữa khoa học và Phật Giáo. Hiện nay một số đông quý thầy chọn cách hoảng pháp bằng các buổi thuyết giảng trên Youtube. Thế nhưng tác giả đề nghị quý thầy nên soạn bài thật kỹ lưỡng, chớ có cương ẩu, lạc đề khiến đối chọi với kinh điển vì nếu không có bài vở sẽ nói qua trí nhớ hoặc ngẫu hứng. Ngoài ra tác giả cũng mong các chùa nên gần bó với làng xóm, chùa giàu giúp chùa nghèo trong tinh thần "lá lành đùm lá rách. Trong khi không khí tu học trong nước thật sôi nổi thì hải ngoại người đi lễ chùa tóc bạc nhiều hơn tóc xanh, thật đáng lo.

16) Phật Học Và Nghệ Thuật:

Hiện nay một số không nhỏ quý thầy đã đàn ca, xướng hát, làm người dẫn chương trình ca nhạc, khôi hài, múa may quay cuồng trên sân khấu và nguy hiểm rằng "nhập thể" "phá chấp" hoặc "đem đạo vào đời". Tác giả trích dẫn lời Hòa Thượng Thích Trí Thủ trong Bát Quan Trai Giới dạy rằng, "*Như chư Phật suốt đời không ca múa xướng hát và không đi xem hoặc nghe... Chúng con nguyện một ngày không ca múa xướng hát và đi xem hoặc nghe...*" Tác giả phân biệt cho chúng ta thấy nghe nhạc thể gian và chính mình hát nhạc thể gian và làm nhạc thể gian... hai chuyện đó hoàn toàn khác nhau. Trong một cuộc tranh luận về vấn đề âm nhạc, khi một đại lão hòa thượng nghe một bản nhạc do một Phật tử hát cúng dường, tác giả đã có quan điểm như sau: "*Khi chư Thiên hát bản*



tình ca, Đức Phật cũng hoan hỉ vì ngài ở trong cảnh giới đại định (không bị tác động). Giới luật là để gìn giữ sáu căn chứ không phải bảo vệ lỗ tai" tức nghe cũng chẳng sao, nghe mà chẳng nghe. Thế nhưng theo tôi, mình đã ở vào cảnh giới đại định chưa? Mình đã là Phật, Bồ Tát, A La Hán chưa? Đang ngập lặn trong biển ái dục, sợ quá phải xuất gia đầu Phật để xa lìa ái-dục. Nay lại nhảy vào cái "biển ái nguồn ân" đó thì xuất gia để làm gì? Tại sao không ở ngoài đời để học nghề ca sĩ, MC kiếm tiền có phải sướng không và chẳng ai dị nghị? Một ni cô tối ngày nghe băng Thúy -Nga Paris, chắc chắn tâm hồn còn bất định, lãng mạn, làm sao có thể an trụ tâm? Một vị sư hát "Mười Năm Tình Cũ" thì là sư giả chứ không phải là sư thật. Mọi giải thích chỉ là nguy hiểm. Còn Phật tử nhe răng

cười nghe theo—là Phật tử vô tình phá đạo hay hạ thấp giá trị của Phật Giáo vốn là đạo thanh tịnh.

17) Hội Hoa Và Thiền Tập:

Trong chương này tác giả nói có lúc đã về 42 bức chân dung Đức Đạt Lai Lạt Ma để mừng sinh nhật thứ 75 của ngài. (Tác giả có gửi tặng tôi một số chân dung này). Thế nhưng tác giả nghiệm ra rằng, "Hội họa cũng như mọi hành vi nghệ thuật khác như viết truyện, làm thơ, sáng tác nhạc, hát ca... tự thân không có tác dụng Thiền tập. Vì rất nhiều nghệ sĩ mà tác giả quen biết, thân cận... đều không quan tâm đến chuyện tu học. Và sáng tác nghệ thuật tuy là hành vi văn hóa nhưng thường làm cho cái Ngã sâu dày hơn. Nghĩa là người ta có thể Thiền-hóa nghệ thuật nhưng không thể nghệ-thuật-hóa Thiền (*tức không thể biến Thiền thành một thứ nghệ thuật*). Với tâm Thiền, mọi nghệ thuật chỉ là phương tiện."

18) Phật Giáo Thái Lan Nhìn Lại 50 Năm:

Trong chương này tác giả ca ngợi dòng Thiền Thái Lan qua các đại sư như Ngài Ajahn Sumedho, Ngài Ajahn Chah, "*Đó là ngôn ngữ Thiền Lâm Truyền Thái Lan, cũng là ngôn ngữ Thiền Tông Đông Độ, không thể khác hơn. Đó là Bát Nhã Tâm Kinh là Kim Cương Kinh... và tôi là Phật tử Thái Lan chính hiệu Thái Forest Tradition.*"

19) Tu Học: Nói, Nghe, Đọc, Viết:

Tác giả trình bày một số cảm nghiệm của bản thân mình như:

- Thích đọc kinh, đọc sách hơn là nghe bằng giảng. Bằng giảng rất tiện lợi cho người lười

đọc, tốt cho người không thể ngồi (vì bệnh chẳng hạn) nhưng khi trích dẫn thì không thể trích dẫn lời trên băng giảng.

- Khi nghe băng giảng, cố người thích giọng Bắc, giọng Nam, giọng Huế. Còn chữ viết thì không có phân biệt.

- Tác giả có một ước mơ là tăng/ni trong và ngoài nước nên rèn luyện khả năng viết. Khi nói thì phải vận dụng trí nhớ và có thể nhầm lẫn. Còn khi viết thì phải dẫn đo, tra cứu. Văn viết ít lời hơn nói và nói có khi dư thừa.

20) Tự Thiêu Và Giới Sát:

Về trường hợp các tu sĩ Tây Tạng tự thiêu để đòi hỏi quyền tự do tôn giáo và giữ gìn bản sắc dân tộc có phạm giới sát sinh hay không? Đức Đạt Lai Lạt Ma- người được giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 1989, nói chuyên trước 150 dân biểu Nhật Bản tại Tokyo đã nói rằng, "Sự kiện tự thiêu đó là rất buồn và rằng là để đối kháng với những gian nan quá lớn mà họ đối diện. Những vị này sẵn sàng hy sinh thân mạng của họ không phải vì họ say rượu hay bất mãn chuyện gia đình." Tác giả cũng còn trích dẫn tác phẩm Phật Giáo Chánh Tín của Pháp Sư Thánh Nghiêm- người sáng lập Viện Nghiên Cứu Phật Học Trung Quốc ở Đài Loan năm 1985 nói rằng, "Phật Giáo không phải là tôn giáo khuyến khích vị kỷ. Người Phật tử vì sự nghiệp độ sanh trong trường hợp cần thiết cũng sẵn sàng xả thân để bảo vệ tín ngưỡng

thần thánh của mình. Có những Phật tử đã tuân tiết. Một người hành Bồ Tát đạo chân chính có thể xả bỏ cả tay chân, thịt, mắt cho đến cái đầu của mình." Như thế quan điểm của Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng phù hợp với Kinh Pháp Hoa và Tạp A Hàm. Đức Đạt Lai Lạt Ma kêu gọi chính phủ Trung Quốc điều tra xem tại sao có quá nhiều cư sĩ Tây Tạng chọn con đường tự thiêu như vậy.

Lời Kết:

Với học Phật uyên thâm, do làm báo phải theo dõi tin tức thế giới từng giờ, trình độ Anh Ngữ thông thạo và tâm hồn rất nghệ sĩ, Nguyên Giác Phan Tấn Hải đã bỏ công tìm tòi những tài liệu quý giá về sinh hoạt Thiền và Phật Giáo trên toàn thế giới hầu như viết bằng tiếng Anh. Và anh đã đúc kết lại thành cuốn sách ngày hôm nay với một số bình giảng và trích dẫn kinh giáo. Với lời giới thiệu chỉ vỏn vẹn có vài trang, tôi không thể nói hết những dữ kiện thú vị, có giá trị mà anh đã thu thập được và đóng góp thêm phần trí tuệ - mà quý vị chỉ còn cách tìm đọc. Muốn mua sách "Thiền Tập Trong Đời Thường" xin vào www.Amazon.com và đánh chữ: "thien tap trong doi thuong" quý vị sẽ có một cuốn sách quý để đọc. Trân trọng giới thiệu.

Đào Văn Bình
(California ngày 21/5/2017)



Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Hai

(kỳ 2, tiếp theo)

Cái bệnh chung của những người cuồng tín, mê tín là thích lý luận, thích rao truyền những điều mình đã học thuộc và hăng hái thuyết phục người khác theo mình mà chẳng cần biết, chẳng cần tìm hiểu gì về quan điểm và niềm tin của đối phương cả.

Một khi kẻ đi chinh phục tin chắc rằng cái gì của mình cũng đúng (và của kẻ khác tất nhiên là sai!) thì hẳn sẽ không từ chối việc áp đặt niềm tin và quan điểm của mình lên kẻ khác. Sự áp đặt này là mầm mống của tai họa, gieo rắc chiến tranh khắp nơi. Lịch sử cho thấy nó còn khốc liệt hơn những cuộc chiến bắt nguồn từ tham vọng chiếm hữu đất đai, tài sản hay từ khát vọng quyền lực.

Tôi rất buồn khi biết thầy Thiện Phước có vẻ "thích" chính quyền mới một cách vô điều kiện. Nhưng tôi vẫn quý mến thầy, một phần vì thầy là một tăng sĩ trẻ có tài của giáo hội, một phần vì thầy là một người trí thức biết tôn trọng suy nghĩ và niềm tin của kẻ khác. Dù có ca ngợi chế độ mới, thầy ấy đã không có ý cố gắng thuyết phục tôi đi theo. Thôi thì đành đường ai nấy đi, miễn là làm được điều gì lợi ích cho cuộc đời là được rồi.

Đâu chừng tháng sau thì tôi nghe tin thầy Thiện Phước không còn ở chùa Phước Lâm nữa. Thầy đã tự nguyện hoàn tục để dẫn thân vào công cuộc xây dựng đất nước mà chính quyền mới kêu gọi. Sức học của thầy cộng thêm đức khiêm cung, nhẫn nại, học được trong cửa chùa, chắc hẳn là sẽ đóng góp được nhiều điều tốt đẹp cho xã hội. Tôi không dám nghĩ là thầy sai lầm. Tôi chỉ hy vọng rằng thầy đã có ý hướng dẫn thân phát xuất từ niềm thương yêu đối với con người và cuộc đời thì sẽ chọn được

phương cách tốt nhất để thực hiện ý hướng ấy, chứ không phải là để góp sức làm lớn mạnh một chính quyền, một đảng phái thể tục mà hiện nay, dù không tiếp xúc nhiều với đời, tôi cũng biết là người dân không mấy có thiện cảm và tin tưởng.

"Chú Khang, có khách tìm thăm kìa," chú Tửu bước vào phòng nói với tôi mà miệng cười tủm tỉm như chế nhạo.

Quay nhìn về hướng cửa, tôi thấy một anh bộ đội ngã mũ bước vào. Tôi chưa nhận rõ anh là ai nhưng anh đã cười, nói thân thiện:

"Khỏe không? Bộ nhìn không ra sao mà nhìn ngẩn người vậy?"

Khi anh ấy đến gần đưa tay bắt, tôi mới thực sự nhớ lại anh là một người bạn cũ không thân lắm. Anh ấy tên Tân, cũng là một chú tiểu, cùng thọ giới Sa-di với tôi ở giới đàn tổ chức tại Phật học viện Quảng Nam này. Anh lớn hơn tôi vài tuổi. Trước kia còn là chú tiểu, anh đã sạm đen, nay đi bộ đội, nước da càng đen sẫm và bóng lên. Chưa đầy một năm mà bây giờ Tân có vẻ vạm vỡ, chắc người ra. Tôi chẳng biết nói gì, chỉ cười.

"Tôi tưởng chú về Nha Trang rồi chứ. Hôm qua ghé thăm chùa Phước Lâm, nghe quý thầy quý chú bên đó nói chú vẫn còn ở đây để lao động nên hôm nay lập tức qua thăm."

Tân nói với tôi với giọng mừng rỡ, thân mật thực sự. Nhưng bỗng dưng, tôi thấy có một khoảng cách. Cái khoảng cách kỳ lạ, rất buồn, giữa hai người bạn, hai người quen. Tôi tự hỏi, phải chăng chúng tôi là bạn vì chiếc áo và trở nên xa lạ cũng chỉ vì màu áo?

Trong phòng không có ghế. Tân tự động ngồi trên cái giường nhỏ kê sát giường nằm của tôi. Phòng này hồi trước năm 1975 là phòng ngủ của chúng Ca Diếp. Phòng rộng, chứa mười tám cái giường ngủ nhỏ cho mười



tám người nằm. Bây giờ chỉ còn bốn, năm người, nhưng mười tám cái giường cứ còn nguyên đó, chẳng ai buồn dọn đi bớt cho rộng. Chúng tôi ngồi trên hai cái giường đặt ở khoảng cuối gian giữa của phòng. Từ trong nhìn ra, tôi bỗng thấy những cái giường trống toát lên cái vẻ hoang lạnh dễ sợ của một bệnh viện hay một nhà xác. Hình như những hình ảnh lao xao, hốt hoảng, kinh sợ trên nét mặt mọi người trong cuộc di tản vĩ đại của các tháng tàn xuân vừa qua hãy còn tác động mạnh mẽ trong lòng tôi, mà đến lúc này, ngồi im lặng trước người bạn cũ vận quân phục xù xì của quân đội cộng sản, tôi mới thực sự cảm nhận được. Tôi cười gượng gạo, và vẫn giữ im lặng. Một chặp, nhớ tới câu nói của anh ấy khi này, tôi buột miệng nói;

"Về lại Nha Trang cũng là tu học, ở lại đây cũng là tu học, nên tôi thấy không cần thiết phải về. Tôi ở lại đây để tiếp tục tu học, không phải để lao động."

Nghe tôi nói vậy, Tân có vẻ hơi khựng một chút. Nhưng vốn là người mau mắn, anh cười, nói ngay:

"Chứ lao động có gì xấu đâu mà chối. Bây giờ ai cũng lao động hết. Cả nước lao động. Không còn ai ngồi không chỉ tay nằm ngón, bóc lột sức lao động của người khác nữa. Bộ đội như chúng tôi cũng lao động đó, chứ không phải chỉ cầm súng đánh giặc thôi đâu."

"Tôi đâu cần phải che giấu cái chuyện lao động. Có điều, đó không phải là mục đích khiến tôi ở lại đây. Hơn nữa, lao động chẳng bao giờ là mục đích cả. À, mà thôi, chuyện đó đâu cần thiết để bàn. Anh mới vào bộ đội hả?"

"Mới vào mấy tháng thôi."

"Thầy Thiên Phước nói hòa bình rồi mà. Vậy mà vẫn còn cần thiết để đi cầm súng sao?"

"Vậy chứ chuyện tu cũng còn cần thiết sao?"

"Khi nào con người còn đau khổ thì chuyện tu còn cần thiết chứ. Chuyện tu đâu lệ thuộc vào sự đổi thay của các giai đoạn chiến tranh hay hòa bình. Cũng không phải khi gặp nạn thì vào chùa trốn nấp, đến khi thấy yên thì bỏ ra

ngoài mà tung hoành ngang dọc."

"Chú nói vậy là đừng chạm lăm đó nghe, tôi có trốn nấp trong chùa hồi nào đâu. Tôi đi tu, bây giờ thấy không cần thiết phải tu nữa, nên tôi ra ngoài, đi bộ đội, đóng góp đời mình cho đất nước. Chuyện đó hay quá trời, chú khuyến khích mới phải chứ."

Tôi bật cười lên:

"Ừa, nói chơi vậy mà cũng đừng chạm sao? Vậy mà tôi tưởng... Thôi, xin lỗi..."

Lúc ấy, chú Tửu và Dũng bước vào. Tân ngồi yên, chào các chú kia bằng một nụ cười. Tôi nhớ lại hình như trước kia, khi còn ở chùa, tôi chưa thấy chú ấy chào người khác bằng cách chắp tay bao giờ. Tân ngông nghênh, nhìn người bằng nửa con mắt, chẳng muốn kết bạn với ai mà cũng chẳng ai muốn kết bạn với chú ấy. Nhưng hồi đó, chẳng hiểu sao Tân cứ tìm cách làm thân với tôi, mua sách tặng, rồi nói chuyện triết lý vu vơ. Tôi cũng trò chuyện với Tân như đã trò chuyện với nhiều chú khác trong khóa an cư và thọ giới năm ấy, nhưng không thể thành bạn thân được. Vậy mà sau khi thọ giới, trở về chùa Phước Lâm, Tân có viết thư, gửi sách đến tặng tôi, và vẫn ghi trong thư rằng tôi là người bạn thân nhất của anh ấy. Bây giờ, có lẽ vì vẫn còn coi tôi như người bạn "thân thiết" mà Tân đến thăm tôi bất kể tôi có vui vẻ tiếp đón hay không.

Có sự hiện diện của những người khác trong phòng, hình như Tân không còn nói chuyện được tự nhiên nữa, bèn rủ tôi ra sân. Tôi miễn cưỡng đi dạo với Tân qua hết khoảnh sân rộng trước chánh điện rồi qua hàng hiên mát của dãy phòng học. Đứng lại một lúc ở tam cấp, Tân nói:

"Hình như mấy chú ở đây nhìn tôi với con mắt lạ lẫm, chẳng có chút cảm tình nào. Nhưng mà thầy kể mấy chú ấy. Tôi có cảm tình cảm gì của mấy ông. Tôi đến thăm Khang hôm nay vì nghĩ đến người bạn xưa. Chẳng hiểu sao, tôi chẳng bao giờ quên được Khang. Tôi biết Khang lúc nào cũng đứng đứng, chẳng thấy quan trọng gì ở cái tình bạn lỏng lẻo giữa hai tụi mình, nhưng nói thiệt, đâu phải mình tôi, phải không, hồi đó nhiều người khác tự dưng cũng muốn kết bạn với Khang. Mà rồi Khang cũng đâu có thân với ai. Không hiểu Khang nghĩ gì về những người bạn của mình, nghĩ gì về tôi? Hình như Khang coi thường tất cả vì nghĩ rằng mình vượt xa họ?"

"Tôi đâu có nghĩ gì. Tôi không hề thấy xa cách với bất cứ chú tiểu nào ở chung chùa, hay học chung khóa. Tôi không dám coi thường ai. Mình có cái gì mà coi thường người khác chứ. Tất cả các chú hồi đó đều là bạn thân của tôi."

"Chính vì coi ai cũng là bạn thân, nên chẳng có ai thực sự là thân cả."

"Tại sao phải cần sự thân thuộc như một thứ ràng buộc khác của tình cảm. Người xuất gia đâu cần sự gắn bó tình cảm với ai, cho dù sự gắn bó ấy là gắn bó của tình bạn. Có bạn hữu để nâng đỡ nhau, nương tựa nhau tu học.



Tốt, rất cần. Nhưng đừng đặt vấn đề người này là bạn thân, người kia là bạn sơ. Bạn thân thì phải đối xử ra sao, bạn sơ thì phải đối xử thế nào! Tất cả là bạn, vậy chưa đủ sao! Cách suy nghĩ và tiếp xử đó cũng chẳng sai trái gì với chuyện tu học cả."

"Bây giờ mà Khang còn nói chuyện tu với học, xuất gia với tại gia! Sao nghe xưa quá!"

"Vậy chứ chú nghĩ rằng... bây giờ không cần phải tu học nữa à?"

"Bỏ quách cho rồi. Mấy lá thư hồi đó tôi viết cho chú những gì bộ chú quên rồi sao?"

"Thư nào? Viết cái gì?"

"Trời đất! Hồi vậy là biết chú chẳng thèm đọc thư của tôi gởi rồi."

"À, mấy cái thư chú gởi đó hà... Thì nói chuyện triết lý nhứt đầu quá, tôi đọc có hiểu cái chi đâu mà bảo nhớ! Nhưng chuyện thư từ hồi đó còn xưa hơn chuyện đang nói bây giờ. Trở lại vấn đề tu học. Chú nói chuyện nghiêm chỉnh đi. Chú ở chùa ra mà bây giờ nói chuyện tu học chẳng cần thiết nữa. Chú giải thích đi."

"Thực ra, tôi đến thăm Khang cũng có mục đích chứ chẳng phải không. Nói thực, tôi thấy những năm ở chùa phí phạm tuổi trẻ quá. Chẳng làm gì giúp ích được cho đời. Mà cũng chẳng mang lại lợi ích cụ thể nào cho chính bản thân. Tôi muốn khuyên Khang nên bỏ sớm chừng nào tốt chừng nấy, như vậy sau này khỏi hối tiếc. Vì không bỏ bây giờ, sau này cũng phải bỏ thôi."

"Xuất gia là để tu học, không tu học thì phí phạm tuổi trẻ. Xuất gia cũng là để giúp ích cho đời về mặt tinh thần, mình không tu học cho

đàng hoàng, cho đến nơi đến chốn thì chẳng giúp ích gì cho bản thân cũng như cho cuộc đời. Điều này có thể áp dụng cho bất cứ con người nào, bất cứ hoàn cảnh nào, thời đại nào. Không sống trọn vẹn với màu áo và lý tưởng mà mình đeo đuổi thì cuộc đời kẻ ấy coi như rỗng tuếch. Nếu kẻ nào không tìm được gì hữu ích trong thời gian xuất gia ở chùa thì đó là do kẻ ấy chưa thực sự tu học đàng hoàng. Ý tôi muốn nói kẻ ấy đã không lấy chuyện học đạo làm mục tiêu mà chỉ mượn chiếc áo để lẩn tránh một cái gì đó ngoài đời. Xuất gia theo kiểu đó thì phí phạm tuổi trẻ là phải rồi. Riêng tôi, tôi không dám nói tôi hiểu đạo nhiều hay đã làm lợi ích gì cho đời, cho người. Nhưng tôi có thể khẳng định rằng, tôi không bao giờ hối tiếc việc xuất gia học đạo của tôi cả. Bạn có thấy cần thiết phải khuyên một người từ bỏ cái gì mà kẻ ấy đam mê, thích thú và giốc trọn cả tâm tư vào đó không? Cũng như bạn bây giờ, đang say mê chạy theo một lý tưởng thế tục nào đó, tôi thấy đâu cần phải phủ dụ bạn rời bỏ để theo tôi. Bạn cứ giốc trọn cuộc đời của bạn vào đó đi sau khi đã tìm hiểu và xác quyết về giá trị của nó."

"Nhưng ở đây, chuyện tôi khuyên không phải chỉ nhằm vào bản chất, vào giá trị của lý tưởng mà Khang đeo đuổi. Tôi còn nhằm vào cái hoàn cảnh thực tế ngoại tại nữa."

"Nghĩa là sao?"

"Nghĩa là, như tôi nói khi nãy, nếu bạn không từ bỏ bây giờ thì sau này bạn cũng phải từ bỏ mà thôi. Sẽ không còn tôn giáo nào ngự trị trên mặt đất này nữa. Cái sự thực đó, tôi thương bạn nên muốn nói trước với bạn như vậy để bạn suy tính mà thôi."

Tôi mỉm cười ngạo nghễ, tự tin:

"Nếu mai sau trên đường tu tập, tôi thất bại hoặc bỏ cuộc thì lý do chắc chắn không phải vì bất cứ kẻ nào hay thế lực nào cưỡng ép cả."

"Chắc không đây?"

"Chắc chắn. Tôi đã tự do chọn lựa con đường xuất gia thì tôi cũng sẽ tự do chọn lựa con đường hoàn tục. Không ai cưỡng ép được."

"Đáng tiếc! Để rồi coi," Tân nói vậy, miệng cười cười. Tôi bỗng không kèm được sự bực bội, nói tiếp:

"Còn nói rằng ở chùa không làm lợi ích gì cho đời thì nông cạn quá. Lợi ích đâu phải lúc nào cũng phải thấy rõ ràng mới gọi là lợi ích. Đám mây bay ngang trời là vô dụng trong mắt anh, nhưng sẽ có ích cho một tâm hồn muốn được ngơi nghỉ nhìn ngắm, phải không? Nếu cứ nhắm vào cái cụ thể thì hiện nay, trong mắt tôi, hay trong mắt người dân miền Nam, bộ đội như anh đâu có làm lợi ích gì cho đất nước. Các anh nói là hòa bình rồi, hết chiến tranh rồi, nhưng quân đội cứ phát triển nhân số. Gần một triệu quân, phải không? Tôi nghe chú Nguyễn nói vậy. Khiếp thật! Vậy rồi các anh ở không, tập luyện quân sự, để đánh ai trong tương lai thì chẳng biết, chỉ thấy trước mắt là nhân dân phải lo nài lưng ra mà nuôi các anh. Đưa cái lợi



cụ thể mà các anh đóng góp cho đất nước này ra cho chúng tôi xem coi nào?”

“Bây giờ chưa thấy nhưng sau này sẽ thấy... Mặt khác, phải bảo vệ đất nước khỏi sự hăm he tấn công của bá quyền Trung quốc. Đó là những ích lợi sẽ có trong tương lai, khi nào đất nước cần đến.”

“Làm tăng sĩ cũng vậy. Khi nào con người cần đến, tự đứng họ sẽ thấy được cái lợi ích mà người tăng sĩ hiến tặng họ. Cái lợi ích đó không phải là cái cụ thể có thể phô bày ra được, và cũng không phải chỉ là chuyện cơm ăn áo mặc. Anh là kẻ cảm hứng không trực tiếp tạo nên cơm áo thì anh hẳn biết điều đó mà, phải không?”

Chúng tôi im lặng một khoảng lâu rất nặng nề. Nắng lên cao. Bãi cát trắng trên khoảnh đất trống bên hiên dãy phòng học hắt lên một màu chói lòa. Có những dấu chân người, dấu chân chim, dấu chân gia súc, dẫm lên nhau, khóa lấp nhau, trên mặt cát dợn sóng, tạo nên bức tranh với hai màu trắng đen, đậm nhạt, hỗn độn, không định tính, như tác phẩm của một chàng họa sĩ sáng tác trong tâm trạng không được bình tĩnh. Tôi không ngờ đã có những lúc trong đời, tôi phải nói chuyện không được hòa nhã với bạn bè của mình.

Và điều mà tôi thấy lạ nhất là dòng suy

tưởng của tôi lúc này không còn thuần tính, đơn sơ, mộc mạc như bức tranh thiên nhiên, thiên vị nữa. Hình như dòng sông nào cũng vậy, có những lúc tĩnh lặng, nhưng không sao tránh khỏi những khi sóng gió. Không nhiều thì ít, tôi cũng đã để tâm đến thế sự, điều mà tôi và các bạn đồng tu cùng lứa hầu như không hề để ý đến từ nhiều năm trước.

(mời xem tiếp chương 3)
Vinh Hào

